

ĐẠI-ĐẠO-TAM-KỲ PHỔ-ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH



Sưu Tập

**Những Bài Viết Về
TRIẾT LÝ ĐẠO CAO-ĐÀI
Quyển II**

TƯ CHƠN



TÀI LIỆU SƯU TẦM 2021
hai•không•hai•một

Ebook được làm theo tài liệu phổ biến trên Website **DAOCAODAI.INFO**.
Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót do sự tái trình bày lại, có thể
có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **SOẠN GIẢ TỪ CHỌN, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngỏ hẫu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 30/07/2021
Tâm Nguyên
Website: **tusachCAODAI.wordpress.com**

Sưu Tập
Những Bài Viết
về Triết Lý Đạo Cao-Dài
②

TÙ CHƠN

MỤC LỤC

Những BÀI VIẾT về TRIẾT LÝ	
ĐẠO CAO-ĐÀI11
1. ĐỨC CAO THƯỢNG PHẨM TRONG BÍ PHÁP TỊNH	
LUYỆN CỦA ĐẠO CAO ĐÀI	12
■ GIỚI THIỆU	12
■ Những Dấu ấn Thiêng Liêng	13
» Là một đồng tử quan trọng	14
» Vai trò quan trọng trong Hội Yến Diêu Trì	16
■ Vai Trò Trong Bí Pháp Tịnh Luyện	17
» Chuỗng quản các Tịnh Thất	17
» Hỗ trợ sau khi xuất Chơn Thần	19
» Giúp đỡ trong việc trở về ngôivị cũ	20
■ KẾT LUẬN	21
2. HAI BÀI THƠ TIÊN TRI CỦA ĐỨC HỘ PHÁP	22
■ NHẬP	22
■ HAI BÀI THƠ	24
» Bài 24	24
» Bài 25	25
■ GIẢI THÍCH TỪ NGỮ	25
■ DỊCH RA TIẾNG ANH	26
» Poem 24	26
» Poem 25	27
■ DIỄN GIẢI	27
» Bài 24	27
» Bài 25	27
■ KẾT THÚC	28
3. HÀNH TRANG RA BIỂN LỚN CỦA TÍN ĐỒ CAO ĐÀI ..	30
■ LỜI TIÊN TRI THÀNH SỰ THẬT	30
■ VÀI VA CHẠM ĐẦU TIÊN	34
■ TỰ TRANG BỊ	37
» Kiến thức tôn giáo	38
» Tiếng Việt	40

» Tiếng Anh	41
■ Kỹ năng để lập ngôn (nói và viết về đạo)	41
» Ngoại ngữ	47
■ KẾT LUẬN	47
■ Tài liệu tham khảo	48
4. HIỆN TƯỢNG XUẤT CHƠN THẦN CỦA ĐẠO CAO	
ĐÀI: –HUYỀN HỌC và KHOA HỌC	49
■ GIỚI THIỆU	49
■ HUYỀN HỌC	52
» Trí Huệ Cung	53
» Trí Giác Cung	54
» Vạn Pháp Cung	54
» Bí Pháp Luyện Đạo của Bát Nương Diêu Trì Cung	55
■ KHOA HỌC ỨNG DỤNG.....	56
■ KẾT LUẬN	59
5. ẨN NGHĨA CÂU CHUYỆN HỘ PHÁP MỞ CỦA CỤC	
LẠC THẾ GIỚI.....	62
■ NHẬP.....	62
» Nguyên thủy.....	62
» Tâm quan trọng.....	64
■ Những Định Nghĩa Cần Thiết.....	66
» Niết Bàn.....	66
» Cực Lạc Thế Giới.....	67
» Hộ Pháp.....	68
» Chữ vạn	69
» Giáng Ma Xử	70
■ BÍ PHÁP.....	70
» Tại sao phải ẩn dụ	70
» Rút gọn	79
■ THÚC.....	81
■ Tham khảo:.....	82
6. QUAN ÂM BỒ TÁT trong đạo CAO ĐÀI.....	84
■ Mở đầu	84
■ Huyền thoại	85

■ Ý nghĩa thực sự.....	87
■ Quán Thế Âm trong Cao Đài	92
■ Tham Khảo	95
7. SỨC MẠNH CỦA CÂU NGUYỆN.....	96
■ Dẫn	96
■ Sức mạnh.....	97
■ Câu chuyện trong Kinh Thánh.....	98
■ Câu nguyễn thời hiện đại	101
■ Kết.....	104
8. THIỀN ĐÔNG THIỀN TÂY.....	105
■ Giới thiệu.....	105
■ Cách tiếp cận	106
■ Phát triển	108
» Định nghĩa	109
» Phân loại	110
» Tư thế.....	111
» Thành quả.....	111
» Hãy thận trọng.....	112
■ Những khác biệt.....	112
■ Cần làm gì hiện nay.....	113
■ Kết thúc	114
9. NHỮNG CÁCH THỨC THÔNG CÔNG TRONG ĐẠO CAO ĐÀI	117
■ Giới thiệu.....	117
■ Những đồng tử.....	128
■ Phân loại cơ	129
» 1. Tiên Cơ	129
» 2. Tà Cơ	129
» 3. Nhơn Cơ.....	130
■ Kết luận	130



TÒA-THÁNH TÂY-NINH

NHỮNG BÀI VIẾT VỀ TRIẾT LÝ ĐẠO CAO-ĐÀI

• •  • •

1. ĐỨC CAO THƯỢNG PHẨM TRONG BÍ PHÁP TỊNH LUYỆN CỦA ĐẠO CAO ĐÀI



GIỚI THIỆU

HÀO 1/3 ÂM LỊCH HÀNG NĂM Hội THÁNH CAO ĐÀI KỶ NIỆM NGÀY Đức THƯỢNG PHẨM CAO QUỲNH Cư trở về Cõi Thiêng Liêng Hằng Sống. Ngài là một trong những vị tiền bối đã mở đường khai phá vào những ngày đầu thành lập Đạo Cao Đài. Sử đạo còn ghi lại lòng tin tuyệt đối của Ngài đối với Đức Chí Tôn Thượng Đế. Khi nghe lệnh mở Đạo, Ngài lập tức từ bỏ cuộc sống sung túc, không ngại thiếu thốn, dấn thân làm người đi đầu mở Đạo cho Đức Chí Tôn. Đến nỗi bạn bè phải khuyên can “*Thầy Tư, sao thầy quá tin dị đoan. Con còn đang học bên Pháp, mà Thầy đi như vậy thì việc học của con phải dở dang sao?*” Xét kỹ tình cảnh của Ngài thì mới thấy đức tin này quả thực là rất hiếm có đối với một người bình thường dù là trong xã hội thuộc Pháp ngày xưa hay thậm chí ngày nay cũng vậy.

Đọc sử Đạo, hầu như mọi tín đồ Cao Đài đều biết tiểu sử và công nghiệp của Ngài và người bạn đời là Bà Đầu Sư Hương Hiếu mà tín đồ thường gọi bằng một từ thân thương là Bà Tư, vì vậy trong bài viết này, chúng tôi không nhắc lại chuyện đó, mà chỉ xin thảo luận thêm về vai trò rất quan trọng của Ngài trong Bí Pháp Tịnh Luyện của Đạo Cao Đài.

NHỮNG DẤU ẨN THIÊNG LIÊNG

Trước hết, xin nói về những dấu ẩn thiêng liêng mà Đức Ngài còn để lại cho những thế hệ trẻ Cao Đài. Chỉ xin nhắc những dấu ẩn có liên quan đến Bí Pháp Tịnh Luyện thôi, bởi vì phần lớn các tác giả trước đây chỉ bàn lướt qua nên chúng ta không thấy hết sự quan trọng của những dấu ẩn này.

➤ Là một đồng tử quan trọng

Chỉ riêng tại Đền Thánh, vốn là biểu tượng ở thế gian của Bạch Ngọc Kinh tức là trung tâm điêu hành vũ trụ của Đức Chí Tôn, chúng ta đã thấy một điêu hiếm có, nếu điếm qua các vị tiên bối thời kỳ mở Đạo. Đó là Ngài được tạc tượng đến hai lần. Một là tượng toàn thân đứng trên ngai của Ngài, bên phải của ngai Hộ Pháp trong Hiệp Thiên Đài. Hai là tượng bán thân đắp nổi trên trần Cung Đạo.

Tượng Ngài đứng trên ngai, tính chung với tượng Đức Hộ Pháp, tượng Đức Thượng Sanh, chữ Khí sau lưng Đức Hộ Pháp và ngai Thất Đầu Xà (*ngai hình rắn 7 đầu*), là hướng dẫn cho pháp môn tịnh luyện xuất Chơn thần của Cao Đài. Mọi người ai cũng có thể quan sát, nghiên cứu thể pháp này để tìm ra bí pháp cho riêng mình. Nếu ai quan sát mà không tìm ra được điều gì hoặc cảm thấy không thích, thì người đó chưa đủ cẩn quả để đi vào con đường thứ ba của đại đạo (*tịnh luyện*). Đường thứ nhất là tham gia làm chức sắc Cửu Trùng Đài, đường thứ hai là làm chức sắc Phước Thiện. Xin nói thêm, những vị chưa phù hợp để tịnh luyện thì không nên cố gắng tìm cách làm cho được vì sẽ rất khó thành công. Tuy nhiên, những vị đó không phải là không có cơ hội khác để đắc đạo. Trong Đạo Cao Đài còn vô số pháp môn (*cách tu tập*) khác và nếu tìm ra được cách thích hợp cho bản thân thì ai cũng có thể đắc đạo cả. Tính từ ngày mở Đạo đến nay nhiều vị tiên bối đã đắc đạo mà không thông qua tịnh luyện, chỉ nhờ làm công quả thôi, như Phối Thánh Phạm Văn Màng, Phối Thánh Bùi Ái Thoại, Thánh Phi Châu (*Sĩ Tài Đỗ Quang Hiển*) v.v...

Còn về tượng bán thân trên trần Cung Đạo, có người

nói là của Hồng Quân Lão Tổ, vị Thánh tối cao của Đạo Lão, nhưng xét chủ đề của bức phù điêu là nói về những cách thông công giữa con người và các Đấng Thiêng Liêng thì nói như vậy là chưa ổn lắm. Tương truyền Đức Hộ Pháp bảo ông Tá Lý Bùi Ái Thoại lấy hình ảnh của Đức Thượng Phẩm làm mẫu khi đắp tượng này. Từ đó, trước hết, chúng tôi đoán tượng này có mục đích nhắc nhớ mọi người về vai trò đồng tử rất quan trọng của Đức Thượng Phẩm trong buổi khai Đạo. Bởi phần lớn các buổi “xây bàn” là diễn ra ở nhà Ngài và những bài cơ quan trọng có liên quan đến Tân Luật Pháp Chánh Truyền (*Hiến Pháp Cao Đài*) đều do Ngài và Đức Hộ Pháp phò loan (*làm đồng tử cầu cơ*). Đức Ngài cũng chính là người cầm Đại Ngọc Cơ khi Đức Chí Tôn trực thân Đức Hộ Pháp. Nên nhớ là trong toàn bộ các đệ tử đầu tiên việc trực thân chỉ áp dụng duy nhất cho Đức Ngài Phạm Công Tắc. Tất cả các vị đệ tử còn lại trong số 12 vị đầu tiên đều không có thủ tục trực thân, chỉ quỳ tuyên thệ mà thôi.

Đức Thượng Phẩm là một đồng tử quan trọng đến nỗi, sau khi Ngài bỏ xác phàm để về Trời, ngày 1-3 Canh Ngọ (1930), Đức Hộ Pháp đã nói, “*Cái cơ Phong Thánh, cơ lập thánh, cơ truyền giáo Ngài (Đức Thượng Phẩm) đã đem theo, nên ngày giờ này, thảng có cơ Phong Thánh thì Ngài cây mượn Cao Tiếp Đạo nâng loan có Ngài trợ lực, chờ cây cơ Phong Thánh hiển nhiên giờ phút này không còn. Cái tiếc của Bần Đạo có hay chẳng là ở điều đó*”. Theo lời Bà Đầu Sư Hương Hiếu thì chỉ khi Đức Hộ Pháp và Đức Thượng Phẩm cầm cơ thì Đức Chí Tôn mới giáng. Do đó, Đức Hộ Pháp nói từ ngày Đức Thượng Phẩm mất đi, không có người cầm cơ để Đức Chí Tôn phong chức và dạy đạo nữa, phải nhờ Ngài Tiếp Đạo Cao Đức

Trọng tạm cầm cơ thay thế.

Ngoài ra, tượng bán thân trên trần Cung Đạo còn ẩn dụ một điều nữa. Đó là Đức Ngài còn một nhiệm vụ trọng yếu nữa đối với Bí Pháp Tịnh Luyện Xuất Chơn Thần. Điều này sẽ được trình bày trong phần sau.

➤ **Vai trò quan trọng trong Hội Yến Diêu Trì**

Thứ đến, ngày nay khi vào Báo Ân Từ lạy Phật Mẫu, chúng ta thấy hình ảnh của Đức Thượng Phẩm quỳ dưới tượng của Mẹ và Cửu Vị Nữ Phật. Vậy là trong Nội Ô Thánh Địa, Đức Ngài được tạc tượng tới lần thứ ba! Theo truyền thuyết Trung Hoa, Hán (Hörn) Vũ Đế là người đầu tiên được tiếp kiến Phật Mẫu và Đức Hộ Pháp dạy rằng, “*Nguyên căn của Hörn Võ Đế là Hörn Chung Ly giáng sanh thành lập quốc gia. Kỳ Hạ Ngươn này, Đức Cao Thượng Phẩm cũng là chơn linh của Hörn Chung Ly tái thế lập thành Quốc Đạo nên tạc hình Đức Cao Thượng Phẩm thuận hơn*”. Nghĩa là, tượng Chung Ly Quyền, một trong tám vị Tiên trong truyền thuyết Trung Hoa, giáng sanh là Hán Vũ Đế và ngày nay giáng sanh là Đức Thượng Phẩm. Hán Vũ Đế tiếp Phật Mẫu tại cung điện của mình còn Hội Yến Diêu Trì đầu tiên tổ chức tại nhà Đức Cao Thượng Phẩm. Vậy nên tạc tượng Thượng Phẩm đón Mẹ là dựa vào sự kiện này. Đức Hộ Pháp nhiều lần giải thích rằng Hội Yến Diêu Trì hàm chứa bí pháp giải thoát của Đạo Cao Đài. Vì vậy vai trò của Đức Thượng Phẩm trong kỳ ba này là cực kỳ quan trọng mà các chơn hồn cần học hỏi để tự mình giải thoát khỏi vòng quay luân hồi sanh diệt triền miên.

VAI TRÒ TRONG BÍ PHÁP TỊNH LUYỆN

➤ Chưởng quản các Tịnh Thất

Theo Luật Cao Đài (*Tân Luật Pháp Chánh Truyền*) Thượng Phẩm chưởng quản các Tịnh Thất, nghĩa là Ngài trực tiếp chăm sóc việc tu tập tại đây. Tất cả các tín đồ vào tịnh luyện đều phải thực hành Bí Pháp Tịnh Luyện theo hướng dẫn của Ngài. Lúc mới mở Đạo, Hội Thánh đã lập Tịnh Thất đầu tiên tại cụm rừng gần Báo Ân Từ mục đích là cho Ngài tĩnh dưỡng sau vụ khảo đảo của ông Tư Mắt (*Nguyễn Phát Trúớc*). Ngày 15/10/Mậu Thìn (1928) Hội Thánh đã đến Thảo Xá Hiền Cung rước Đức Thượng Phẩm về nhập Tịnh Thất này. Đến nay thì không còn nghe nhắc gì đến Tịnh Thất này nữa. Vậy người nhập Tịnh Thất Cao Đài đầu tiên chính là Đức Thượng Phẩm, cũng là người chưởng quản.

Tính cho đến nay thì Đạo Cao Đài dự kiến có ba tịnh thất là Trí Huệ Cung, Trí Giác Cung (*hiện làm nhà dưỡng lão*) và Vạn Pháp Cung. Vạn Pháp Cung chưa xây dựng chính thức, nhưng một nhóm tín đồ Cao Đài đã tự động thành lập ở chân núi Bà Đen, không rõ có thông qua Hội Thánh hay không. Từ khi ban hành Tân Luật (1926) cho đến 700,000 năm nữa, các Tịnh Thất Cao Đài vẫn thuộc về quyền chưởng quản của Đức Thượng Phẩm cho dù Ngài không có mặt tại thế gian. Xin nhớ cho rằng, theo Tân Luật Cao Đài, chức vụ Giáo Tông có thể bầu cử người thay thế, nhưng Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh thì không. Chức sắc Hiệp Thiên Đài chỉ bầu cử từ chức vụ thấp nhất đến chức vụ cao nhất là Thập Nhị Thời Quân. Chức vụ Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh không có bầu cử người khác thay thế.

Vậy thì, hiện nay ba Tịnh Thất vẫn chưa hoàn chỉnh

và Hội Thánh cũng chưa có tổ chức tịnh luyện chính thức. Tuy nhiên, ngày 1-2 năm Đinh Hợi (1947) Đức Hộ Pháp đã nói, “*Chúng ta đạt pháp do chúng ta có ba thể tương liên. Đừng tưởng chúng ta không đạt được. Chúng ta hễ đi được thì đi hoài, đâu cũng có đường hết thảy. Song muốn đạt được Pháp thì phải luyện. Ban sơ mới khai Đạo chúng ta phải thi hành thể pháp. Nếu sau này không đạt được chơn pháp thì cũng như con người có quần mà không có áo vây*”.(Quyển 1 Bài 15 Thuyết Đạo DHP - Ban Tốc Ký).

Nghĩa là, muốn đắc đạo phải hợp ba thể Tinh Khí Thần bằng cách luyện đạo. Nhưng lúc mới mở Đạo thì phải lo thể pháp (*nghi lễ cúng lạy*) nhiều hơn còn về sau phải vừa lễ nghi cúng lạy vừa tịnh luyện song hành mới đúng. Như vậy, dư luận bấy lâu nay bảo rằng Đức Chí Tôn cho “*miễn*” tịnh luyện thậm chí là “*cấm*” tịnh luyện trong kỳ ba này là không có cơ sở.

Suy cho cùng, theo ý riêng chúng tôi, phải chờ vài trăm năm nữa, khi có Hàn Lâm Viện gồm Thập Nhị Bảo Quân đầy đủ, Hội Thánh mới định hình được Bí Pháp Tịnh Luyện và lúc đó mới tổ chức chính thức cho mọi tín đồ tham gia. Hiện nay (*năm 2021*) cũng có nhiều tín đồ tự mình tịnh luyện tại nhà theo những hướng dẫn riêng. Đó là những chơn linh cao trọng đáng tôn quý. Những vị này khi nhìn các bửu pháp ở Đền Thánh họ biết ngay là mình phải làm gì hoặc có khi các Đấng Thiêng Liêng giáng tâm (*truyền thẳng vào tư tưởng*) cho họ cách tịnh luyện. Miễn là những vị đó làm đúng hướng dẫn và giữ đúng Tân Luật Pháp Chánh Truyền Cao Đài thì Đức Thượng Phẩm sẽ hỗ trợ cho họ được thành công. Lưu ý là người bình thường như chúng ta khó mà biết được những vị này vì họ không bao giờ nói ra cho mọi

người biết.

► Hỗ trợ sau khi xuất Chơn Thần

Đức Thượng Phẩm còn giữ một vai trò rất quan trọng trong Bí Pháp Tịnh Luyện. Đó là giúp cho Chơn Thần di chuyển sau khi ra khỏi thể xác. Chắc mọi người còn nhớ ngày 24/8/1934, Đức Thượng Phẩm đã giáng cơ nói rằng, “*Hồi em còn ở thế, sức giận của em đến đỗi, nếu em được thiêng liêng vị túc cấp (cho phép), thì có lẽ cây quạt của em đã đưa họ trùm vào Phong Đô (Địa Ngục) không sót một ai*”. Từ đó có thể suy ra sức mạnh của Long Tu Phiến hay chính xác hơn là quyền năng của Ngài trên Cõi Thiêng Liêng Hằng Sống rất lớn, có thể giúp các Chơn Thần đến bất cứ đâu trong vũ trụ của Đức Chí Tôn.

Còn trong quyển Bí Pháp Luyện Đạo, Bát Nương Diêu Trì Cung dạy rằng, trong khi luyện đạo, nếu Chơn Thần ra khỏi cơ thể được, hành giả muốn đi đâu thì cầu nguyện với Đức Thượng Phẩm, Ngài sẽ dùng Long Tu Phiến để đưa đi. Việc này khiến chúng ta nhớ lại và hiểu vì sao Đức Hộ Pháp bảo ông Tá Lý Bùi Ái Thoại đắp hình đầu người trên trán Cung Đạo theo ảnh Đức Thượng Phẩm để tượng trưng cho thể pháp thông công xuất Chơn Thần.

Nếu không có Đức Thượng Phẩm thì chúng ta chỉ lẩn quẩn quanh chỗ mình ngồi sau khi xuất Chơn Thần mà thôi, không thể tiếp xúc với các Đấng Thiêng Liêng để học đạo. Xin nhắc lại rằng trong Bí Pháp Tịnh Luyện của Cao Đài, xuất Chơn Thần chưa phải là đắc đạo, mà người tịnh luyện chỉ được gặp các Đấng Thiêng Liêng để học đạo thêm nữa, tùy theo duyên phần của mình. Thường thì bên Thiên Tông Phật Giáo gọi là gặp minh sư, Cao Đài gọi là gặp chơn sư. Sau đó khi xuất tịnh (*ra*

(khỏi Tịnh Thất) sẽ tiếp tục hành đạo theo lời dạy cho đến khi đắc đạo.

➤ Giúp đỡ trong việc trở về ngôi vị cũ

Không những đối với những hành giả tịnh luyện mà với những tín đồ thực hành các pháp môn khác, như làm công quả, làm từ thiện v.v... thì quyền năng của Ngài cũng rất lớn. Hãy nghe Đức Ngài nói tiếp, “*Nhưng chừng bỏ xác phàm, được nhân huệ quang rọi, em lại thương đau thương đớn, dường như sợ cho họ sái đường lạc nẻo, thì phải mất một bạn thiêng liêng rất quý trọng vậy. Thành thử, phải dùu dắt, chịu theo tâm phàm họ cao thấp mà sửa từ bước, độ từ chặng, mà nếu rủi dùi họ không được thì phải tận tụy với trách nhiệm, làm thế nào cho họ đừng sa đọa Phong Đô, để cầu với Tam Giáo Tòa cho tái kiếp mà chuộc cắn quả*”. Như vậy, Ngài luôn sẵn sàng dạy dỗ và giúp đỡ mọi người tuỳ theo căn cơ của từng người. Thậm chí đối với kẻ tội lỗi, Ngài cũng tìm cách giúp cho họ không bị trừng phạt và xin cho họ đi đầu thai để chuộc tội. Chúng ta cũng đã thấy Ngài giáng cơ dạy đạo sau khi qua đời qua tác phẩm Luật Tam Thể.

Còn nữa, đêm 7-3-Kỷ Tỵ (16-4-1929) Đức Chí Tôn giáng cơ dạy: “*Thầy đã nói rõ, Thượng Phẩm phải về Thầy trước các con, nhưng hại thay, vì biếng nhác, các con không đọc Thánh Ngôn của Thầy mà kiểm hiểu. Đạo vốn vô vi, nếu Thượng Phẩm không trở lại Thiêng Liêng chi vị, thì ai đem các chơn hồn các con vào cửa Thiên giùm đó con*”.

Từ Thánh ngôn nêu trên, có thể suy ra Đức Ngài có nhiệm vụ rất quan trọng trong việc đón tiếp và sắp xếp ngôi vị trên Cõi Thiêng Liêng Hằng Sống cho các chơn hồn trở về sau khi chết. Và Đức Ngài luôn chờ đợi để giúp đỡ mọi chơn hồn bằng tình anh em bao dung. Biết

được như vậy mọi người sẽ an tâm hơn khi trở về cảnh cũ. Ta có thể tạm hiểu Đức Ngài giống như là Phụ Trách Khen Thưởng trên Trời đó vậy.

KẾT LUẬN

Tóm lại, mặc dù Đức Thượng Phẩm chỉ hành đạo có 4 năm ở thế gian, nhưng trọng trách của Ngài hiện nay trên Cõi Thiêng Liêng Hằng Sống rất lớn. Đó là giúp đỡ các chơn hồn trở về có được ngôi vị xứng đáng và đặc biệt giúp những vị nào thực hành bí pháp tịnh luyện của Cao Đài thành công. Chơn thần của những vị này sẽ được Ngài đưa đến gặp chơn sư. Từ đó sẽ được dạy dỗ đến khi đắc đạo.

Tử Chơn
Sài Gòn 11/4/2021

- Cao Thượng Phẩm – Luật Tam Thể – Nữ Đầu Sư Hương Hiếu – Hiền Tài Trần Văn Rạng 1972.
- Đạo Sứ I – Nữ Đầu Sư Hương Hiếu.
- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển I và II.
- Tự Diễn Cao Đài (online) – Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng

2. HAI BÀI THƠ TIÊN TRI CỦA ĐỨC HỘ PHÁP



NHẬP

KHÍ DỊCH COVID BẮT ĐẦU BÙNG PHÁT VÀO KHOẢNG THÁNG 12 NĂM 2019, LOÀI NGƯỜI PHẢI ĐỔI PHÓ VỚI một loại dịch bệnh chưa từng xảy ra trước đây. Tính cho đến lúc viết bài này (20/5/2021) số người chết trên toàn thế giới là hơn 3.5 triệu người (*theo hằng tin Reuters*) và chưa có dấu hiệu gì cho thấy là đại dịch sẽ kết thúc. Sự kiện bi thảm này có lẽ sẽ làm cho nhiều người, hữu thần cũng như vô thần, thắc mắc: “*Nếu có một Đức Chí Tôn nhân từ, sao Ngài không cứu con cái của Ngài?*”

Câu hỏi này là do một hiểu lầm cơ bản nhưng cũng rất phổ biến của nhiều người. Chúng tôi đã từng nghe một phụ nữ nói rằng bà không tin tôn giáo nữa vì khi chồng bị ung thư, bà đã ăn chay cầu nguyện cho ông lành bệnh, nhưng cuối cùng ông vẫn chết. Thực ra, nên hiểu rằng từ “*cứu*” hay “*độ*” của các tôn giáo có nghĩa là cứu lấy linh hồn, chứ không phải cứu cái cơ thể vật lý, vốn rồi sẽ tan rã và biến thành vật chất khác theo thời gian. Cũng có vài trường hợp có người trị khỏi bệnh cho người khác chỉ bằng hai bàn tay không, nhưng thường là những bậc đại giáo chủ hoặc đại giác ngộ mới thực hiện được và chúng ta biết cả thế giới này chỉ có vài vị mà thôi.

Riêng cá nhân chúng tôi, là một tín đồ Cao Đài, cũng như nhiều người Việt Nam khác, thì không hề thắc mắc như vậy, bởi vì từ lâu đã nghe trong dân gian truyền tụng câu sấm của Đức Thánh Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm “*Mười phần chết (mất) bảy còn ba, chết (mất) hai còn một mới ra thái bình*”. Ngoài ra, nhiều bậc tiền bối cao trọng của nhiều tôn giáo cũng đã dạy rằng phải sống đạo đức và chuẩn bị cho một chuyển biến trọng đại ở hành tinh này. Riêng Đạo Cao Đài dạy rằng Đức Chí

Tôn (còn gọi là Đức Chúa Trời, Thánh Allah, Đức Jehovah, Đức Phật v.v...) lập một tôn giáo mới để cứu mọi sinh vật trong 700,000 năm tới và nhân loại sẽ chịu nhiều thử thách trong một kỳ hội gọi là Long Hoa. Sau đó sẽ là một thời kỳ mới gọi là Thời Thánh Đức, những người còn sống sót sẽ bắt đầu một giai đoạn mới tốt đẹp hơn.

Những lời dạy về Hội Long Hoa có thể gặp khắp nơi, trong Thánh Ngôn, trong kinh điển, đặc biệt trong tập thơ Thiên Thai Kiến Diện của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc. Đây là tập thơ Đường gồm 77 bài, mỗi bài có 8 câu, mỗi câu 7 chữ, được trình bày theo thể Ô Thước Kiều, tức là hai chữ cuối bài thơ trước sẽ là hai chữ đầu bài thơ kế tiếp. Theo lời nhà xuất bản Minh Tâm, tập thơ này hoàn thành năm Đinh Mão 1927 và xuất bản năm 1964 tại Tây Ninh. Kính mời quý đọc giả xem tập thơ ở link này:

<https://www.daotam.info/booksv/TuChon/thienthaikiendien2018.pdf>

Toàn bộ 77 bài thơ kể lại chuyện Đức Hộ Pháp xuất Chơn Thần về Cõi Thiêng Liêng Hằng Sống. Nhân cơ hội đó, Đức Ngài được chứng kiến nhiều sự kiện quan trọng ẩn dụ những việc sẽ xảy ra ở địa cầu 68, đặc biệt là hai bài thơ số 24 và 25 sau đây.

HAI BÀI THƠ

➤ Bài 24

*Nghe vang tiếng sấm nổ phuơng Tây,
Dị điểu bay lên liêng cả bầy.
Mỏ ngậm lửa hồng, lôi điện nhoáng,
Đuôi lửa thủy quái, võ phong gây.*

*Chờn vờn xé đất yêu gài rọ,
Lẩn bẩn ngăn sông quỉ đống chài.
Túng túng lùi cầu người chẳng tiếp,
Giao long chín miệng cắn nhai thây.*

► Bài 25

*Nhai thây còn sót cũng nhiều người,
Bị trận mê hồn chết ngập hơi.
Lệnh nghênh thây phơi nǎm chật đất,
Loi nhoi hồn chạy khóc long Trời.
Có người đầu khỉ mang đai sắt,
Hóa phép Thiên Lung chiếu bóng ngời.
Che bớt nạn tai người sống rốn,
Đem vào Nam gởi để an nơi.*

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Do trong hai bài thơ này có nhiều từ ngữ cổ hoặc phương ngữ Nam, Trung, Bắc, nên chúng tôi phải dùng đến Việt Nam Tự Điển của Hội Khai Trí Tiến Đức, xuất bản năm 1931. Nhiều chuyên gia cho rằng đây là quyển tự điển tiếng Việt có giá trị nhất tính cho đến giờ này. Sau đây là một số từ ngữ Việt Nam khó hiểu trong hai bài thơ, thậm chí không còn được dùng phổ biến ngày nay.

- **Dị điểu:** chim có hình dạng kỳ dị, lạ lùng.
- **Liệng:** bay lượn.
- **Lôi diễn nhoáng:** có tiếng nổ lớn và tia lửa điện xẹt ra.
- **Thuỷ quái:** những con vật kỳ lạ dưới biển.
- **Võ phong gây:** tạo ra gió bão lớn.
- **Rọ:** một loại bẫy bắt cá bằng tre.

- **Đống (đóng) chài:** chất nhiều cây khô dưới nước để dụ cá vào ở, sau đó dùng lưới bao xung quanh để bắt.
- **Túng túi:** túng thiếu, không có đủ dùng.
- **Giao long:** một loại quái vật dưới biển, có sách nói giống cá sấu cổ đại ở Trung Hoa.
- **Lệnh nghẽnh:** lộn xộn, không có hàng lối.
- **Khóc long trời:** khóc rất lớn tiếng.
- **Thiên lung:** cái lồng, cùi lồng.
- **Sống rỗn:** sống thêm lâu.

DỊCH RA TIẾNG ANH

(*Christopher Hartney và Từ Chơn*)

Xin chân thành cảm ơn Tiến Sĩ Christopher Humphrey Hartney, Giáo Sư khoa Tôn Giáo của trường Đại Học Sydney, Australia đã dịch tập thơ Thiên Thai Kiến Diện sang tiếng Anh.

➤ Poem 24

*But then came thunder – a rumbling in the West.
Huge flocks of birds circled in the sky and with
Fire in their beaks! They rained down lightening.
Sea beasts stirred their tails whipping up wild storms,
And evil spirits possessed the land laying out harsh traps,
Damming up rivers, laying out their nets, and those
caught -
They screamed for help, but no one heard, no one cared.
As the teeth of Giao Long, and his nine mouths crushed
them all dead.*

► Poem 25

*Those who survived that horrid river monster
 Choked and died on the fumes that rose up and off
 A great Battle of Illusions – with corpses strewn to the
 horizons.
 The remaining souls cried themselves to death.
 But with his broad iron belt a monkey-headed man
 stepped forth.
 He wove through the world a magic so divine that
 He saved from those fumes the last of all men and
 Sent them to the south – knowing there they'd be safe.*

DIỄN GIẢI

Có một số đọc giả nói với chúng tôi rằng mặc dù 77 bài thơ này là tuyệt tác, nhưng đọc thơ hơi khó hiểu hơn đọc văn xuôi. Vì vậy, chúng tôi xin diễn lại hai bài thơ trên như sau:

► Bài 24

Ở hướng Tây nghe nhiều tiếng nổ lớn và thấy những bầy chim hìnhdáng kỳ lạ bay lượn. Từ mỏ những con chim này có tia lửa xẹt ra kèm theo tiếng nổ. Đuôi của chúng tạo ra gió bão lớn để lửa những quái vật dưới biển. Trên mặt đất yêu quái đặt bẫy lớn để bắt cá còn dưới sông chúng cũng ngăn dòng nước chảy mong tận diệt loài cá. Nhiều người lâm vào cơn túng thiếu đến nỗi phải cầu khẩn giúp đỡ, nhưng chẳng ai đoái hoài. Cuối cùng họ bị con giao long chín miệng ăn thịt.

► Bài 25

Sau đợt tàn sát này, cũng còn nhiều người thoát chết.

Nhưng chưa hết, sau đó họ sẽ bị chết vì nghẹt thở, trong một tình cảnh mà họ không biết phải đối phó ra sao. Xác chết nằm lộn xộn khắp nơi, người sống thì khóc lóc đau đớn. Sau cùng, có người mặt giống khỉ, đeo vòng băng sắt đến. Người này hoá phép tạo ra cái vòm băng sắt rất lớn bảo vệ con người. Nhờ đó mới cứu được thêm nhiều sinh mạng rồi đem họ về hướng Nam cho an toàn.

KẾT THÚC

Kính thưa quý đọc giả, sở dĩ chúng tôi chép lại hai bài thơ này vì thấy câu “*Bị trận mê hôn chết ngôp hơi*” khá giống với tình hình Covid hiện nay. Các bệnh nhân đều bắt đầu bằng khó thở và chết vì tổn thương phổi. Còn “*trận mê hôn*”, nghĩa là lâm vào tình cảnh rối loạn vì không biết đối phó ra sao. Quả đúng như vậy, cho đến giờ phút này, người ta vẫn chưa biết chắc chắn là thuốc ngừa có hiệu quả bao lâu, có chặn được các biến thể mới hay không, khi nào có thuốc điều trị và khi nào thì nạn dịch này mới kết thúc? Còn những câu còn lại của hai bài thơ, thú thật, chúng tôi chỉ trình bày ý nghĩa ra thôi chứ không biết rõ đó là gì. Thí dụ như “*giao long chín miệng*” hay “*người đầu khỉ mang đai sắt*” là xin chịu thua vậy.

Những từ ngữ khó hiểu như vậy thường có trong thể loại sấm ký mà những bậc đại giác ngộ thường để lại cho nhân loại, ví dụ như Nostradamus, Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm v.v... Sở dĩ phải dùng những từ ngữ này là vì một quy luật nổi tiếng được truyền tụng ở phương Đông: “*thiên cơ bất khả lật*” = không được tiết lộ kế hoạch của Trời.

Ngoài ra, như Đức Thánh Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm đã viết

*Một câu là một nhiệm màu
Anh hùng gãm được mới hầu giá cao*

Nghĩa là, sấm ký chỉ dành cho “đại anh hùng” hoặc “người thông minh tốt đĩnh” để tính toán đường đi nước bước trong đời. Do đó, người bình thường như chúng ta chỉ có thể đoán già đoán non cho vui thôi. Thông thường thì khi một sự việc trọng đại xảy ra rồi, người ta mới trích vài câu để chứng minh là sấm ký đã có nói tới từ lâu, tại chúng ta không hiểu.

Vậy thì câu hỏi là Đức Hộ Pháp viết ra sấm ký để làm gì? Theo thiển ý, một là để khuyến khích chuyện tu học. Bởi vì dẫu chúng ta không hiểu hết ý của Đức Ngài, nhưng có lẽ cũng tạm tạm hiểu rằng sẽ có những tai họa khủng khiếp giáng xuống quả địa cầu 68 này. Nỗi lo sợ sẽ khiến chúng ta siêng năng với việc tu tập hơn. Hai là, đây cũng là một loại bài thi xác nhận trình độ tu học của con người. Ai hiểu được rõ ràng ý của Đức Ngài, người đó đã đạt được trạng thái mà người xưa gọi là Prajnaparamita hay Bát Nhã Ba La Mật Đa, người Trung Hoa cổ dịch ra là trí huệ đáo bỉ ngạn (*sự sáng suốt tột đĩnh giúp ta thoát khỏi mọi đau khổ*). Vậy xin chép lại hai bài thơ của Ngài để chúng ta cùng ngẫm nghĩ rồi kể vai chuyên tâm tu học thêm. Nếu may mắn gặp được Chơn Linh cao trọng nào hiểu rõ lời Ngài, chia sẻ cho mọi người cùng được hiểu biết, thì đó quả là hồng phúc.

Tù Chơn
Sài Gòn 20/5/2021

3. HÀNH TRANG RA BIỂN LỚN CỦA TÍN ĐỒ CAO ĐÀI



LỜI TIÊN TRI THÀNH SỰ THẬT

TÍN ĐỒ CAO ĐÀI AI CŨNG BIẾT CÂU TIÊN TRI GIÁNG
CHO TẠI ĐÀN CƠ NHÀ ÔNG Hồ QUANG CHÂU VÀ BÀ
Phan Thị Lân ngày 15 tháng 9 năm Bính Dần (24/10/1926).

Tử đây nòi giống chẵng chia ba.

Thầy hiệp các con lại một nhà.

Nam, Bắc cùng rồi ra ngoại quốc.

Chủ quyền chơn đạo một mình Ta.

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ
VIẾT CAO ĐÀI GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG
(THÁNH NGÔN HIỆP TUYỂN, QUYỂN I)

Bài thơ nhắc các tín đồ hai phương châm trọng
yếu của Cao Đài là “phổ độ” (Nam Bắc cùng rồi ra ngoại

quốc) và “dung hợp” (*chẳng chia ba*), đồng thời tiên tri việc Đạo truyền ra nước ngoài.

Trước khi thảo luận tiếp, xin trình bày những cảm xúc hơi cá nhân một chút. Năm tôi học đệ lục (*lớp 6 bây giờ*), ba tôi dẫn tôi về thăm Toà Thánh lần đầu tiên trong đời tôi. Tôi đã đọc Thánh Ngôn Hiệp Tuyển trước, nên biết bài thơ nói trên. Nhưng sau khi đi một vòng Thánh Địa thì tôi có một nhận xét đơn giản. Tất cả các câu thơ dẫn ở trên đều hiểu được chỉ trừ câu thứ ba, bởi truyền Đạo ra ngoại quốc, đối với tôi lúc đó, là một việc quá lớn lao gân như không thực hiện nổi. Đạo thì nghèo, Chức-sắc phần đông học vấn thấp, trình độ về tôn giáo không bằng các vị Thượng Toạ, Linh Mục hay Mục Sư. Tôi còn nhớ như in là những câu chữ dưới các hình vẽ xung quanh Báo Ân Từ khi đó đều sai chính tả! Chỉ có tấm lòng chân thật vì Thầy vì Đạo là hiện rõ trên nét mặt của mọi người. Ai cũng hăng hái làm công quả dù cho hoàn cảnh có nghèo khổ đến mấy đi nữa.

Nhưng chỉ có tấm lòng như vậy, thì theo tôi, vẫn chưa đủ để mở Đạo ra nước ngoài, cùng lắm là mở sang Cam Bốt (*Cambodia*) là hết mức. Và đúng là chúng ta có một Hội Thánh Ngoại Giáo ở Nam Vang (*Phnom Penh*) từ 1927. Lúc đó tôi vẫn chưa biết nhiều về các tôn giáo ở nước ngoài nhưng lờ mờ hiểu như vậy. Đến khi trưởng thành, tôi có dịp may tiếp xúc với các bạn nhiều quốc tịch khác nhau ở các tôn giáo khác như Phật Giáo, Thiên Chúa Giáo, Tin Lành, Hồi Giáo và có cơ hội đọc khá nhiều kinh sách quan trọng của họ. Bây giờ nhớ lại, lúc đó chỉ hiểu sơ sơ, nhưng cũng cảm nhận được cùa cánh “qui nguyễn” và “phục nhất” của Cao Đài là khó cõ nào rồi. Như Giáo Sư Garry W. Trompf trong một hội thảo

ở Sydney nước Úc (28/12/1989) đã phát biểu:

“On the actual (or substantive) question about the unity of religions, you will have to forgive me that, as a Professor of Comparative Religion, I naturally become rather sceptical about mixing religions. As a scholar, of course, I get fascinated by the many points of similarity as well as great differences between religions. The real trouble with me is that I am a specialist in primal religion, and considering that there are 9,000 or so socalled primitive religions around the globe, it is very difficult for me to imagine how (or that) they could all be united”.

Tạm dịch: Về vấn đề thống nhất các tôn giáo, xin quý vị miễn thú, là một Giáo Sư môn Tôn Giáo Đối Chứng, đương nhiên tôi khá nghi ngờ việc kết hợp các tôn giáo với nhau. Dĩ nhiên trên cương vị một học giả, tôi hiểu rõ những tương đồng và tương khắc của các tôn giáo. Do đó xét con số khoảng 9,000 tôn giáo chính gốc¹ trên thế giới, tôi khó mà hình dung được có thể nào, hay bằng cách nào, thống nhất được tất cả các đạo đó.

Phát biểu trên càng làm cho chúng ta hiểu rõ thêm mục tiêu “Thâu các đạo hữu hình làm một”² của Cao Đài, theo đúng nghĩa đen, là hết sức khó khăn. Đó là chưa kể từ lúc khai sinh năm 1926 cho tới nay 2021, đạo chưa lần nào thống nhất được chính cái tập thể Cao Đài của mình, nói gì tới “các đạo hữu hình”!

Thế rồi cuộc đời xoay vần và tôi phải lăn theo vận nhà mệnh nước, lo cái ăn cái mặc đến mức chỉ còn nhớ loáng thoáng mấy câu thánh ngôn. Tôi yên trí rằng trong kiếp sống của mình, chắc không có hân hạnh được thấy

¹ Tôn Giáo không phải là chi phái của một tôn giáo khác.

² Kinh Đại Tường.

cờ Đạo tung bay ở những nước phương Tây rồi.

Nhưng đến khoảng năm 2000 thì bắt đầu phổ biến máy tính, mạng Internet ở Việt Nam và liên lạc với nước ngoài bắt đầu dễ dàng hơn. Cuộc sống của gia đình tôi từ từ chuyển sang một giai đoạn dễ thở. Nhờ bớt lo nghĩ đến việc kiếm sống nên tôi có thời gian quay lại nghiên cứu Cao Đài Học, vốn là ước mơ từ lúc còn thơ dại của tôi.

Qua Internet tôi mới biết được Đạo Cao Đài đã có những dấu ấn đầu tiên ở nước ngoài. Theo con sóng truyền nhân, nhiều tín đồ Cao Đài đã đến được những đất nước tiến bộ. Các tín đồ thuần thành, do các vị Hiền Tài ban Thế Đạo điều hành, đã góp nhiều công sức cho những bước đầu chập chững ở xứ người. Nào là lập website phổ biến triết lý đạo, xây dựng các Thánh Thất, Điện Thờ Phật Mẫu, lập các hội đoàn, tổ chức nghiên cứu, làm các chương trình phát thanh, truyền hình Cao Đài ở Mỹ, Úc, Bỉ, Pháp, Canada v.v... Theo ý riêng của tôi, những bậc hiền nhân này đã lập đại công quả cho Đức Chí Tôn và Phật Mẫu rồi vậy. Sau này Hội Thánh chắc chắn phải phong Thánh các vị đó.

Phải công nhận là khi thấy hình ảnh các Thánh Thất Cao Đài phất phới đạo kỳ ở Sydney, California, Houston, Toronto v.v.³ .. tôi nhìn hoài không chán mắt. Có khi còn không tin vào mắt mình nữa. Ôi! Lời tiên tri của Thầy sau gần nửa thế kỷ đã trở thành hiện thực. Vậy là ngay trong kiếp sanh này, tôi đã được chứng kiến điều mà ngày xưa tôi vẫn chắc mẩm là không thể nào xảy ra.

Người ta hay nói rằng việc truyền đạo ra nước ngoài rõ ràng là do các Đấng Thiêng Liêng chờ người phàm

³ Mời quý đọc giả vào trang web này để biết về các Thánh Thất Cao Đài ở nước ngoài: <http://thanhthatcaodai.org/trang/nuoc-ngoai/>

chúng ta không cách gì làm nổi. Đúng vậy! Và tôi thì nghĩ rằng Thầy đã tạo điều kiện cho con cái Ngài làm công quả theo lời đã hứa.

VÀI VA CHẠM ĐẦU TIÊN

Vậy vấn đề của tín đồ Cao Đài chúng ta hiện nay (*năm 2021*) là phải làm gì? đương nhiên là vẫn phải tiếp tục làm công quả theo sức của mình nhưng cần bổ sung nhiều về mặt kiến thức lắn kỹ năng để phù hợp với hoàn cảnh mới. Khi Đạo kỳ chúng ta bay trên đất nước khác, dĩ nhiên người ta sẽ đến tìm hiểu, thậm chí là đến tận Tây Ninh tìm hiểu cho rõ nguồn cơn.

Điểm bộc lộ đầu tiên là những khác biệt về ngôn ngữ và văn hoá. Có lẽ các vị tín đồ Cao Đài ở nước ngoài cảm nhận điều này rõ hơn các vị trong nước vì tiếp xúc thẳng với những xã hội khác biệt đó, nên cần bổ sung khẩn cấp hơn. Tuy vậy, những vị trong nước cũng nên chuẩn bị tinh thần để tiếp khách nước ngoài hoặc giao tiếp với họ qua không gian mạng.

Hiện có nhiều người nước ngoài đến các Thánh Thất, hoặc lên các website Cao Đài để tìm hiểu hoặc học hỏi. Nhưng chính những người làm công tác nghiên cứu, thí dụ như các Giáo Sư Đại Học môn Tôn Giáo Học hay các sinh viên cao học đang viết luận án Thạc sĩ hoặc Tiến Sĩ, mới có những thắc mắc lớn. Thật sự ra, phần lớn những vị này không phải tìm hiểu để nhập môn mà là vì các Đại Học ở phương Tây đòi hỏi luận án của họ phải có những điều mới mẻ, chưa có ai nghiên cứu trước đây. Cao Đài là một tôn giáo mới đối với họ nên thường là mục tiêu họ chọn trước nhất. Dù những vị này không trở thành tín đồ, nhưng những luận án hay sách họ viết

ra lại tạo ấn tượng rất mạnh trong cộng đồng của họ. Hiện giờ thì số người như vậy còn ít nhưng trong tương lai sẽ tăng lên.

Điều tôi muốn nói là khi những vị này làm công tác nghiên cứu thì những va chạm về ngôn ngữ và văn hoá nảy sinh. Có rất nhiều nhận xét về Cao Đài không thuận lợi cho lăm mà tôi không muốn nêu hết ra đây. Chỉ xin nêu ra vài nhận xét tiêu biểu như sau.

Tác giả Đồng Tân, trong *Tìm Hiểu Triết Lý Cao Đài*, nhà xuất bản Cao Hiên, Sài Gòn 1974, viết rằng: Tại Caodaist Culture Society ngày 29/11/1970, Giáo Sư Jeremy Davidson thuộc trường Đại Học London phát biểu:

“Besides the lengthy, complicated rituals and the one-sided dogma, the Caodaist Sacerdotal Council never discusses philosophical topics.”

Tạm dịch: Ngoài các nghi lễ phức tạp rườm rà và giáo điều một chiều ra, Hội Thánh Cao Đài không hề luận bàn đến những chủ đề triết lý.

At the same place on March 30th, 1971, Pastor Victor L. Oliver stated, “Deeply examined, Caodaism seems to have an unclear basic doctrine.”

Tạm dịch: Và cũng ở nơi đó, ngày 30/3/1971, Mục Sư Victor L. Oliver nói: “Nghiên cứu kỹ thì thấy giáo lý cơ bản của Đạo Cao Đài không rõ ràng”

Tôi có mời một số tín đồ tâm huyết đọc lời phát biểu này thì hầu như mọi người đều khá sốc. Sau khi bình tĩnh lại, ý kiến thường là chia ra hai khuynh hướng:

Khuynh hướng thứ nhất: không cần nghe những nhận xét như vậy. Triết lý Cao Đài “bao trùm” các triết lý tôn giáo khác vì do chính Đức Chí Tôn Thượng Đế

dạy. Họ muốn tìm hiểu thì phải học tiếng Việt để tự đọc kinh sách. Nếu họ vẫn không hiểu, thì đó là vì họ thiếu căn phần. Vấn đề của chúng ta hiện nay là phải lo “*bảo thủ chọn truyền*”, chuyện phổ độ Đức Chí Tôn sẽ xoay chuyển sau vì Đạo Cao Đài mở tới 700,000 năm lận.

Khuynh hướng thứ hai: người nước ngoài không hiểu về đạo là tại tín đồ chúng ta không biết cách nói cho họ biết, nói tóm lại là chúng ta không biết cách phổ độ. (*Nên hiểu “phổ độ” theo nghĩa đem triết lý Cao Đài đến càng nhiều người càng tốt, chứ không phải ra sức thuyết phục người khác vào Đạo Cao Đài, mặc dù được như vậy cũng tốt*). Phải thấy rằng việc phổ độ là nhiệm vụ của chúng ta vì đó chính là công quả trong lần thứ ba này. Đức Chí Tôn chỉ mở trường công quả còn chúng ta phải thực hiện bằng mọi cách, từ nói chuyện, làm thơ, viết văn, dịch thuật, ca hát, vẽ, điêu khắc v.v... Mà muốn làm được như vậy thì bản thân tín đồ phải tự học hỏi cho có đủ trình độ.

Suy nghĩ cho kỹ thì tôi muốn thiên về khuynh hướng thứ hai dù bản thân rất lười học. Cũng có người nói rằng cứ đọc kinh, cúng túi thời, làm đám xác, đi từ thiện, năm năm cầu phong hay cầu thăng lên một cấp. Nếu không chết sớm thì về già cũng lên tới cõi Đầu Sư, được đối phẩm với Địa Tiên rồi. Tu như vậy khỏi phải suy nghĩ nhiều cho rắc rối!

Dĩ nhiên, ai cũng có quyền chọn lựa con đường tu học cho mình miễn sao đừng gây chia rẽ. Tín đồ Cao Đài chúng ta hãy bắt chước một đàn kiến, khi bám vào con mồi, chúng không cùng quay đầu về một hướng duy nhất, nhưng con mồi thì chắc chắn sẽ được di chuyển về phía mục tiêu: tổ của chúng. Kiến khác người ở chỗ dù

ý kiến cá nhân khác nhau, chúng không chia ra thành... “*mười hai sứ quân*”!

Riêng cá nhân tôi thì tự xét thấy không có khả năng làm Chức Việc Chức Sắc, bởi nhiệm vụ rất nặng nề, đòi hỏi tinh thần phải vững vàng, sức khoẻ phải tốt, phải có nhiều tài năng, phải khôn khéo ngoại giao và phải từ bỏ cả gia đình lấn công việc ngoài đời. Cho nên tôi chọn khuynh hướng thứ hai. Quý đọc giả nào chọn giống như tôi thì xin mời cùng thảo luận tiếp. Bây giờ để bắt đầu, hãy xét xem chúng ta cần trang bị gì cho cách làm công quả này.

TỰ TRANG BỊ

Có mấy đứa cháu nói với tôi là sẽ vào Đại Học rồi tìm cách ra nước ngoài để nghiên cứu Tôn Giáo Học, lấy bằng Thạc Sĩ hoặc Tiến Sĩ nếu được, rồi trở về làm đạo cho có hiệu quả cao. Tôi mừng lắm! Mong có nhiều thanh niên nuôi hy vọng đó để Đạo nhở. Nhưng đó là kế hoạch về lâu về dài, còn những người trung niên hoặc già cỡ tôi mà lại không có cơ hội đến Đại Học thì sao? Dĩ nhiên là vẫn phải tự học liên tục cho dù không thích lập ngôn, bởi vì Thánh ngôn đã dạy “*Vàng treo nhà ít học không ưa...*¹”.

Trong tình hình Covid hiện nay thì tự học qua mạng lưới Internet là tốt nhất. Phương tiện để lên Internet nay cũng phổ biến, chỉ cần một điện thoại thông minh, loại khá khá một chút, là được. Tuy nhiên, Hội Thánh chưa có một học viện nào chuyên về Cao Đài, vậy nguồn bài vở ở đâu ra? Ai là thầy dạy? Tôi không dám đề cập đến việc mời các Chức Sắc, Chức Việc vì những vị đó đã có

¹ Bài thài hiến lễ Tú Nương Diêu Trì Cung.

nhiệm vụ và được đào tạo hẵn ho. Chỉ xin bàn nhỏ với những tín đồ bình thường như bản thân tôi vậy. Vậy, trong khi chờ đợi Hội Thánh chính thức mở Học Viện Cao Đài, xin đề nghị ba lãnh vực sau để nghiên cứu.

➤ **Kiến thức tôn giáo**

Lãnh vực đầu tiên là kiến thức về tôn giáo. Chúng ta sẽ không nghiên cứu hết 9,000 tôn giáo trên toàn cầu như Giáo Sư Trompf liệt kê, nhưng ít ra phải biết những tôn giáo nêu trong khẩu hiệu “*Tam Giáo qui nguyên, Ngũ Chi phục nhất*”¹. Điểm quan trọng mà chúng ta cần học là triết lý của những tôn giáo đó bởi vì, như Giáo Sư Davidson hay Mục Sư Oliver nói ở trên, Hội Thánh Cao Đài không thảo luận các chủ đề triết lý và triết lý căn bản của Cao Đài chưa rõ ràng. Qua đó ta thấy, đối với người phương Tây, triết lý mới là linh hồn của tôn giáo, không có triết lý đặc trưng thì tôn giáo chỉ là một câu lạc bộ tạp nhạp. Lưu ý rằng khi những học giả phương Tây nhận xét điều gì, thì họ đã nghiên cứu về vấn đề đó rất kỹ, chứ không phải vì “*họ chưa đọc sách viết về Cao Đài*” nên mới nói như thế đâu!

Vậy thì triết lý mà chúng ta từng đưa ra và triết lý của họ yêu cầu có chỗ không trùng khớp. Đó là chỗ nào? Đó là chỗ chúng ta lại tiếp tục nói về Đạo Phật, Đạo Lão, Đạo Khổng, là điều mà họ biết có khi còn rõ hơn ta. Theo ý riêng tôi, biết triết lý “*Tam Giáo Ngũ Chi*” chỉ mới là bước đầu, “*qui nguyên phục nhất*” những triết lý đó mới là cứu cánh của Cao Đài. Xét cho kỹ, chúng ta chưa nói được nhiều về điều này. Nhưng, luận bàn và

¹ Tam Giáo: Nho, Lão, Phật. Ngũ Chi: Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo. Nghĩa tổng hợp của khẩu hiệu này là “*toàn bộ hệ thống tín ngưỡng trên thế giới*”.

áp dụng “*qui nguyên phục nhất*”, tức là triết lý chính thống của Cao Đài, là một việc cực kỳ lớn lao, xin hẹn lại trong một khảo luận khác, giờ xin quay lại với kiến thức về tôn giáo.

Tại sao bước đầu tiên là phải học để biết cho rõ về tôn giáo? Bởi nếu không thì chúng ta sẽ dễ dàng lạc lối trong cánh rừng triết lý đạo giáo. Ta sẽ mãi mê thảo luận trí Bát Nhã hay Thiền Tông (*Phật Giáo*), say mê thuyết Vô Vi (*Lão Giáo*), miệt mài xoay quanh Tam Cang Ngũ Thường (*Nho Giáo*) hoặc nhiệt tình nghiên cứu Dịch Lý, thuyết Âm Dương, Ngũ Hành (*Lão Giáo*), mà cứ yên chí nghĩ rằng đó là triết lý Cao Đài. Thế rồi, nhân danh chữ “*phục nhất*”, chúng ta lấy những thuật ngữ của các tôn giáo đó ghép vào chữ Cao Đài, như tôi đã đọc được đâu đó những danh từ như Thiền Cao Đài, Tịnh Độ Tông trong Cao Đài và Dịch Lý Cao Đài!

Ai cũng biết Thiền và Tịnh Độ là hai tông phái của Phật Giáo còn Dịch Lý là triết lý Trung Hoa cổ đại, sau này được ghi lại trong quyển Kinh Dịch của Khổng Giáo. Cho nên, những suy nghĩ theo kiểu “râu ông nọ cắm cằm bà kia” như vậy khiến chúng ta không tránh khỏi bị người khác đạo nói là dùng triết lý chắp vá.

Thực sự, nếu đọc kỹ sách đạo, nhất là Những Bài Thuyết Đạo² của Đức Hộ Pháp chúng ta sẽ thấy Cao Đài có những thuật ngữ, định nghĩa tôn giáo riêng và có pháp môn tu tập rất đặc trưng, điều mà các nhà nghiên cứu Tây Phương rất muốn học hỏi. Xin nhớ cho, chúng ta phải “*qui nguyên phục nhất*” chứ không phải “*ghép chung*” các tôn giáo với nhau theo kiểu “*lẩu thập cẩm*”!

Còn khủng khiếp hơn, chính vì thiếu kiến thức về

² Ban Tốc Ký Toà Thánh Tây Ninh.

tôn giáo nên mới có người “*dũng cảm*” tuyên bố rằng triết lý Cao Đài là thuyết Tam Quyền Phân Lập hay thậm chí là thuyết Nam Thất Nữ Cửu! Thực sự ra Học Thuyết Tam Quyền Phân Lập xuất phát từ John Locke (1632–1704) và Montesquieu (1689–1755) thuộc lãnh vực chính trị, còn Nam Thất Nữ Cửu chỉ là truyền thuyết trong dân gian. Đạo Cao Đài không bao giờ cổ vũ các hoạt động chính trị và cũng không đề cao những phong tục dân gian không có cơ sở khoa học.

Nói tóm lại, khi học biết rõ ràng về triết lý các tôn giáo ta sẽ tránh được việc đánh mất đặc trưng của Cao Đài, vốn được các bậc tiền bối dày công xây dựng.

Nhưng học trên Internet thì học chỗ nào? Không gian mạng ngày nay là vô tận nhưng cũng đầy dẫy những tin giả (*fake news*) nhằm đánh lạc hướng hoặc lừa đảo người dùng. Theo kinh nghiệm riêng tôi, ở mức tối thiểu cũng nên nghiên cứu ở những nơi như sau:

➤ **Tiếng Việt**

- **Tự Điển Cao Đài** – Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng tự Đức Nguyên. Đây là quyển tự điển đầu tiên của Cao Đài. Tác giả Đức Nguyên lúc sinh thời là một Giáo Sư Toán tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Sài Gòn và đã đi dạy trước 1975. Mặc dù sách chưa được Hội Thánh kiểm duyệt, nhưng, theo tôi, mức chính xác của sách lên tới 95%. Hơn nữa, nếu chờ Hội Thánh kiểm duyệt thì, hiện nay, không còn quyển nào đáng tin cậy hơn quyển này đâu. Những quyển tự điển khác đa phần soạn dựa trên ngũ liệu của quyển này. Mời gõ link này vào Google để đọc sách: <https://www.daotam.info/booksv/CaoDaiTuDien/index-CaoDaiTuDien.html>

- **Centre for Studies in Caodaism** – Sydney, Australia. Trang web của Đào Công Tâm, Chuyên Viên Thư Viện Đại Học Sydney và Tiến Sĩ Christopher Hartney, Giáo Sư Tôn Giáo Học thuộc Đại Học Sydney, Australia. Hầu hết tài liệu của Cao Đài cả xưa lẫn nay đều có ở đây, có cả những tác phẩm bằng tiếng Anh, Pháp, Hoa, Nhật, Việt. Đây là trang web có tuổi đời lâu nhất và có thông tin đầy đủ, đáng tin cậy nhất. <https://www.daotam.info>

➤ **Tiếng Anh**

- **Encyclopedia Britannica** – Tự điển Bách Khoa Toàn Thư rất nổi tiếng của Anh. Xuất bản lần đầu năm 1768. Thông tin chính xác, cập nhật liên tục và có giá trị bậc nhất. <https://www.britannica.com>
- **Stanford Encyclopedia of Philosophy** – Tự điển Bách Khoa Triết Học của Đại Học Stanford, California ở Mỹ. Thông tin chính xác, cập nhật liên tục, rất có giá trị theo cách nhìn của người Mỹ hiện đại. <https://plato.stanford.edu>
- **Wikipedia** – Tự Điển Bách Khoa Toàn Thư Mở. Đây là tự điển mở, tức là ai cũng có quyền vào đăng bài hay chỉnh sửa thông tin. Vì vậy phải thận trọng khi đọc ở đây, nhất là các bản dịch ra tiếng Việt. Thông thường nên đối chiếu với các tự điển của Đại Học nước ngoài trước khi sử dụng. <https://vi.wikipedia.org/wiki/Special:Search?search=&go=Go>

KỸ NĂNG ĐỂ LẬP NGÔN (NÓI VÀ VIẾT VỀ ĐẠO)

Khi đã có kiến thức về tôn giáo tương đối đầy đủ, chúng ta có thể bắt đầu nói và viết về đạo. Riêng về lập ngôn, kinh sách Cao Đài đã giải thích theo hai khuynh

hướng khác nhau. Một, “*lập ngôn là trau dồi lời nói, hiên lành theo lẽ chí thiện*¹”. Hai, lập ngôn là viết sách báo phổ biến Đạo.

Tôi xin chọn cách thứ hai bởi Đức Hộ Pháp đã giảng rằng đây là một trong ba cách tu tập (*Tam Lập*). Lập công là làm công quả theo Hội Thánh Cửu Trùng Đài, lập đức là theo Hội Thánh Phước Thiện, lập ngôn là nói đạo cho mọi người nghe². Nếu nói lập ngôn là chỉ nói nǎng cho đàng hoàng thôi thì đã có Đệ Ngũ Giới Cấm (*Bất Vọng Ngũ*) răn trừng rồi, không cần thiết phải đưa vào tam lập. Hơn nữa vậy chỉ là rèn luyện một trong số nhiều tính cách của người tu học, chưa nhắm vào cứu cánh của Cao Đài, nên không thể sánh ngang với lập công và lập đức về mặt pháp môn tu tập.

Thật may cho tín đồ Cao Đài chúng ta vì bây giờ công nghệ cao đã phổ biến. Nhất là trong thời đại Covid, ta có thể lập ngôn thoái mái bằng cách viết bài đăng lên các mạng xã hội, gửi email cho đồng đạo, thu âm bài nói chuyện đăng lên YouTube hay Facebook v.v... Có thể nói là cách lập ngôn phong phú hơn ngày xưa rất nhiều. Và mọi người chỉ cần một cái điện thoại thông minh là xong. Coi như thời cơ đã có, giờ chỉ còn “chúng-ta-muốn-làm-hay-không” thôi.

Trên thực tế, hiện nay rất nhiều bạn đạo cũng suy nghĩ như vậy nên ra sức lập ngôn trên các mạng xã hội, nhất là Facebook. Tuy nhiên khi đạo một vòng trên mạng thì tôi có nhận xét như sau. Rất nhiều đồng đạo chưa quen với cách hội luận của phương Tây, nên đôi khi trao

1 Trên Đường Tấn Hoá – Tiếp Pháp Trương Văn Tràng, 1963.

2 Lập ngôn thì phải để hết trí óc tìm hiểu về triết học, tinh thần, tìm tòi mọi lẽ cao sâu để thuyết minh chánh giáo. (Đức Hộ Pháp thuyết đạo tại Nữ Đầu Sư Đường 30/8 Tân Mão – 1951)

đổi lời lẽ không phù hợp, dẫn tới xích mích khiến cho người ngoài Đạo hay nói “*mấy ông Cao Đài ưa cãi lộn*”. Có lẽ chúng ta sẽ dần dần quen với tình huống mới và về lâu về dài, mình còn phải học thêm rất nhiều. Trong khi chờ đợi, xin đề nghị học tập hai điều cơ bản mà người Tây phương thường dùng trong hội luận.

Một là tránh đạo văn (*plagiarism*). Đạo – *ăn cắp*. Văn – *câu chữ trong một bài viết*. Để cho nhanh, xin nói gọn như thế này. Người phương tây xem việc sử dụng lại từ ngữ hoặc ý tưởng của người khác mà không chú thích rõ tên tác giả, tác phẩm là hành vi ăn cắp. Đối với họ, ăn cắp và nói láo là những tội lỗi không thể nào chấp nhận được. Tùy theo môi trường và cách vi phạm mà người đạo văn sẽ bị phạt ở mức độ nào đó. Nói chung, đạo văn là không tốt và dù bị trừng phạt hay không thì người đọc cũng sẽ mất cảm tình nếu biết mình đạo văn. Vì vậy chúng ta nên chú thích rõ nguồn của những thông tin.

Thí dụ: Đây là một trích dẫn có ghi chú đầy đủ: “*Phép hành đạo Phật giáo dường như ra sai hết, tương tự như gần biển Tả Đạo Bàng Môn*”. (Thích Ca Như Lai kim viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát – Hội Phước Tự, 5/6/1926 – Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển I, Bài 14).

Thực sự thì không có ai qui định là phải ghi chú thế nào, nhưng, nói chung ghi làm sao cho người đọc có thể tra cứu được là ổn. Khi tìm thấy thật sự có thông tin đó, người đọc sẽ tin người viết hơn. Ghi chú quá sơ sài, thí dụ như (*Thuyết đạo của Đức Hộ Pháp*) hay (trích trên Internet), sẽ làm bài viết mất giá trị.

Hai là tránh ngụy biện (*fallacy*). Nguy – *không đúng*. Biện – *lý luận, tranh cãi*. Ngụy biện là cố tình lập luận sai để chứng minh ý kiến của mình là đúng trong một

bài viết hay trong một cuộc tranh luận. Nếu vô tình lý luận sai vì không biết thì gọi là ngộ biện.

Đối với người Tây phương, sau khi đưa ra một ý kiến, phải chứng minh ý đó đáng tin cậy qua các bằng chứng hoặc những lý lẽ. Bằng chứng thì có thể tìm trên báo chí, sách vở, hoặc tài liệu có uy tín, nhưng lý lẽ lại tuỳ vào trình độ tri thức. Nếu lý lẽ không đúng (*ngày nay gọi là không có logic*) thì bị cho là nguy biện hay nói theo kiểu bình dân là “*nói ngang ba làng cãi không lại*”. Trước năm 75, học sinh lớp Đệ Nhất (*lớp 12 bây giờ*) được học môn Luận Lý Học¹ để biết cách lập luận tránh được nguy biện. Bây giờ là năm 2021, những cách lập luận cũng thay đổi khác nhiều rồi. Quý đọc giả có thể vào Google gõ “*nguy biện*” để biết thêm chi tiết.

Ngay từ thời xa xưa, Aristotle (*sinh năm 384 – mất năm 322 trước Chúa Giáng Sinh*), triết gia người Hy Lạp cổ đại, đã là người đầu tiên khẳng định có 13 cách nguy biện. Các nhà khoa học sau này xác định thêm hàng chục loại nữa. Nhưng trong phạm vi nhỏ hẹp của bài này, để tránh mất thì giờ, tôi xin phép tổng hợp các thông tin hiện nay và trình bày những loại nguy biện đơn giản nhất, dễ mắc phải nhất.

1– Loại nguy biện thường gặp nhất trong các cuộc tranh luận trên mạng xã hội là “*Tấn công cá nhân*” (*ad hominem*). Nghĩa là thay vì tìm cách chứng minh lý luận của đối phương sai, người viết (*nói*) quay ra công kích, có khi mắng nhiếc cá nhân người đối diện nhằm hạ uy tín. Thí dụ như “*Bạn biết gì mà nói*”, “*Bạn có làm được như vậy chưa?*”, “*Ông X ở họ đạo Y làm biếng cúng túi thời*,

¹ Sách học môn Luận Lý lớp 12 trước 1975 <http://www.tusachtiengviet.com/images/file/7-CIxXuAowgQAK5Y/luan-ly-hoc.pdf>

đừng tin lời ống”. Đây là loại gây ra nhiều xích mích nhất, thường gặp ở những người trình độ học vấn thấp. Nói chung, người tu học nên tránh dùng loại nguy biện này.

2- Nguy biện “*trượt dốc*” (*slippery slope fallacy*). Suy diễn về tương lai không có căn cứ, bằng chứng gì. Thí dụ “*Nếu không giữ chơn truyền, rồi đây giới thanh niên sẽ quên hết đạo đức, nền đạo sẽ tan rã*”. Trong lập luận này chưa có chứng cứ cụ thể cả. Cần phải nói thêm là đã có số liệu thống kê của Viện Nghiên Cứu X cho thấy số thanh niên vi phạm đạo đức tăng lên (*bao nhiêu?*) sau (*bao nhiêu năm?*) và số tổ chức đạo giải thể (*bao nhiêu?*) kể từ khi không giữ chơn truyền nữa v.v...

3- Nguy biện “*đưa ra bằng chứng cá nhân, không có cơ sở khoa học*” (*anecdotal evidence fallacy*). Thí dụ: “*Đừng tịnh luyện vì dễ bị điên lăm. Cậu tôi tịnh luyện bị điên năm 1972*” Bằng chứng này thiếu cơ sở khoa học vì đó chỉ là chuyện riêng của bạn. Nếu nói thêm thế này thì lời khuyên đừng tịnh luyện sẽ vững vàng hơn: “*trước khi tịnh luyện cậu tôi khám tâm thần ở Bệnh Viện Chợ Quán bình thường, sau khi luyện cậu đi khám lại chỗ cũ thì được chẩn đoán là bị tâm thần phân liệt*”. Đính kèm theo sổ khám bệnh nữa là tốt nhất.

4- Nguy biện so sánh sai lạc (*faulty analogy*). Thí dụ: “*Những người không học kỹ triết lý đạo cũng giống như những kẻ phá hoại nền đạo*”. Lập luận này xem tất cả người không rành triết lý Đạo ngang hàng với những kẻ tìm cách ngăn cản sự phát triển của Đạo. Thực sự ra, có thể họ chưa có điều kiện để nghiên cứu hoặc họ không hiểu. Nếu phá hoại phải có hành động gì đó gây trở ngại cụ thể cho việc phổ độ. Điều này cần bằng chứng, nếu không, đó chỉ là sự so sánh khập khiễng, nói đúng hơn

là vu khống.

5– Nguy biện dựa vào truyền thống (*appeal to tradition*). Đây là kiểu lập luận dựa vào lý lẽ trước giờ ai cũng làm vậy, nên điều đó đương nhiên là đúng. Thí dụ: “*Từ xưa đến nay, đạo nào cũng có nhiều tông phái, chi phái, nên chi phái Cao Đài là chuyện đương nhiên*”. Lập luận này không vững, vì Cao Đài khác các tôn giáo khác ở chỗ rao giảng phải qui nguyên phục nhất các tôn giáo, nên bản thân không thể chia rẽ được.

6– Nguy biện thống kê sai (*statistical fallacy*). Cố tình bịa ra số liệu thống kê hoặc lấy ở một nguồn không xác định để chứng minh lý lẽ của mình. Thí dụ: Khi tôi hỏi một facebooker tại sao anh lại giải thích sai ý nghĩa bài kinh Phật Mẫu trong khi có thể tra Tự Điển Cao Đài online dễ dàng. Anh trả lời “*Tra tự điển thì dễ thôi, nhưng 90% người lên mạng là dân dốt, giải thích cao quá họ không hiểu!*”. Con số 90% này chắc chắn là của anh ta rồi!

7– Nguy biện bù nhìn rơm (*straw man*). Tìm cách chế giễu, xuyên tạc, bóp méo luận điểm của đối phương thay vì chứng minh là họ sai. Thí dụ: “*Đạo Cao Đài muôn thống nhất các tôn giáo lại để Giáo Tông của họ lãnh đạo tinh thần toàn thế giới*”. Đây là một kiểu xuyên tạc điển hình vì Cao Đài chỉ kêu gọi tinh thần dung hợp tôn giáo (*religious tolerance*) chứ không đòi hỏi lãnh đạo ai cả.

Tới đây xin phép tạm dừng mô tả các cách nguy biện. Hiện nay, theo tôi, chỉ cần tránh 7 loại nguy biện kể trên, thì bài viết hoặc lý lẽ của người lập ngôn đã có giá trị hơn trước nhiều lắm rồi. Người ngoài Đạo sẽ bớt thành kiến “*người Cao Đài ưa cãi lộn*” và hy vọng sẽ hiểu triết lý Đạo hơn. Đây chỉ mới là bước khởi đầu. Nếu quý vị

muốn bài viết của mình có giá trị để đời trong sử Đạo, thì hãy lên Google tìm học thêm nữa để tránh các loại nguy biện khác.

► Ngoại ngữ

Một kỹ năng nữa mà thiếu nó thì không thể đi xa hơn trong vấn đề lập ngôn trong tình hình hiện nay. Đó là ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh. Có lẽ nói ra cũng bằng thừa, nhưng tôi đã thấy nhiều gia đình ở Sài Gòn cho con đi học trường quốc tế, giảng dạy bằng tiếng Anh, tiếng Việt chỉ cần đủ xài là được. Tôi không khen hay chê việc đó, nhưng quý vị nào muốn phổ độ người nước ngoài thì tiếng Anh là rất cần thiết. Dù cho không tiếp xúc người nước ngoài, thì chuyện lên Internet học hỏi cũng rất cần tiếng Anh. Và học tiếng Anh thì không bao giờ có chuyện quá trễ!

KẾT LUẬN

Bài viết này xin gửi tới những tín đồ Cao Đài có cùng lý tưởng. Những ai không xem các mạng xã hội như Facebook, Twitter v.v... là nơi để lường gạt, để tiêu khiển, để buôn bán, để nói xấu người khác cho thoả lòng, mà xem đó là trường công quả. Những ai quyết tâm lập công với Thầy Mẹ cho dù ở bất cứ hoàn cảnh nào, dù đứng trước trăm người hay chỉ đêm khuya cô độc đối diện với màn hình máy tính, dù còn khoẻ mạnh hay chỉ lây lắt chờ ngày về Cõi Thiêng Liêng Hằng Sống. Những ai chỉ muốn lập công để sám hối lỗi lầm trong kiếp sinh, mong sao Thầy Mẹ thương tình ban cho sự sáng suốt để hiểu đạo, hành đạo để mà kiếp sau còn nhớ tiếp tục tu tập, đi theo bước chân Thầy Mẹ. Trước khi kết thúc, kính mời quý đọc giả cùng niêm Ngũ Nguyên với người viết.

Nam mô nhất nguyện Đại Đạo hoằng khai. Nhì nguyện....

Từ Chơn

Sài Gòn 21/2/2021

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Wikipedia English
- Encyclopedia Britannica
- Stanford Encyclopedia of Philosophy
- Tự Điển Cao Đài – Đức Nguyên
- Tự Điển Hán Việt – Thiều Chủ
- Centre for Studies in Caodaism – Sydney, Australia.
- Đồng Tân, Tìm hiểu triết lý Cao Đài, Cao Hiên xb, Sài Gòn, 1974.
- TRÊN ĐƯỜNG TẤN HOÁ – TIẾP PHÁP Trương Văn Tràng. Minh Tâm xuất bản, 1963.
- R.B. Smith, An introduction to Caodaism, Bulletin of the school of Oriental and African studies, University of London, vol. XXXII, part 2.

4. HIỆN TƯỢNG XUẤT CHƠN THẦN CỦA ĐẠO CAO ĐÀI: –HUYỀN HỌC VÀ KHOA HỌC

ooOoo



GIỚI THIỆU

CÓ MỘT PHIM TÀI LIỆU TRÊN KÊNH DISCOVERY MÔ TẢ MỘT THẦY TU TÂY TẠNG NGỒI THIỀN ĐẾN MỨC tự nâng cơ thể lên khỏi mặt đất khoảng 0,5 mét. Hiện tượng gây nhiều tranh cãi này khá giống với một hiện tượng trong Đạo Cao Đài, vốn khiến cho nhiều người ngoài Đạo truyền miệng rằng “Đạo Cao Đài tu Tiên và người tu học có thể bay được!!!” Sự thật trong Đạo Cao Đài có một pháp môn được đặt tên bằng thuật ngữ rất đặc trưng Cao Đài, đó là “tịnh luyện xuất Chơn Thần”. Nhưng nếu nói là “bay” được thì có phần cường điệu.

Hầu như tất cả tín đồ Cao Đài đều biết và bàn luận về hiện tượng “*xuất Chơn Thần*”. Thế nhưng rất ít người biết được cặn kẽ đó là gì và có liên hệ đến khoa học đương đại của nhân loại như thế nào. Đa số tín đồ thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau – cả chính thức lẫn không chính thức – và những nguồn thông tin này có khi đối chọi nhau đến mức vô lý. Do đó, bài viết này nhằm nghiên cứu, sắp xếp lại các thông tin cho hợp lý, làm sáng tỏ vấn đề, tránh các ngộ nhận không đáng có, và giúp cho mọi người có một cái nhìn khá hoàn chỉnh ngõ hâu vững bước trên con đường tu học. Điều quan trọng nhất là khi hiểu rõ vấn đề sẽ tránh được một số suy nghĩ thần bí, không tốt về mặt tôn giáo.

Có lẽ cần phải có một chút so sánh với các tôn giáo khác cho rõ vấn đề hơn. Phần lớn tôn giáo trên thế gian đều có một mô hình cơ bản như nhau. Trước hết là một tiên đê, nhận thức về thực tại khó khăn, đau khổ của kiếp sống con người, kế đó là một pháp môn, nghĩa là một cách thức để vượt qua khó khăn này và “đắc đạo” là giải quyết xong khó khăn đó trong tâm trí. Điểm quan yếu của tôn giáo là các pháp môn.

Thông thường các tôn giáo có hai cách để phổ biến các pháp môn. Một là cách chính thức thông qua một tổ chức hợp pháp trong đó các tín đồ họp lại và tự điều hành. Hai là qua các nhóm nhỏ tách ra từ nhóm chính, và thường không được nhóm chính công nhận – nói rõ hơn là các chi phái. Thường thì nhóm chính, đồng tín đồ nhất, có cơ sở chùa chiền lớn nhất, sẽ cố gắng gọt dũa các pháp môn của mình sao cho không bị xã hội bác bỏ. Còn các chi phái thì có những pháp môn được xem như bí mật. Những nhóm này thường tự cô lập cho nên các

thông tin về pháp môn của họ được giữ kín nội bộ và do đó, hay bị người ngoài thêm thắt những chi tiết thần bí cho hấp dẫn trong những câu chuyện trà dư tửu hậu.

Các tín đồ theo các tôn giáo “chính thống” thường đọc kinh, cầu nguyện, lánh dữ, ăn chay, làm từ thiện. Nói chung, họ thực hành những pháp môn tương đối dễ hiểu đối với xã hội và được xã hội mặc định là “đúng”. Những phương pháp khác như xiên cây nhọn qua cơ thể, nhai các loại lá cây gây ảo giác, luyện tập những tư thế lạ lùng, nhảy múa lên đồng... bị gán cho là không chính thống. Những phương pháp này thường bị tôn giáo “chính thống” không coi trọng, cho là thần bí, thiếu tính khoa học.

Đạo Cao Đài xem trọng cả hai loại pháp môn vừa nêu, dĩ nhiên là chọn lọc theo đặc trưng của mình. Ngay từ lúc mở Đạo, triết lý của Đạo đã định nghĩa rõ ràng hai loại pháp môn. Có cả một hệ thống lý luận riêng cho hai loại pháp môn này qua khái niệm Thể Pháp – xếp loại dành cho các pháp môn cầu nguyện, làm từ thiện, phổ biến giáo lý, và Bí Pháp – xếp loại pháp môn dành cho những người tịnh luyện theo đặc trưng của Cao Đài. Tân Luật (*Hiến pháp đạo - 1927*) đã có một chương gồm tám điều luật về Tịnh Thất dành cho những tín đồ theo phương pháp tịnh luyện. Bằng chứng quan trọng nhất là tài liệu thuyết đạo về bí pháp của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc. Tài liệu này do Ban tổ ký Toà Thánh Tây Ninh ghi lại và đã chính thức phát hành nội bộ từ thập niên 1960.Thêm một bằng chứng nữa củng cố điều này là các cơ sở của Đạo cũng chia ra hai loại rõ ràng: các Thánh thất dành cho thể pháp và các tịnh thất dành cho bí pháp.

HUYỀN HỌC

Ngay từ những ngày đầu mở Đạo của năm 1926, những bài giáng cơ của các Đấng Thiêng Liêng đã có đề cập đến cách tịnh luyện để xuất Chơn Thần. Lúc bấy giờ khái niệm Thể Pháp và Bí Pháp chưa được nhấn mạnh và cũng chưa có một hệ thống vững chắc như sau này. Những khái niệm về tịnh luyện có thể gấp rải rác trong các bài cơ. Khi thì là những ẩn dụ theo kiểu cổ điển rất khó hiểu, thí dụ như: *chiết khám điền ly hay luyện thánh thai*. Khi thì diễn giải khá rõ ràng: **Thầy nói cái Chơn Thần là nhị xác thân các con, là khí chất nó bao bọc thân thể các con như khuôn bọc vậy, nơi trung tâm của nó là óc, nơi cửa xuất nhập của nó là mỏ ác, gọi tiếng chũ là Vi Hộ.** Nơi ấy Hộ Pháp hằng đứng mà gìn giữ Chơn linh các con khi luyện thành đạo đặng hiệp một với Khí, rồi Khí mới thấu đến Chơn Thần hiệp một mà siêu phàm nhập Thánh.

Vì thông tin khi ẩn khi hiện như thế nên người ta càng tò mò muốn biết tịnh luyện là gì. Trong hàng tín đồ lúc đó có truyền tay nhau những tài liệu về tịnh luyện. Những tài liệu này thường không rõ xuất xứ và cũng không nói cụ thể về phần xuất Chơn Thần, vốn là cứu cánh của pháp môn tịnh luyện. Có rất nhiều người đã thử tịnh luyện, mà đình đám nhất là vụ nhóm Tuyệt Cốc hay Tịch Cốc (1934) do hai ông Ngô Đức Nhuận và Nguyễn Ngọc Điền chủ trương. Dân gian gọi nhóm này là đạo “bay” vì họ tuyên bố rằng họ “biết bay”. Dĩ nhiên đó chỉ là quảng cáo! Nhóm này không được Hội Thánh công nhận và về sau có những hoạt động quá khích nên bị chánh quyền Pháp lục bấy giờ giải tán và các tín đồ xa lánh. Dù sao, đây cũng là bằng chứng là có phong trào

tịnh luyện trong hàng tín đồ.

Về phần Hội Thánh, những hoạt động chính thức thuộc lãnh vực tịnh luyện có thể kể ra như sau. Trước hết, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đã chính thức hệ thống khái niệm Thể Pháp và Bí Pháp của Cao Đài. Ngài là một trong những bậc tiên bối tiên phong trong lãnh vực này và cũng chính là người công khai khẳng định là có pháp môn tịnh luyện để xuất Chơn Thần. Đặc biệt loạt bài thuyết đạo về Bí Pháp đã để lại dấu ấn đậm nét trong quá trình phát triển các pháp môn của Cao Đài.

Đức Hộ Pháp khẳng định ba pháp môn quan trọng trong Cao Đài: Đi hành đạo như một tu sĩ theo các phẩm trật của Cửu Trùng Đài, theo Phước Thiện tạo của cải vật chất cho Đạo và tịnh luyện trong các Tịnh Thất. Theo định nghĩa thì hai pháp môn đầu được xếp loại là thể pháp và pháp môn thứ ba là bí pháp.

➤ Trí Huệ Cung

Đức Hộ Pháp, theo Tân Luật của Cao Đài, đứng đầu Hiệp Thiên Đài và nắm giữ bí pháp tịnh luyện. Do đó chính ngài đã điều hành việc xây Trí Huệ Cung. Đây là tịnh thất đầu tiên của Đạo và cũng được qui định dành cho nữ phái. Trong bài thuyết đạo lễ trấn thần Trí Huệ Cung ngày 15 tháng 12 Canh Dần (1950), Ngài đã đề cập đến pháp môn tịnh luyện xuất Chơn Thần. Vào ngày 16 tháng 1 Tân Mão (1951) Ngài là người đầu tiên nhập tịnh tại đây trong ba tháng. Duy một điều Đức Hộ Pháp có lẽ chỉ truyền dạy tịnh luyện cho một số tín đồ thân cận chứ không có bằng chứng nào về sự truyền bá rộng rãi. Cho đến khi Đức Hộ Pháp lánh nạn sang Nam Vang thì mọi vấn đề có liên quan đến pháp môn tịnh luyện xuất Chơn Thần đều dừng lại. Các chức sắc cao cấp khác,

nếu có biết về tịnh luyện, đều không đề cập đến vấn đề. Ngoài ra do Tân luật qui định họ cũng không có thẩm quyền gì trong lãnh vực này. Cho đến nay những gì thuộc về tịnh luyện mà Hộ Pháp chính thức để lại là văn bản Phương Luyện Kỷ (*phát hành ngày 14 tháng 1 năm Dinh Hợi - 1947*) và 12 Bài Tập Thể Dục. Nhưng những tài liệu này quá sơ sài không đủ truyền tải đầy đủ pháp môn tịnh luyện. Hiện nay những tín đồ tự nguyện quản lý Trí huệ Cung và Trí Giác Cung không biết gì về pháp môn tịnh luyện cả.

➤ **Trí Giác Cung**

Trí Giác Cung cũng là một tịnh thất, nhưng không được đề cao như Vạn Pháp Cung và Trí Huệ Cung. Đây là một cơ sở từ thiện của một tín đồ Cao Đài là ông Giáo Thiện Đinh công Trú. Sau khi ông Trú qua đời một cách bí ẩn, thì Hội Thánh tiếp quản. Một thời gian sau, cơ sở này được xếp loại là tịnh thất theo huấn lệnh 285/VP-HP ngày 5 tháng 12 Giáp Ngọ của Đức Hộ Pháp và hiện nay là nhà dưỡng lão. Cũng không một ai ở Trí Giác Cung biết hoặc thực hành pháp môn tịnh luyện.

➤ **Vạn Pháp Cung**

Riêng Vạn Pháp Cung, được xem là nơi tịnh luyện dành cho nam phái, thì có một đường hướng phát triển không thuận lợi cho lắm, ít ra là theo ý định của Đức Hộ Pháp. Tương truyền rằng Đức Hộ Pháp đã cùng vài đệ tử đến chân núi Bà Đen tìm vị trí cho Vạn Pháp Cung. Sau đó đức ngài đã cho lập bản vẽ Vạn Pháp Cung và tuyển nhân công chuẩn bị cho công tác xây dựng. Nhưng rồi thời cuộc biến chuyển không thuận lợi và việc xây cất không như dự kiến. Một đệ tử của Ngài là ông Giáo

Thiện Võ văn Đợi đã qui tụ một số tín đồ tại vị trí định xây Vạn Pháp Cung để tịnh luyện nhưng không được Hộ Pháp công nhận. Trong một bài thuyết đạo, ngoài đã gọi những người này là “nhóm đạo núi” và ẩn dụ rằng họ đã đi sai đường.

Hiện nay những truyền nhân của “nhóm đạo núi” vẫn nối tiếp ý nguyện của ông Giáo Thiện Đợi và xây dựng cơ sở Vạn Pháp Cung ở chân núi Bà Đen. Tuy nhiên, bây giờ Vạn Pháp Cung là một cơ sở tôn giáo có qui luật riêng và không rõ có thuộc quyền quản lý của Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh hay không. Cũng tương tự như Trí Huệ Cung và Trí Giác Cung, không ai ở Vạn Pháp Cung biết rõ về tịnh luyện cả.

► **Bí Pháp Luyện Đạo của Bát Nương Diêu Trì Cung**

Đến khoảng năm 1979, tài liệu Bí Pháp Luyện Đạo của Bát Nương Diêu Trì Cung xuất hiện. Tài liệu này do Hiền Tài Nguyễn văn Mới, tóc ký viên của Đức Hộ Pháp, chấp bút. Bát Nương Diêu Trì Cung đã truyền dạy cho Hiền Tài Mới bí pháp tịnh luyện xuất Chơn Thần. Cho đến nay, đây là tài liệu đề cập đến pháp môn tịnh luyện rõ ràng, cụ thể nhất.

Tài liệu này ấn định thời gian tịnh luyện, nói rõ cách hô hấp, cách xuất Chơn Thần. Điều nổi bật là xuất Chơn Thần, trước đây thường được nhắc tới một cách bí ẩn thì nay được miêu tả rõ ràng. Chơn thần, theo tài liệu của Bát Nương, là phần bán hưu hình của cơ thể vật lý có thể tách rời và di chuyển bên ngoài cơ thể. Người ta thường gọi bằng những từ ngữ khác như là phách, vía, hồn, ý thức vv... Người tịnh luyện thành công có thể xuất Chơn Thần đi khắp vũ trụ, gặp gỡ các Đấng Thiêng Liêng và trở về xác phàm trong khoảng vài mươi phút.

Tuy nhiên, điều quan trọng là những ai có căn cơ, tiền duyên mới luyện thành công chứ không phải ai tịnh luyện cũng đều đạt được như vậy! Bát Nương cũng dạy rõ xuất Chơn Thần được chưa phải là đắc đạo và đây chỉ là một trong ba pháp môn quan trọng của Cao Đài, không phải là pháp môn cao cấp nhất. Tín đồ chọn pháp môn nào và đắc đạo hay không là tuỳ duyên phần từng cá nhân. Điều này thật tách bạch và bác bỏ quan niệm của phần đông tín đồ vẫn thường cho rằng “*tu phước*” không bằng “*tu huệ*”, hoặc “*phổ độ*” là thấp kém hơn “*tịnh luyện*”.

Bát Nương dạy Hiền Tài Nguyễn văn Mới đem tài liệu về Hội Thánh Tây Ninh để phổ biến ở các tịnh thất. Tuy ông đã đem tài liệu này về trao lại cho những chức sắc cao cấp nhất trong Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh (lúc đó được gọi là *Hội Đồng Chuồng Quản*), nhưng họ đều không có phản hồi tích cực mấy! Hiện nay tài liệu này được truyền tay qua các bạn bè của Hiền Tài Mới và được lan truyền trên mạng internet là chính. Tính cho đến nay, Hội Thánh chưa chính thức công bố văn bản nào cụ thể và đầy đủ về pháp môn tịnh luyện xuất Chơn Thần.

KHOA HỌC ỨNG DỤNG

Trong khi tôn giáo Cao Đài bế tắc không có một phát triển nào đáng kể về pháp môn tịnh luyện xuất Chơn Thần, các tịnh thất hoặc rêu phong phủ lối hoặc trở thành “*điểm du lịch*” và “*chợ trời*” thì bên trời Tây tình hình sáng sủa hơn rất nhiều. Các nhà nghiên cứu thần học gọi hiện tượng này là soul travel, spirit walking hay subtle body (*những từ ngữ này rất gần với “xuất*

Chơn Thần” và “đệ nhị xác thân” của Cao Đài) còn các nhà khoa học thì gọi là out-of-body experience hay OBE, tạm dịch là cảm-nhận-từ-bên-ngoài-cơ-thể.

Mặc dù các nhà thần học và khoa học bất đồng về mặt phương pháp tiếp cận, thực hiện thí nghiệm và cách dùng các từ ngữ, nhưng nói chung quan điểm của họ trùng hợp ở chỗ: sự “biết thấy” hay “ý thức” là một bộ phận có thể tách ra khỏi cơ thể vật lý của con người, trái với quan niệm cổ điển cho rằng ý thức chỉ tồn tại bên trong cơ thể mà thôi. Họ còn đi xa đến mức nói rằng, trong một số điều kiện, thì “sự biết thấy” đó có thể tách rời ra và di chuyển bên ngoài cơ thể. Cao Đài gọi hiện tượng này là “xuất Chơn Thần vân du thiên ngoại”.

Đầu tiên, vào năm 1943 nhà văn George Tyrrel đã sử dụng từ out-of-body experience trong tác phẩm Apparition (*Hồn ma*) của mình. Kể từ đó các nhà nghiên cứu khoa học đã chọn từ này để chỉ cảm giác trôi bồng bồng bên ngoài cơ thể. Song song với cảm giác này, phần ý thức của người ta có thể nhìn lại cơ thể của chính mình hoặc thấy nhiều hiện tượng khác thường nữa.

Các nhà khoa học nghiên cứu trường hợp của những bệnh nhân trên bàn mổ. Một số đã đi vào khoảng thời gian cận tử (*near death*) nhưng sau đó sống lại. Họ mô tả cảm giác trong khoảng cận tử này rất giống nhau, đó là tách ra khỏi cơ thể và trôi nổi trong không khí. Hiện nay, các nhà khoa học kết luận rằng cảm giác này có thể tạo ra bằng nhiều cách: thí dụ như kích thích một bộ phận của vỏ não, dùng chất hóa học gây ảo giác, hoặc ngồi thiền đến mức cao độ nhất. Riêng khoảng ngồi thiền tạo ra cảm giác OBE là rất trùng hợp với pháp môn tịnh luyện xuất Chơn Thần của Cao Đài.

Có thể kể ra quá trình phát triển và những thành tựu khoa học về cảm-nhận-từ-bên-ngoài-cơ-thể (OBE) tính cho đến nay như sau. Khởi đầu, Tiến sĩ Celia Green là người đầu tiên có nghiên cứu khoa học về OBE vào năm 1968. Tuy nhiên nghiên cứu này chủ yếu là lý thuyết dựa trên hàng ngàn cuộc phỏng vấn. Dù thế, đây là những viên đá lót nền cho những nghiên cứu về sau.

Tiếp theo, Giáo sư Tiến sĩ Olaf Blanke, thuộc Viện Nghiên Cứu Não và Tâm Trí (*Brain-Mind Institute*), là người đầu tiên tạo ra hiện tượng OBE trên một bệnh nhân. Vào năm 2007 trong lúc khám cho một phụ nữ bị chứng động kinh thì ông tình cờ chạm một điện cực vào vùng tiếp giáp giữa thuỷ đỉnh và thuỷ thái dương bên phải của vỏ não. Ngay lập tức, người phụ nữ nói với ông là bà đã “ra khỏi cơ thể” và nhìn thấy “cơ thể” của mình từ một vị trí ở bên ngoài. Hiện tượng này sẽ biến mất nếu sự kích thích không còn nữa. Sau đó, Tiến Sĩ Blanke đã thực hiện thêm nhiều thí nghiệm, tất cả đều chứng minh phần ý thức của con người có thể tách ra khỏi cơ thể vật lý.

Kế đến, Tiến Sĩ Henrik Ehrsson, Trưởng phòng thí nghiệm não bộ, cơ thể và bản ngã thuộc viện nghiên cứu Karolinska, Stockholm (*Karolinska Institute's Brain, Body and Self Laboratory in Stockholm*) là người đầu tiên làm thí nghiệm về OBE trên những người mạnh khoẻ vào tháng 8/ 2007. Sử dụng kính đeo mắt thực tế ảo, một lần nữa ông chứng minh một người mạnh khoẻ, tinh táo có thể nhìn lại cơ thể mình từ một vị trí bên ngoài xác thân của chính mình.

Gần đây nhất là tháng 8 năm 2013, Tiến sĩ Jane Aspell thuộc đại học Anglia Ruskin ở Cambridge đã công bố

công trình của mình trên chuyên san Psychological Science. Trong một thí nghiệm, nhiều người tình nguyện đã đeo kính thực tế ảo. Họ được nhìn thấy chính cơ thể của mình từ phía sau. Khi cho cơ thể chớp sáng theo nhịp đập của tim họ trong vài phút, họ tuyên bố là mình có cảm giác đã ra ngoài cơ thể.

Qua những thành công nói trên, có thể nhận thấy cho dù khoa học chưa đồng tình với thuyết linh hồn của thần học, nhưng rõ ràng đã công khai xác nhận bước quan trọng cơ bản nhất của thần học: con người không phải chỉ có xác thân mà là sự kết hợp giữa hai phần riêng rẽ, xác thân và ý thức. Đặc biệt tôn giáo Cao Đài còn đi xa hơn, chi tiết hơn khi khẳng định con người là sự kết hợp hài hòa giữa ba thành phần xác thân, ý thức và linh hồn. Cũng giống như chứng minh được OBE, một ngày kia khoa học cũng sẽ chứng minh được lý thuyết của Cao Đài là đúng. Lúc đó khoa học và thần học sẽ đồng quy về phương diện này.

KẾT LUẬN

Nếu so sánh giữa huyền học Cao Đài và khoa học ứng dụng thì có thể rút ra bài học sau đây. Bí pháp tịnh luyện của Cao Đài đã có phần lý thuyết, nhưng phần thực hiện thì còn thiếu, vì thế chưa có bổ sung, phát triển và thành tựu nào đáng kể. Người trong Đạo thì thiếu thông tin chính xác, nên cho rằng đây là một điều gì đó “bí mật” (*một phần do từ “bí pháp” mà ra!*), chỉ dành cho một số đối tượng “cao cấp”. Người ngoài Đạo thì bán tín bán nghi, xem bí pháp tịnh luyện là huyền hoặc, không thực tế. Ngoài ra môi trường xã hội ở Việt Nam vốn có đặc điểm là khư khư bám lấy những điều

cũ kỹ, sơ hãi những thay đổi, nên vẫn chưa có đủ điều kiện để bí pháp tịnh luyện phát triển.

Trái lại, các nhà khoa học phương Tây có nhiều lợi thế hơn trong khi tìm tòi nghiên cứu vấn đề. Họ đều có học vị cao, làm việc trong các phòng thí nghiệm hiện đại. Những thông tin về nghiên cứu của họ đều công khai hoặc trên các chuyên san khoa học như Science, Nature, Psychological Science... hoặc trên các hệ thống thông tin đại chúng hàng đầu như BBC, CNN, New York Times, Telegraph, Science News, the Guardian.... Chính vì thế họ có những bước tiến vững chắc về phía mục tiêu đề ra. Ngoài ra, môi trường xã hội của họ sẵn sàng chào đón những điều mới mẻ, không ngại thay đổi.

Đối với tôn giáo Cao Đài, xuất Chơn Thần, tức là tách rời phần ý thức ra khỏi cơ thể là để học đạo từ các Đấng Thiêng Liêng, tiến lên mục đích tối hậu là đắc đạo, đối với các nhà khoa học phương Tây là để ứng dụng vào nhiều lãnh vực trong đời sống, trước mắt là chữa bệnh. Dù cho bên nào thành công trước thì cuối cùng hai con sông cũng sẽ gặp gỡ ở một nơi tiền định: chứng minh cho nhân loại biết rằng linh hồn và kiếp sau là có thật.

Riêng đối với Hội Thánh Cao Đài, tác giả bài viết này hy vọng Đạo sẽ phát triển ngày càng nhiều, ảnh hưởng ngày càng sâu rộng. Thực tế, Đạo hiện nay đã có tính quốc tế. Đây cũng là ứng nghiệm một tiên tri của Thượng Đế: “đạo sẽ truyền ra ngoại quốc”. Rõ ràng như thế, chuyện truyền bá Đạo ra nước ngoài cách nay hơn ba mươi năm là không tưởng nếu tính đến thực lực của Hội Thánh về mọi mặt từ tài chính đến trình độ chúc sắc. Nhưng nay, Đạo Cao Đài, nhờ Ông Trên xoay chuyển, đã có Thánh Thất ở nhiều quốc gia tiên tiến như Mỹ, Úc.

Chỉ có truyền đạo còn khó khăn vì rào cản ngôn ngữ mà thôi.

Một điểm đáng để ý là, ở phương Tây ngày nay, tĩnh toạ, tức là ngồi thiền (*meditation*) không còn là điều bí ẩn nữa và ngày càng được nhiều người ưa chuộng. Trước thực tế đó tác giả trộm nghĩ rằng Hội Thánh Cao Đài không những cần phải tập trung phát triển pháp môn tịnh luyện mà còn phải công khai thông tin cho mọi người đều biết. Bởi vì một là Đạo Cao Đài vẫn dạy rằng phải đưa các pháp môn ra để phổ độ, không dấu diếm nữa; hai là trong thời đại tin học ngày nay việc dấu diếm một điều gì đó ngày càng trở nên lạc điệu, không phù hợp với xu thế của thế kỷ 21; cuối cùng, có công khai thì mới có nhiều đóng góp bổ sung, thử nghiệm để pháp môn hoàn chỉnh hơn.

Xin mạn phép mượn một ý tưởng của Đức Hộ Pháp để kết luận bài này: **Đạo có ngoại dung Thể Pháp và nội dung là Bí Pháp, cần phát triển song hành cả hai thì mới gọi là chánh giáo.**

Từ Chơn

Email: tuuchoon@gmail.com

Website: <https://sites.google.com/site/caodaismmeditation/>

5. ẨN NGHĨA CÂU CHUYỆN HỘ PHÁP MỞ CỬA CỰC LẠC THẾ GIỚI



NHẬP

➤ **Nguyên thủy**

Loạt bài thuyết đạo Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống của Đức Hộ Pháp tại Đền Thánh từ ngày 13/8 Mậu

Tý (16/9/1948) cho đến 30/3 Kỷ Sửu (27/4/1949) là một bộ Thánh Kinh quan trọng của Đạo Cao Đài. Bộ sách này có được là nhờ Ban Tốc Ký Toà Thánh Tây Ninh. Ngay từ bài đầu tiên Đức Hộ Pháp đã phát biểu, “*Tuy nhiên, âu cũng là một đặc ân của Đức Chí Tôn dành cho Đạo Cao Đài ngày nay, nên mới có mấy đứa nhỏ cố gắng học được tốc ký để ghi chép những lời thuyết đạo của Bần đạo...*”. Vì lúc bấy giờ, máy thu âm còn rất đắt tiền, tốc ký (*ghi nhanh bằng những ký hiệu*) là cách duy nhất để tín đồ ghi lại các bài nói đạo của Đức Ngài. Do đó Ban Tốc Ký Toà Thánh đã ra đời, sử dụng phương pháp ghi cài tiến dành cho tiếng Việt của Ông Nguyễn Văn Mới. Hằng đêm, các tốc ký viên đã chia nhau tham gia các buổi thuyết đạo và cố gắng ghi lại tất cả.

Do thời cuộc thay đổi liên tục, mãi cho đến gần 16 năm sau, Tốc Ký Viên Nguyễn Văn Mới mới có điều kiện tập họp được đủ các bài ghi chép và vận động in ra thành một bộ sách. Bộ sách này sau đó được trao tặng cho những vị có tâm đạo và giao bản quyền lại cho Hội Thánh, lúc đó dưới quyền lãnh đạo của Đức Thượng Sanh. Cho đến nay (*năm 2021*), sau những cuộc bể dâu, sách này đã được in ấn nhiều lần, chuyền tay nhau đọc trong các tín đồ và cuối cùng có mặt trên mạng Internet. Vì đánh máy đi đánh máy lại, không tránh khỏi nạn tam sao thất bồn, nên đôi khi lời thuyết đạo có lệch lạc so với bản gốc. Đặc biệt có một số bản in còn sắp lộn phần cuối bài 25 thành phần cuối bài 26 gây khó hiểu cho người đọc. Vì vậy xin giới thiệu một nơi để quý đồng đạo thỉnh bộ sách cho đầy đủ. Xin mời vào link này:

<https://www.daotam.info/booksv/TuChon/cdtlhs-bientap.pdf>

Bộ sách trữ ở đây đã được điều chỉnh theo bản gốc và có chú thích những từ ngữ khó hiểu cho dễ tham khảo.

➤ **Tâm quan trọng**

Trước hết, bộ sách này là cực kỳ quan trọng vì Đức Hộ Pháp đã khẳng định trong bài đầu tiên, “... *những lời thuyết đạo này, không phải của Phạm Công Tắc mà là của Hộ Pháp. Hộ Pháp thay lời Đức Chí Tôn nói đạo cho toàn thể con cái của Ngài nghe*”.

Chúng ta đều biết rằng trong Đạo Cao Đài có thể pháp thông công, tức là cầu cơ chấp bút. Tuy nhiên chỉ có những đồng tử có phận sự thiêng liêng giao phó thì mới được liên lạc với các Đấng để học đạo, tín đồ không được phép làm như vậy, trừ khi có ân huệ đặc biệt. Đức Hộ Pháp là Ngự Mã Quân, tức là đồng tử được Đức Chí Tôn tín nhiệm, nên những gì Ngài học được từ các Đấng Thiêng Liêng là hoàn toàn đáng tin cậy. Như bộ Tân Luật Pháp Chánh Truyền là do Đức Ngài và Đức Thượng Phẩm phò loan (*cầm cõi*). Ngoài ra, Luật Cao Đài định rằng phẩm Giáo Tông có thể bầu cử, nhưng Hộ Pháp thì không. Suy ra trong 700,000 năm nữa, có thể có nhiều Giáo Tông, nhưng Hộ Pháp thì chỉ có một. Do đó lời thuyết đạo của Ngài chỉ có duy nhất lần này mà thôi.

Thứ hai, Đức Ngài cũng nói rằng, “*Những triết lý cao siêu này chỉ có Đạo Cao Đài mới có*”.

Quả đúng như vậy, toàn bộ các thuật ngữ thần học Cao Đài có thể tìm thấy ở đây. Những thuật ngữ này đã khiến cho triết lý Cao Đài tách bạch khỏi bất kỳ tôn giáo nào hiện có. Những bài nói đạo này đã triệt để phá sản quan niệm cho rằng Cao Đài vay mượn triết lý của các tôn giáo khác vì ngoài một ít thuật ngữ triết Đông Phương dùng lại, đã có một hệ thống ngôn ngữ mới lạ xuất hiện.

Kèm theo là những quan điểm về vũ trụ và nhân sinh chưa từng có trước đây. Đó là chưa nói đến những pháp môn đặc trưng không thể lẫn lộn với các tôn giáo khác. Bởi vì Thánh ngôn Cao Đài dạy rằng các tôn giáo khác đã “thất kỳ truyền”, nghĩa là không còn dạy đúng cách tu học lúc ban đầu, nên Cao Đài đã có những pháp môn (*cách tu học*) mới, có tên gọi mới rất đặc trưng Cao Đài. Những cách tu học này sẽ được phát triển và thực hiện cho đến tận 700,000 năm trong tương lai.

Thứ ba, Đức Hộ Pháp khẳng định “*Con đường mà Chơn Thần xuất ra rồi về với Đức Chí Tôn là con đường Thiêng Liêng Hằng Sống đó vậy. Chính Bần đạo được Đức Chí Tôn mở Huệ Quang Khiếu nên mới được về hội kiến cùng Đức Chí Tôn và đã học hỏi được nơi Đức Chí Tôn nhiều điều bí yếu bí trọng*”.

Đây là lần đầu tiên trong đạo sứ Cao Đài, một vị tiền bối chính thức công nhận một điều, vốn từ lâu đã gây tranh cãi trong hàng tín đồ. Một số cho rằng tịnh luyện bị cấm trong khi đó số còn lại cho rằng tịnh luyện là một trong ba pháp môn chính của Cao Đài. Qua phát biểu thượng dẫn, Đức Hộ Pháp đã khẳng định tính chính danh của pháp môn tịnh luyện xuất Chơn Thần mà Cao Đài gọi là Bí Pháp Tịnh Luyện. Không những công nhận mà còn công khai cho biết, chính Đức Ngài đã thực hiện thành công pháp môn này. Chưa có vị tiền bối nào khác tuyên bố cụ thể như vậy.

Và cuối cùng, điều quan trọng nhất mà mọi tín đồ Cao Đài ai cũng cần, đó là lời hứa chắc như đinh đóng cột của Đức Ngài, “*Bần đạo ráng thúc nhặt cho con cái Đức Chí Tôn có một bửu bối nơi tay, để ngày kia tìm đường đoạt đạo*”.

Từ những luận điểm nêu trên, có thể hoàn toàn tin tưởng rằng quyển sách Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống không đơn giản là chuyện kể cho vui lúc rảnh rỗi mà là những hướng dẫn quan trọng về cách đoạt đạo, mà người ta còn gọi là đạt đạo, đắc đạo, đắc pháp, ngộ đạo, thành Phật, có ấn chứng v.v..., tóm lại là thành công trên con đường tu học. Như vậy, tín đồ Cao Đài phải xem việc đọc, hiểu được Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống là để hành động cho đúng, tiến tới cứu cánh đắc đạo ngay trong kiếp sống này. Bởi vì nếu đọc xong mà không áp dụng được gì, thì biết kiếp sau có còn nhớ gì chuyện đạo đức để tiếp tục hay không!

NHỮNG ĐỊNH NGHĨA CẦN THIẾT

Đầu tiên, cần học kỹ các định nghĩa của một số thuật ngữ thần học Đông Phương được dùng trong câu chuyện bởi phần lớn những từ này là Hán Nôm. Ngày nay từ ngữ Hán Nôm đã kém phổ biến ở Việt Nam, nên cần khẳng định ý nghĩa những từ ngữ này để rút ngắn con đường đi tới thành công.

➤ Niết Bàn

Từ Niết Bàn gốc là Nirvana (*tiếng Phạn*) và Nibbana (*tiếng Pali*), nghĩa đen là “*dập tắt*”. Theo hệ tư tưởng tôn giáo Ấn Độ cổ đại, Niết Bàn là kết quả sau cùng của một quá trình suy nghĩ tập trung, lúc đó người ta đã “*dập tắt*” hay chấm dứt được lòng tham, thù hận, ngu dốt, đau khổ và quan trọng nhất là “*dập tắt*” được vòng xoay luân hồi bất tận. Hiện nay, Niết Bàn được xem như mục tiêu tối hậu của nhiều người tu học Phật Giáo. Nói cách khác người tu học Phật sẽ suy nghĩ về mọi việc trong đời theo một cách nào đó cho đến khi xoá bỏ được những

tình cảm phàm tục như đã nêu trên, lúc đó sẽ đạt được trạng thái gọi là Niết Bàn.

► Cực Lạc Thế Giới

Từ này có gốc tiếng Phạn là Sukhavati, nghĩa đen là “nơi trong sạch”, và người Việt thường gọi là Tây Phương Tịnh Độ (*tịnh = trong sạch; độ = nơi*) hay còn gọi là Cực Lạc Thế Giới, Cực Lạc Quốc, An Lạc Quốc. Xin phép quý đọc giả được nói lòng vòng một chút để truy nguyên gốc của từ này.

Sau khi Đức Shakyamunī, (*nghĩa là người hiền xú Shakyas mà người Việt đọc thành Thích Ca Mâu Ni*) qua đời, các vị đệ tử đã ngồi lại với nhau và ghi lại những lời Ngài đã giảng dạy. Những ghi chú này trở thành bộ kinh sách đồ sộ của Phật Giáo ngày nay. Mặc dù cùng một bộ kinh, nhưng chỉ vài trăm năm sau, do cách hiểu khác nhau mà các vị đệ tử đã phân chia thành nhiều tông phái (*chi phái*). Một trong những tông phái đó là Mahayana, tức là Phật Giáo Đại Thừa. Trong Phật Giáo Đại Thừa lại có một nhánh, dựa vào Bộ Kinh Sukhavatvyuha (*Kinh Tịnh Độ*). Theo những vị thuộc tông phái này, mà người ta gọi là Tịnh Độ Tông, nếu chúng ta đọc tên Đức Amitabha (*Phật A Di Đà*) và cầu nguyện Ngài cứu rỗi trước khi qua đời, thì Đức Ngài sẽ cho phép chúng ta được đầu thai lại ở một nơi gọi là Sukhavati, tức là Tịnh Độ. Nơi đó tốt đẹp hơn thế giới của chúng ta đang sống cả ngàn lần, cho nên người ta còn gọi đó là Cực Lạc Thế Giới (*cực = tốt đỉnh; lạc = hài lòng, sung sướng*).

Như vậy, tuỳ theo niềm tin và cách thực hiện của riêng mình, tất cả người tu học Phật Giáo đều nhắm vào mục đích cuối cùng đó là đạt được trạng thái Niết Bàn, tức là chấm dứt được lòng tham, thù hận, ngu dốt,

đau khổ và luân hồi ngay khi còn đang sống, hay kiếp sau được sinh ra ở Cực Lạc Thế Giới hay Tây Phương Tịnh Độ, tức là một nơi tốt đẹp hơn thế giới này. Đức Hộ Pháp thì gọi là “*Cực Lạc Thế Giới hay Niết Bàn Cảnh*” nghĩa là, Ngài gộp hai mục tiêu này lại thành một cứu cánh cho dễ hiểu.

➤ **Hộ Pháp**

Theo nghiên cứu, Hộ Pháp hay Dharmapala (*tiếng Phạn*), được thờ phượng đầu tiên ở Tây Tạng vào khoảng thế kỷ thứ 8. Người ta truyền miệng với nhau rằng đại sư Padmasambhava (*người Trung Hoa dịch ra là Liên Hoa Sinh*) người đã truyền Phật Giáo sang Tây Tạng đầu tiên, đã hàng phục những vị ác thần ở đây. Những vị thần này sau đó đã lập thệ nguyện là sẽ bảo vệ Phật Pháp nên được gọi là Hộ Pháp.

Hộ Pháp còn được tôn thờ ở trong đạo Hindu (*Ấn Giáo*), đạo Bon ở Tây Tạng và trong dân gian ở nhiều nước. Có đến hàng trăm truyền thuyết miêu tả Hộ Pháp trong các quốc gia Á Đông, nên người ta tạo ra rất nhiều hình tượng khác nhau để thờ phụng tuỳ theo từng quốc gia. Thông thường là tượng một vị võ tướng, mặc áo giáp, tay cầm loại vũ khí tuỳ theo từng nước và do ấn tượng của từ “*hộ = bảo vệ*”, người ta hay đặt tượng Hộ Pháp trước cổng chùa hay đền thờ.

Trong Đạo Cao Đài, Hộ Pháp là chức vụ đứng đầu Hiệp Thiên Đài, một trong ba tổ chức chánh yếu của Đạo. Hai tổ chức kia là Bát Quái Đài dưới quyền của Đức Chí Tôn, và Cửu Trùng Đài dưới quyền của Giáo Tông. Về mặt điều hành, Hiệp Thiên Đài là bộ phận trung gian, nhận lệnh của Bát Quái Đài thông qua cầu cơ, chấp bút và chuyển giao lại cho Cửu Trùng Đài thi hành. Về

mặt pháp luật, Hộ Pháp chịu trách nhiệm toàn thể các vấn đề tư pháp Cao Đài trong cộng đồng tín đồ. Về mặt pháp môn, Ngài điều hành các tịnh thất chuyên lo bí pháp tịnh luyện. Sau cùng về mặt biểu tượng, Hộ Pháp tượng trưng tư tưởng (*sự suy nghĩ*) của một con người bình thường, còn Giáo Tông là thể xác và Đức Chí Tôn là linh hồn của người đó.

Cũng theo Đạo Cao Đài, trên cõi Trời, Hộ Pháp chưởng quản ba châu, Nam Thiệm Bộ Châu, Đông Thắng Thần Châu và Tây Ngưu Hoá Châu. Châu thứ tư là Bắc Cù Lưu Châu dành cho quỉ vị. Thánh ngôn ngày 12-8-Bính Dần (17-9-1926) nói rằng 4 châu này gọi là Tứ Đại Bộ Châu và vị trí trong vũ trụ được miêu tả là “ở không không trên không khí, tức là không phải tinh tú”. Hộ Pháp còn quản lý “bát bộ”, nghĩa là 8 loại linh hồn, từ thấp nhất là vật chất hồn đến cao nhất là Phật hồn, nói tóm lại là toàn thể các linh hồn trong vũ trụ này. Do đó chúng ta có thể suy ra quyền hành thiêng liêng của Hộ Pháp đối với các linh hồn là cực kỳ lớn.

► Chữ vạn

Người Trung Quốc gọi biểu tượng 卐 là 萬字 (*wànzi*), nghĩa là “biểu tượng của mọi vật”. Và người Việt đọc là “vạn tự” hay “chữ Vạn”. Thực sự ra, biểu tượng này có gốc gác ở lục địa Eurasia (Á Âu), do chữ Phạn swastika có nghĩa là “tạo thịnh vượng”. Biểu tượng này được sử dụng từ năm 500 trước Chúa Giáng Sinh đến nay trong nhiều tôn giáo như Ấn Giáo, Phật Giáo, Kỳ Na Giáo ở Ấn Độ. Ở Phương Tây cũng thấy sử dụng ở nhiều nền văn hoá và tôn giáo khác nhau để chỉ sự may mắn. Thậm chí Đảng Quốc Xã Đức của Hitler cũng sử dụng, nhưng có chiều quay ngược lại, như thế này 卍, và đặt nằm

nghiêng. Tuỳ theo tôn giáo, văn hoá, mục đích sử dụng mà chữ Vạn được vẽ quay thuận hoặc nghịch chiều kim đồng hồ và được giải thích đủ các kiểu, không kiểu nào giống kiểu nào.

Trong Đạo Cao Đài, chữ Vạn được khắc trên Lầu Chuông, Lầu Trống của Đền Thánh và lầu Chuông của Báo Ân Từ. Cũng không biết có văn bản chính thức nào của Hội Thánh giải thích điều này hay không. Có dư luận là cũng vì chữ Vạn này mà người Pháp bắt Đức Hộ Pháp và 5 vị chức sắc đày đi Madagascar, lấy lý do là Cao Đài có liên quan với Đức Quốc Xã. Việc này còn cần các sử gia trong tương lai của đạo tìm bằng chứng để xác nhận.

Tóm lại, chữ Vạn là một biểu tượng cổ, linh thiêng của nhiều tôn giáo ở nhiều nước trên thế giới và được giải thích tùy theo ý kiến từng cá nhân hoặc từng tập thể tôn giáo.

➤ Giáng Ma Xử

Giáng = chế phục, hàng phục; Ma = ma quỷ; Xử = một loại vũ khí xưa của Trung Hoa, hơi giống cái chày võ. Huyền thoại Trung Hoa kể rằng mỗi vị Thần Tiên đều có một con vật để cưỡi và dùng một loại vũ khí gọi là bảo pháp để áp chế ma quỷ. Theo Đạo Cao Đài thì Hộ Pháp có hai bảo pháp đó là Giáng Ma Xử và Kim Tiên (*roi vàng*).

BÍ PHÁP

➤ Tại sao phải ẩn dụ

Trong câu chuyện Con Đường Thiêng Liêng Hàng Sống, Đức Hộ Pháp đã miêu tả 6 chặng dừng chân, mỗi chặng đều có một câu chuyện với những ẩn dụ riêng. Nói

theo thuật ngữ Cao Đài là mỗi thể pháp đều ẩn tàng một bí pháp. Các tín đồ hoặc người ngoài Đạo đều có thể tìm ra ý nghĩa (*bí pháp*) dành riêng cho mình để thực hiện cho đến khi đắc đạo.

Cũng có thắc mắc là tại sao Đức Hộ Pháp không nói thẳng ra là phải làm gì để đắc đạo mà cứ phải ngụ ý gián tiếp như vậy? Thật sự ra thì cũng có vài lý do.

Trước hết, người Việt Nam trước thời Pháp thuộc không có chữ viết riêng, phải học chữ Trung Hoa, đọc sách người Hoa viết, nói chung là bị ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa rất nhiều. Người Trung Hoa thì thích những câu truyện kể trong đó người thật sống chung với Thần Thánh ma quỷ. Thí dụ như trong Phong Thần Diễn Nghĩa, có những nhân vật có thật như Trụ Vương, Đát (*Đắc*) Kỷ, Khương Tử Nha v.v... mà cũng có những nhân vật tưởng tượng như Lôi Chấn Tử, Thân Công Báo, Vân Trung Tử v.v... hay những vị thần linh trong truyền thuyết như Na Tra, Vi Hộ, Từ Hàng Đạo Nhân v.v.... Hoặc là trong Tây Du Ký, thực tế lịch sử thì sư Trần Huyền Trang (*Tam Tạng*) có đi qua Tây Phương (*Ấn Độ*) để học tiếng Phạn (*tiếng Ấn Độ cổ*) rồi đem kinh Phật về dịch ra tiếng Hoa, nhưng Tôn Ngộ Không, Trư Bát Giới, Sa Tăng và những nhân vật ma quỷ theo quấy phá đều là hư cấu. Tuy nhiên, xét bối cảnh Trung Hoa cổ cũng như Việt Nam trước đây, trong một xã hội mà người có học đọc và tin vào Phong Thần và Tây Du Ký hơn những truyện khác, thì lồng ghép những thông điệp tôn giáo vào những câu truyện na ná như vậy là cách hiệu quả nhất để truyền đi triết lý đạo. Không những thế, truyện truyền đi trong dân gian được lưu giữ tốt hơn là bất cứ thư viện nào bởi vì “*trăm năm bia đá thì mòn, nghìn năm bia miệng vẫn còn*

tro tro”. Vì vậy, áp dụng mô hình tương tự, triết lý Cao Đài cũng được lồng vào câu truyện Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống để đạt hiệu quả cao.

Thứ hai, học đạo không giống như học văn hoá kiểu nhồi nhét, nghĩa là không phải chỉ cần nhắc lại 100 % câu truyện hoặc bài kinh không sai chữ nào là tốt nghiệp. Học đạo phải có suy nghĩ, vận dụng vào cuộc sống cụ thể, nhiều khi trọn một kiếp người mà cũng chưa xong. Vậy phải đọc, suy nghĩ, tìm kiếm để hiểu vấn đề rồi còn phải thực hiện đúng nữa thì mới thành công được. Do đó câu truyện Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống nêu những hình tượng có sức gợi mở suy nghĩ rất cao, giúp người học đạo dễ đạt tới mục tiêu tối thượng.

Cuối cùng, nguyên tắc Trời Người Hiệp Một (*Hiệp Thiên*) của Cao Đài dạy rằng Người phải luyện Tinh hoá Khí, luyện Khí hoá Thần rồi Trời mới “*huồn nguyên Chơn Thần*” cho Người đắc đạo. Luyện Tinh hoá Khí là ăn uống trong sạch và vận động tốt, để cho thể xác cực kỳ trong sạch, còn luyện Khí hoá Thần là suy nghĩ ở mức cao để phù hợp với Chơn Thần mà Đức Chí Tôn giao cho mỗi người. Lúc đó mới có cơ hội đắc đạo tại thế.

Hàm ý chủ đạo chuyện mở cửa Cực Lạc Thế Giới

Một trong những câu truyện rất thú vị trong Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống là Hộ Pháp mở cửa Cực Lạc Thế Giới. Truyện được kể rải rác từ bài 30 đến bài 33 trong sách. Để tập trung vào chủ đề bài viết, xin tóm tắt câu chuyện như sau:

Thừa lệnh Đức Chí Tôn, Đức Hộ Pháp đi mở cửa Cực Lạc Thế Giới. Khi đến Cực Lạc Môn Ngoại (*môn = cửa; ngoại = bên ngoài*), thấy có rất nhiều người, đủ các sắc dân, cả người tu lẩn không tu, cả người bình thường

lẫn người có hình dạng kỳ dị, đang tụ họp ở ngoài cửa. Vì trước hai cửa này (*một trắng, một hồng*), có hai chong chóng thật lớn đang quay, nên không ai có thể vào bên trong Cực Lạc Thế Giới được. Đến giờ cúng cũng có một số tu sĩ ngồi tụng kinh, vẻ mặt rất lo lắng, khổ sở. Thấy vậy, Đức Ngài cầm Giáng Ma Xử chỉ vào một cửa khiến chong chóng ngừng lại. Mọi người bên ngoài tràn vào được một số. Đức Ngài chỉ tiếp vào cửa thứ hai, chong chóng này cũng ngừng lại và số người còn lại tiếp tục chạy ùa vào. Khi hai chong chóng đứng lại thì thấy đó là hai chữ Vạn thật lớn. Nhưng sau đó có một vị Phật đứng trên cao bắt ấn liệng xuống, hai chữ Vạn lại tiếp tục vòng quay khắc nghiệt. Tới đây, Đức Ngài kết luận là Đức Chí Tôn đã ra lệnh Ngài mở cửa cho các người tu học trong thời kỳ đạo bế trước đây vào.

Bây giờ, kính mời quý đồng đạo cùng tìm ẩn dụ của câu chuyện. Nhưng trước khi thảo luận tiếp, xin chân thành chia sẻ một điều. Đó là, những gì sắp thưa với quý vị là ý kiến riêng của người viết bài này. Do vậy, ý tưởng có thể khó nghe đối với một vài đọc giả và chúng tôi cũng không có ý định thuyết phục bất cứ ai phải tin theo. Trái lại, chúng tôi rất vui thích nếu quý đọc giả tự mình có được ý kiến riêng về câu chuyện này bởi hành trình tu học là hoàn toàn chủ quan và không có quan điểm cá nhân nào đúng tuyệt đối cả. Nếu quý đọc giả hỏi làm sao biết ý kiến nào đúng để làm theo, nếu ai cũng có quyền có ý kiến riêng? Xin trả lời: quan điểm nào không trái với Luật Cao Đài là có thể đem ra áp dụng. Còn đạt kết quả hay không là tùy thuộc vào công quả của người tu học và ân điển của Đức Chí Tôn.

Như trong phần định nghĩa, chúng ta đã biết Hộ

Pháp tượng trưng tư tưởng một người bình thường. Bắt đầu câu truyện, Đức Chí Tôn (*linh hồn*) ra lệnh Hộ Pháp (*tư tưởng, suy nghĩ*) đi mở cửa Cực Lạc Thế Giới. Vậy thì chính những suy nghĩ của chúng ta, mà người xưa thường gọi là “*tâm*”, sẽ mở cửa Cực Lạc Thế Giới hay Niết Bàn, tức là giúp cho ta đắc đạo. Dĩ nhiên là phải suy nghĩ theo cách nào đó, chứ suy nghĩ như chúng ta từ xưa đến giờ thì sẽ không có chuyển biến nào đâu.

Theo Đức Hộ Pháp, những người chờ đợi bên ngoài cửa Cực Lạc Thế Giới là những người tu học trong thời kỳ đạo bế (*đóng cửa*), tức là trước khi mở Đạo Cao Đài. Nhưng theo ý chúng tôi, ngay cả sau khi đạo mở lại rồi, vẫn sẽ còn có nhiều người hơn nữa đến chờ nơi đó. Bởi vì Đức Ngài nói sau đó chữ Vạn lại tiếp tục quay.

Nhưng xin mời quý đọc giả quay lại với những người chờ đợi này, họ gồm đủ loại người từ khắp vũ trụ này chứ không riêng gì ở địa cầu 68 của chúng ta. Nào là người theo một tôn giáo nào đó, người không tu hành, người có ý tưởng kỳ lạ v.v... Đúng vậy, con người ai cũng đi tìm hạnh phúc cho bản thân mình và cho cả những người xung quanh mình nữa. Hạnh phúc đó tượng trưng bằng Cực Lạc Thế Giới. Ngay cả những nhà khoa học, nhà chính trị, nhà bảo vệ môi trường, người theo tá đạo bằng môn v.v... cũng đều muốn tạo ra một xã hội không còn đau khổ dù phương pháp của một vài người có khi hơi... kỳ cục. Thí dụ, có người chủ trương cấp cho mỗi người dân một số tài sản bằng nhau! Họ nghĩ rằng như vậy là công bình tuyệt đối và khi không còn tranh dành để có nhiều của cải hơn thì mọi người sẽ hết đau khổ! Đức Hộ Pháp gọi họ là “*Người đầu cao trọc, kẻ râu dài thậm thụt, lại cũng có kẻ tướng tá dị hợm lấm*”. Và kết

quả là tất cả đều phải ngồi chờ từ lúc đạo bế đến khi gặp được Đức Hộ Pháp.

Vậy bài học nổi bật ở đây cho tín đồ chúng ta là đi đến Cực Lạc Thế Giới không phải là đặc quyền của các tu sĩ thuộc bất cứ tôn giáo nào, nghĩa là không phải cứ mặc áo thụng, tụng kinh, cầu nguyện mới đến được Cực Lạc Thế Giới. Trong cuộc sống, chúng ta đã từng thấy nhiều người, dù không tu hành áo vải nâu sống, nhưng nhân cách và đạo đức của họ còn đáng kính trọng hơn tu sĩ nữa. Không lẽ những người như vậy lại không được đến đây sao! Đức Hộ Pháp đã chỉ cho chúng ta thấy ai có đạo đức và làm tròn bổn phận làm người cũng có quyền như vậy nhưng họ chỉ có thể đến trước cửa rồi ngồi đó chờ! Dĩ nhiên, những kẻ giả dối hay phạm Thiên Điều (*luật nhà trời*) thì không đến đây được bởi vì ngay trong chặng một của Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống, họ đã rớt xuống Bích Hải rồi, tức là đầu thai xuống trần gian lại.

Bây giờ xin thảo luận về quyền năng của Hộ Pháp. Tại sao không phải Giáo Tông hay Đức Chí Tôn mở cửa Cực Lạc Thế Giới, mà lại là Hộ Pháp? Bởi xác thịt (*Giáo Tông*) không về được cõi trời, còn linh hồn hay thần (*Đức Chí Tôn*) thì đã huyền nguyên (*giao lại*) cho mỗi người trong chúng ta, chỉ còn đợi Chơn Thần hay khí (*Hộ Pháp*) phối hợp nữa là đạt đạo. Vậy Hộ Pháp mở cửa, nghĩa là tâm, tư tưởng hay suy nghĩ của chính mình sẽ là yếu tố quan trọng bậc nhất trong việc đạt đạo.

Hãy quan sát Đức Hộ Pháp mở cửa. Ngài dùng Giáng Ma Xứ lần lượt chỉ vào hai cửa, chong chóng đang xoay dừng lại, hiện nguyên hình là hai chữ Vạn thật lớn. Hai cửa chính là hệ nhì nguyên của tư tưởng chúng ta, nghĩa là chúng ta luôn cho là mọi thứ đều phát sinh từ hai sức

mạnh đối chọi nhau, như Âm Dương, Thiện Ác, Đúng Sai, Nam Nữ v.v... Mọi sinh hoạt của chúng ta ở thế gian đều bị hệ thống nhị nguyên chi phối mà chúng ta gần như không hay biết. Một thí dụ thú vị là tín đồ Cao Đài thích đứng trước cửa Đền Thánh để chụp hình và ai cũng chọn đứng trước tượng Ông Thiện chứ không phải Ông Ác. Gần như 100% làm như vậy và hầu như không có ai để ý hoặc thắc mắc tại sao. Điều này chứng tỏ qui luật nhị nguyên ảnh hưởng đến suy nghĩ của chúng ta nặng nề đến mức nào, thậm chí tác động đến cả tiềm thức.

Thêm một ví dụ dễ thấy nữa, nhị nguyên có mặt thường trực trong tình cảm “*thương-ghét*” của con người. Nếu một người nào đó tham gia một nhóm khác lý tưởng với nhóm của mình, thì người đó trở thành “*kẻ thù nghịch*” và mình sẽ gán cho kẻ đó tất cả những đức tính xấu xa nhất. Trái lại, ai cùng hội với mình thì được xem là có đủ đức hạnh tốt lành và được tha thứ dù có lỡ phạm lỗi gì. Và nếu xét kỹ thì ai cũng có “*kẻ thù nghịch*”, hoặc của riêng mình hoặc do người khác xúi giục. Những suy nghĩ như vậy là những phô diễn tự nhiên của tư tưởng nhị nguyên. Còn Giáng Ma Xử là bảo pháp vô hình tưởng, nghĩa là chỉ có trong ý nghĩ và cũng chỉ sử dụng trong ý nghĩ thôi. Nói cho dễ hiểu thì đó chính là sức mạnh của ý chí. Giáng Ma Xử chỉ vào hai cửa có nghĩa là chúng ta hãy trực nhận cái tính chất nhị nguyên khắc nghiệt của tư tưởng mình và dùng sức mạnh ý chí “*thoát khỏi*” nó. Xin lưu ý, chỉ tạm dùng từ “*thoát khỏi*” vì nó cũng có nguồn gốc nhị nguyên.

Xin nói thêm về Giáng Ma Xử, tương truyền bảo pháp này có hình dạng giống cái chày vồ hay cái chuỷ. Vậy vũ khí này có chức năng là đập, nhưng đập cái gì?

Không phải là đập “kẻ thù nghịch” đâu, vì như vậy đâu có vượt ra khỏi nhị nguyên, mà là đập vỡ tính ương ngạnh của chính bản thân. Một ương ngạnh dễ thấy là mình chỉ nghe những gì mình thích, chứ không nghe những gì “kẻ thù nghịch” thích. Nhưng đối với phần đông mọi người thì “đập kẻ thù nghịch” dễ hiểu, dễ làm hơn. Chính vì vậy mà liên tục có chiến tranh đùi kiểu.

Còn nữa, sự ương ngạnh này có thể biến tướng rất tài tình, nguy trang dưới những danh từ đẹp đẽ. Thí dụ, đánh giết nhau hoài cung chán, nên đôi khi mình cũng thấy cần “hoà” với kẻ “thù nghịch”. Vậy là mình lập hội nhóm, đăng đàn diễn thuyết kêu gọi mọi người hãy “hoà giải” vì lý do này lý do nọ, nhưng thật sự là sâu thẳm trong tâm hồn mình chuyện đó chỉ là xa xỉ, bởi vì có “hoà giải” thì cũng phải thuận theo điều kiện của mình. Đây là một ví dụ rất gần gũi, tín đồ Cao Đài chúng ta, ai cũng biết là phải hợp nhất các chi phái Cao Đài, nhưng họp hành biết bao nhiêu lần rồi thất bại vẫn hoàn thất bại!

Vậy điều gì ẩn sâu bên trong suy nghĩ đã ngăn chúng ta thương yêu “kẻ thù nghịch” vậy? Điều này phải hỏi chính mình, bởi vì chỉ có mình mới biết tại sao. Mỗi người sẽ có một lý do riêng và có người chết đi mà vẫn chưa quên cái nguyên nhân đó được. Hành động hỏi chính mình này triết học gọi là phản tinh và khi mình biết được điều gì khiến mình không “thương” được “kẻ thù”, thì đó là lúc lấy Giáng Ma Xử đập cho nó tan tành. Một khi mình thực sự “thương” được “kẻ thù” như kết cục của câu chuyện hai anh em Ông Thiện Ông Ác, là mình đã “xoá bỏ” được suy nghĩ nhị nguyên, tức là đi qua cửa Cực Lạc Thế Giới rồi vậy.

Xin quay lại câu chuyện, khi hai chong chóng dừng lại thì có hình dạng là chữ Vạn. Nghĩa là khi suy nghĩ “đúng-sai” không còn tác động thì sự thật phơi bày. Đó là, cùng là một sự vật sự việc thôi (*chữ vạn*), nhưng con người lại đặt nhiều tên khác nhau tuỳ theo văn hoá hoặc ý thích (*do đó chữ vạn mới quay tròn*). Điểm đáng để ý là tên nào cũng rất mỹ miều kèm theo một hệ thống lý thuyết hỗ trợ cực kỳ hay đẹp, nên cũng thu hút được nhiều “fan” hâm mộ. Thí dụ như chữ Cao Đài sẽ được thêm một cái đầu rồng hay cái đuôi phượng gì đó. Những cái tên khác biệt đó cũng là nguyên nhân của xung đột giữa cá nhân với cá nhân, hội đoàn với hội đoàn, giáo phái với giáo phái và quốc gia với quốc gia. Cứ đặt ra một cái tên mới là nẩy sinh ra một nguồn gốc xung đột nữa theo đúng tinh thần phân hai nhị nguyên. Điều này đã xảy ra trong hiện tượng chi phái của các tôn giáo nói chung và Đạo Cao Đài nói riêng. Suy nghĩ nhị nguyên khiến con người thích phân chia thành nhóm, mà khi đã vào nhóm rồi thì dễ “thù hận” mà khó “thương yêu”. Và đặc tính này khó trừ khử đến nỗi cần phải có sức mạnh của Giáng Ma Xử.

Xin trở lại câu truyện Đức Hộ Pháp kể, cứ mỗi lần Đức Ngài chỉ Giáng Ma Xử cho chong chóng ngừng lại, thì một số người chạy ùa vào được. Sau hai lần chỉ thì chong chóng lại tiếp tục quay. Như vậy, những khoảnh khắc để vào được Cực Lạc Thế Giới cực kỳ ngắn ngủi đến nỗi người ta phải chạy ùa vào mới kịp. Thật vậy, những giây phút mà mình thành thật thương “kẻ thù nghịch” là vô cùng hiếm hoi và không hề kéo dài. Người xưa gọi những giây phút như vậy là “hiệp nhất” bởi vì lúc đó không còn phân hai “thương-ghét” nữa. Chính những

lúc đó, chúng ta vào được Cực Lạc Thế Giới, Niết Bàn Cảnh, đắc đạo, đắc pháp, ngộ đạo hay muốn đặt tên gì gì nữa cũng được.

► Rút gọn

Đến đây, xin tóm tắt cách để đạt đạo hay đi vào Cực Lạc Thế Giới như vừa thảo luận ở phần trên. Trước hết, hãy tự mình tìm xem có một hoàn cảnh nào mình bị chi phối bởi suy nghĩ nhị nguyên không. Hoàn cảnh đó phải là chuyện có thật của mình mới được. Trong tu học không có chỗ cho hư cấu, như là tưởng tượng ra một câu truyện mà mình là nhân vật chính.

Trong phần trước, chúng tôi tạm mượn chuyện “*thương kẻ thù nghịch*” cho dễ tưởng tượng. Thật sự ra mỗi người sẽ có một hoàn cảnh khác nhau và trong đời có thể gặp không biết bao nhiêu lần như vậy. Nói ngắn gọn, hãy tìm hoàn cảnh nào ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của mình nhiều nhất, gây khó chịu nhất, cay đắng nhất. Chẳng hạn như, mình không thích làm một nghề gì đó mà vẫn phải làm, những gì mình nghĩ là đúng thì bị mọi người phớt lờ, cho là sai, hay có người chê giáo chủ của mình trong khi đối với mình thì họ mới là tà đạo v.v...

Khi mình tìm ra “*hai cảnh của*” rồi, thì lấy Giáng Ma Xứ ra, tức là tự hỏi mình “*tại sao?*” bằng toàn bộ sức lực mình có. Câu hỏi này thường không có câu trả lời liền túc thì đâu, có khi kéo dài cả đời người mới có. Thiền Tông Phật Giáo gọi câu hỏi này là công án. Mình phải tìm ra càng nhiều câu trả lời càng tốt và suy nghĩ xem câu nào có thể giúp xoá được cái mênh mông nguyên kia và đảo ngược tình cảnh của mình. Cứ kiên trì như thế cho tới một hôm mình “*ngẫu nhiên thấy*” được lý do

tại sao mình khổ sở. Mọi việc chợt trong suốt như pha lê và mình dễ dàng thoát ra khỏi cái lưới nhị nguyên rắc rối kia. Trước mình không thích nghề của mình, bây giờ thì mình lại say mê từng giây phút làm việc. Trước mình không chịu thua nhện, nay đã thấy những sai lầm mà người ta thường nói về mình. Trước mình gọi người khác là bàng môn tả đạo, nay mình thấy giáo chủ của họ cũng đáng kính trọng như Thầy của mình v.v... Đó, vào Cực Lạc Thế Giới là vậy đó.

Điều cần thiết tuyệt đối là phải thành thực 100% trong quá trình tư duy này vì chỉ một bợn giả dối thôi, cơ hội vào Cực Lạc Thế Giới cũng bị tắc nghẽn. Cái khó ở chỗ nhiều khi mình giả dối mà mình cũng không hay. Thí dụ như mình vẫn còn thấy ai đó có hơi... bàng môn tả đạo một chút, nhưng vì để mở cửa Cực Lạc Thế Giới cho rồi, thôi thì mình kê, cho họ là chánh phái đi, kính trọng giáo chủ của họ một chút đi. Lưu ý rằng chỉ một chút xíu suy nghĩ như vậy thoảng qua trong đầu thôi cũng không được.

Do đó ngày xưa, người tu học cần một minh sư (*vị thầy sáng suốt*) đã đắc đạo để chỉ ra chỗ này. Ngày nay chuyện này là vô cùng khó vì làm sao chúng ta biết ai đó đắc đạo hay chưa trong một môi trường mà Kim Quang Sứ được phép mượn tên, đôi khi là mượn quyền của Đức Chí Tôn để đi lừa gạt? Đừng lo, thánh ngôn Cao Đài dạy hãy nhìn vào “*ngai ta*” chứ đừng nghe “*danh ta*”, nghĩa là lắng nghe lương tâm của mình chứ đừng nghe người có chức vụ cao hay có danh tiếng nổi như cồn. Bởi vì “*ngai ta*” hay lương tâm chính là Đức Chí Tôn đó vậy. Kính mời quý đọc giả tham khảo ở đây để biết thêm về “*danh ta*” và “*ngai ta*”.

<https://www.daotam.info/booksv/TuChon/phanbietgiuadanhvangaita.pdf>

Cũng xin nhắc lại, mỗi lần chữ Vạn chỉ ngừng quay trong tích tắc, có khi cả triệu lần như vậy mới có một lần mình có cơ hội chen vai với người khác chạy qua khung cửa này. Có khi thì chỉ vài lần, nhưng việc này hiếm lắm. Khó quá phải không, thưa quý vị đọc giả? Nhưng làm sao có chuyện ai đi tu cũng thành Tiên thành Phật hết được! Như thánh ngôn Cao Đài đã dạy “*Vì vây cho nên các con coi thủ lại, từ hai ngàn năm nay, bên Á Đông này đã đặng bao nhiêu Tiên, Phật. Các con duy biết có một mình Huệ Mạng Kim Tiên mà thôi!*” 21/8/1926 TNHT. Tuy nhiên, riêng chúng tôi thì nghĩ chẳng phải khó cũng chẳng phải dễ, mà đúng lúc đúng chỗ mới là quan trọng.

THÚC

Ở Toà Thánh Vatican, Rome, Quảng Trường Thánh Phêrô (*Saint Pe-ter*) được xây dựng giống hình chiếc chìa khoá vì Chúa Jesus nói là sẽ giao chìa khoá nước Thiên Đàng cho Thánh Phêrô. Tương tự như vậy, Đức Chí Tôn cũng để lại rất nhiều chìa khoá mở cửa vào Bạch Ngọc Kinh thiêng liêng tại Bạch Ngọc Kinh ở trần gian này, đó là Toà Thánh Cao Đài Tây Ninh. Vấn đề là con cái của Ngài có thấy và biết cách mở cửa hay không mà thôi. Một trong những chiếc chìa đó là hai tượng Ông Thiện, Ông Ác tại lối vào, tượng trưng hệ tư tưởng nhị nguyên của chúng ta. Và trong câu chuyện Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống, Đức Hộ Pháp đã dạy ta cách mở cửa rồi đó.

Thực sự ra thì các vị Giáo Chủ Tam Giáo đã để lại

cách mở từ lâu lắm rồi. Đức Khổng Tử thì dạy Trung Dung, Đức Lão Tử dạy Vô Vi nhi Vô Bất Vi, Đức Thích Ca dạy Sắc túc thị Không... Tất cả đều là những cách để “tránh” sự bủa vây của nhị nguyên để đạt được trạng thái gọi là Niết Bàn hay vào Cực Lạc Thế Giới. Tuy nhiên vì đã mấy ngàn năm trôi qua, văn hoá đổi khác, nên có khi mình đọc kinh sách Tam Giáo mà không hiểu gì hết hay hiểu theo kiểu mình muốn hiểu, cho nên rất khó thực hiện theo. Lần thứ ba này, ngoài lời dạy của Đức Hộ Pháp, chúng ta lại được ưu ái cho thêm một món, đó là “*Đức Chí Tôn huyền nguyên Chơn Thần*” và đây mới thực sự là yếu tố quyết định cho những ai muốn rời khỏi vòng luân hồi nghiệt ngã.

Việc vừa bàn ở trên là cách vào cửa Cực Lạc Thế Giới, còn ở lại đó như thế nào thì lại cần một bài khảo luận khác nữa. Tuy nhiên, ai vào được rồi đều biết chính xác mình sẽ phải làm gì tiếp theo. Có thể họ sẽ tự mở một vũ trụ mới, mà cũng có thể xuống trần gian làm một con châu chấu nhỏ nhoi trên đồng cỏ. Đức Hộ Pháp thường gọi đó là “*lập nghiệp*” trên Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống.

Nam Mô Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn.

Từ Chơn

Sài Gòn 30/4/2021

THAM KHẢO:

- ▶ Encyclopedia Britannica
- ▶ Wikipedia (English)
- ▶ Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống – Ban Tốc Ký
TTTN

- Tự Điển Hán Nôm – Thiều Chủ
- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển I & II
- daotam.info
- Tự Điển Cao Đài – Đức Nguyên Nguyễn Văn Hồng
- Bí Pháp Luyện Đạo Bát Nương Diêu Trì Cung – Tử Huệ

6. QUAN ÂM BỒ TÁT TRONG ĐẠO CAO ĐÀI



MỞ ĐẦU

QUỐC HẾT, THEO TỰ ĐIỂN PHẬT HỌC THÌ QUAN ÂM LÀ TÊN GỌI CỦA NGƯỜI TRUNG QUỐC NGÀY XƯA. Thực sự ra, tên của ngài bằng tiếng Phạn (*Ān Độ cồ*) là Avalokiteśvara Bodhisattva. Người Trung Quốc dịch ra

là 觀世音菩薩 và người Việt đọc là Quán Thế Âm Bồ-tát.

Nhưng chưa hết, ngày xưa ở bên Trung Quốc, người ta tránh chữ **Thế** vì sợ phạm huý, bởi tên vua Trung Quốc đời Đường là Lý **Thế** Dân, cho nên tên của Ngài bị lược bỏ chữ **Thế**, chỉ còn là Quán Âm và theo thời gian đã biến thành Quan Âm. Tại Cam-pu-chia, ngài được gọi là Lokesvarak (អេឡិចត្រកសុរី; អេឡិចត្រកសុរី; លិគាតកសុរី) và ở Nhật Bản, ngài được gọi là Kannon hay Kannon.



Tượng Quán Thế Âm Bồ Tát tại Ấn Độ, thế kỷ thứ 9.

HUYỀN THOẠI

Thực sự mà nói, thì người đời chưa hề nhìn thấy Ngài mà chỉ biết qua kinh sách đạo Phật, do đó người ta miêu tả ngài dưới nhiều hình dạng khác nhau. Mỗi nước ở Châu Á đều có riêng một câu chuyện truyền miệng về nguồn gốc của Ngài trong dân gian, lâu đời đến mức

không còn ai biết truyện do ai kể và từ đâu mà có nữa.

Ở Ấn Độ, người ta dựng tượng ngài có nghìn tay nghìn mắt, hoặc tượng bồ tát cầm hoa sen. Ở Trung Quốc, Nhật Bản và Việt Nam thì ngài là một vị nữ Phật, mặc đồ trắng, một tay cầm nhành dương, tay kia là bình nước cam lồ.



Hình vẽ Quan Thê Âm ở Tây Tạng, thế kỷ 17.



Tượng Quan Âm ở Phổ Đà Sơn, Trung Quốc.

Có rất nhiều sự tích về Quan Âm lưu truyền ở Trung

Hoa. Như theo tiểu thuyết Phong Thần Diễn Nghĩa (*của tác giả người Hoa, Húa Trọng Lâm hoặc Lục Tây Tĩnh*), thì Quan Âm là Từ Hàng Bồ Tát (*Từ Hàng Đạo Nhân*). Còn ở Việt Nam thì ai cũng biết truyện Quan Âm Diệu Thiện và Quan Âm Thị Kính (*hay Thị Mẫu Thị Kính*). Ngày nay với sự phổ biến của mạng Internet, mọi người có thể dễ dàng tìm đọc những truyện này, nên chúng tôi mạn phép không kể ra đây.

Sự cực kỳ phong phú về truyền thuyết chứng tỏ một điều: Ngài được rất nhiều người thuộc các dân tộc khác nhau ngưỡng mộ và thờ phụng. Thông thường, mọi người cho rằng khi gặp khổ nạn, nếu cầu khẩn, niệm đến danh ngài thì sẽ được cứu giúp.

Ý NGHĨA THỰC SỰ

Nhưng đối với chúng ta, những người quyết tâm tu học, thì phải tìm hiểu đến tận nguồn gốc của vấn đề để hiểu ý nghĩa về mặt triết lý. Điều đó quan trọng cho kiếp sống ngắn ngủi của chúng ta hơn là chạy theo những câu truyện dân gian không có thật mặc dù những câu truyện này cũng kể lại những tấm gương tốt cho người tu học rèn luyện tánh hạnh.

Đầu tiên, chúng ta biết rằng Đức Phật Thích Ca là có thật trong lịch sử, trái lại Quán Thế Âm Bồ Tát thì không. Chúng ta chỉ nghe Đức Phật Thích Ca nhắc tới tên Ngài, rồi về sau các đệ tử ghi chép lại trong kinh sách cho chúng ta đọc. Còn các truyền thuyết thì lưu truyền trong dân gian, không biết ai là tác giả. Từ đây xin phép dùng tên Quán Thế Âm vì đó mới đúng là tên ngài. Như đã nói ở trên, Quan Âm là tên đã bị sửa lại.

Các nghiên cứu cho thấy tên ngài xuất hiện trong 7

bộ kinh của Phật Giáo, đặc biệt là hai bộ Diệu Pháp Liên Hoa Kinh (*Pháp Hoa*) và Bát Nhã Tâm Kinh (*Tâm Kinh*).

Đây là đoạn trích từ kinh Pháp Hoa. Khi Vô Tận Ý Bồ Tát hỏi vì sao có tên Quán Thế Âm, Đức Phật Thích Ca trả lời, “*Khổ não chúng sinh nhất tâm xưng danh Bồ Tát tức thời quán kỵ âm thanh giao đắc giải thoát dĩ thị danh Quán Thế Âm*” Tạm dịch là: chúng sinh khổ não một lòng gọi danh hiệu của Bồ Tát, Ngài sẽ hiểu được và sẽ cứu độ tức thì, vì thế nên gọi là Quán Thế Âm.

Và đây là đoạn trích từ Bát Nhã Tâm Kinh. Trong kinh này ngài Đường Huyền Trang dịch tên Bồ Tát là Quán Tự Tại. “*Quán-tự-tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa thời, chiểu kiến ngũ-uẩn giao không, độ nhất thiết khổ ách*”. Tạm dịch là: Khi Quán Tự Tại Bồ Tát đạt mức trí huệ cao nhất thì thấy những suy nghĩ và cảm giác của con người đều không có thực, do đó Ngài vượt qua được mọi khổ sở.

Dù có rất nhiều bản dịch khác nhau, nhưng đọc kỹ thì sẽ thấy những điểm chung, như là: Bồ Tát – hiểu thấu – tiếng kêu than – suy nghĩ – không còn đau khổ nữa. Từ đó, cộng thêm tìm hiểu thực tế, chúng tôi thấy mọi người có hai cách hiểu về Quán Thế Âm như sau:

Hướng thứ nhất, có một vị Bồ Tát tên là Quán Thế Âm hiểu thấu mọi tiếng kêu than của chúng sanh đau khổ. Ai phải chịu quá nhiều đau khổ thì cứ cầu khẩn ngài. Ngài sẽ giúp cho vượt qua cơn đau khổ. Đây là hướng suy nghĩ dễ tiếp cận nhất và cũng được mọi người ưa chuộng nhất. Do đó, ở Trung Hoa, Nhật Bản và Việt Nam, người ta ra sức dựng những tượng đài Quan Âm thật to lớn, thu hút rất nhiều người đến thắp hương, vái lạy, cầu xin. Hướng suy nghĩ này bàng bạc trong trường

phái Tịnh Độ Tông của Phật Giáo, theo đó người tu học dùng thần lực của sự cầu nguyện (*niệm Phật*) để mong được Phật cứu vớt.



Tượng Quán Thế Âm cao 11 m ở Bạc Liêu, Việt Nam

Hướng thứ hai, ít được ưa chuộng hơn, đó là danh hiệu Quán Thế Âm cũng đồng thời là một pháp môn (*cách tu tập*). Quán có nghĩa là hiểu thấu, Thế Âm là tiếng kêu than của thế gian. Do đó người tu học theo pháp môn này sẽ tự mình vận dụng sự sáng suốt của chính mình (*còn gọi là trí huệ, trí tuệ, trí Bát Nhã*) để hiểu rõ những suy nghĩ, những cảm giác của mình. Nếu đạt mức yêu cầu sẽ thấy được tất cả những điều đó đều không có thực, từ đó sẽ vượt qua được mọi đau khổ thế gian. Kiểu suy nghĩ này giống như ý tưởng trong Thiền Tông của Phật Giáo, theo đó người tu học tự dùng sức mạnh suy tưởng của mình để chiêm nghiệm lẽ sống.

Thường thì người ta hay tranh cãi là tông phái này cao cấp hơn tông phái kia v.v..., nhưng thực tế không hề có khảng định nào như vậy. Để chứng minh điều này, xin nói thêm một chút về bộ kinh Pháp Hoa (*tên đầy đủ là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh*). Kinh này ghi lại lời giảng của Đức Phật Thích Ca tại núi Linh Thủ vào khoảng thời gian Phật sắp rời khỏi thế gian. Chủ yếu Phật Thích Ca dạy rằng mọi cách thức tu tập đều chỉ là phương tiện để đạt pháp. Phật chỉ tùy cơ duyên của người nghe mà dùng phương pháp dạy cho thích hợp mà thôi. Trong bộ kinh, đức Phật sử dụng một minh họa rất rõ ràng. Ngài kể chuyện một người cha muốn cứu các con ra khỏi một đám cháy. Vì những đứa trẻ không chịu chạy ra, người cha đành phải hứa cho các con mỗi đứa một món quà theo ý thích của chúng; đứa thì cho con nai, đứa thì cho con dê, đứa thì cho chiếc xe trâu v.v... Có như vậy chúng mới chịu ra khỏi nhà.

Ngu ý câu chuyện khá rõ ràng: người cha chính là Phật, những đứa con chính là chúng sinh. Phật phải chịu lòng chúng sinh, hứa hẹn cho đủ thứ đồ vật để đi đến mục đích sau cùng là cứu lấy họ. Do đó, lời dạy của Đức Phật có dẫn đến những khác biệt, thì cũng là để thích hợp với mọi trình độ của chúng sinh. Dù cho cầu nguyện xin Phật cứu vớt hay vận dụng sự sáng suốt của mình để chiêm nghiệm thì rồi ra đều đạt được mục đích là giải thoát khỏi mọi đau khổ trần tục.

Riêng người viết bài này thì thích nghiêng về cách thứ hai hơn. Đồng ý rằng Phật sẽ cứu giúp con người khi gặp đau khổ với điều kiện niệm danh Phật, mà cụ thể trong trường hợp này là Quán Thế Âm. Nhưng theo chúng tôi thì niệm danh Phật không đơn giản là đọc

thì thầm tên Đức Phật càng nhiều lần càng tốt. “Niệm” trong kinh Phật mang một ý nghĩa tích cực hơn nhiều. Như trong trường hợp này khi “niệm” thì phải “quán”; tức là phải suy nghĩ cho thấu đáo. Quán Thế Âm là suy nghĩ thấu đáo về âm thanh của thế gian, tức là tiếng than khóc của nhân loại, chứ không chỉ là đọc tên đức Phật lên thật nhiều lần rồi mình sẽ được giải thoát. Nếu như vậy thì quá dễ, phải không thưa chư vị? Do nghĩ như vậy mà chúng ta thấy bây giờ người ta dùng máy thu âm ghi lại câu “Nam mô A Di Đà Phật” rồi mở máy cho chạy ngày đêm. Nếu “niệm Phật” đúng là như vậy, thì suy cho cùng, ai có “pin” nhiều hơn sẽ được giải thoát hay sao?

Chắc trong chúng ta đây ai cũng tự hiểu rằng đọc tên Phật nhiều lần không đem đến một kết quả khả quan nào cả. Câu chuyện sư Pháp Đạt trong Pháp Bửu Đà Kinh là một ví dụ sống động cho ý này. Chuyện kể rằng sư Pháp Đạt ra vẻ ngạo mạn khi gặp Đức Lục Tổ Huệ Năng vì tự hào rằng mình đã tụng (*đọc lớn tiếng*) Kinh Pháp Hoa được ba ngàn lần rồi. Nhưng khi Đức Lục Tổ hỏi thêm về ý nghĩa kinh, thì sư chẳng trả lời được câu nào. Sau khi nghe Đức Lục Tổ giảng giải, sư đã khai ngộ ngay lập tức và tuyên bố “*Kinh tụng tam thiền bộ, Tào Khê nhất cú vong...*” (*Tụng kinh ba ngàn lần vẫn không hiểu, Tổ Sư chỉ nói một câu là hiểu ngay...*)

Hơn nữa, đọc tên, kêu gọi chỉ là một hành động theo thói quen, phi ý thức; mà phi ý thức làm sao có thể giúp chúng ta ý thức được tính diệu huyền của vũ trụ. Trong Đạo Cao Đài ai cũng biết không có ý thức có nghĩa là mất đi phần KHÍ, mà con người chỉ còn TINH và THÂN thì làm sao có thể hiệp một để về với Đức Chí Tôn. Hơn nữa Đức Chí Tôn dạy rằng Trời Người phải hiệp một.

Nếu chúng ta chỉ ngồi gọi tên rồi chờ Trời đến cứu thì chúng ta chỉ hoàn toàn trông chờ vào Thầy chứ không có góp sức mình.

Nói tóm lại, niệm danh Quán Thế Âm nghĩa là thực hành pháp môn của Ngài. Tức là phải nghe những lời than van ở thế gian (*hay bắt cứ lời nói gì*) và suy nghĩ cho tận tường thấu đáo. Làm được như vậy thì chúng ta mới có cơ hội giải thoát. Thí dụ như thế này, khi chúng ta nghe những người bệnh tật than khổ. Đó là Thế Âm đấy. Vậy bây giờ mình hãy xét xem mình cảm thấy thế nào. Xin đừng vội kết luận rằng, đó là thính âm sắc tướng mà tôi là người tu hành cần phải lánh xa, vậy nên tôi không cảm thấy gì cả. Nếu kết luận như thế là mình từ chối suy nghĩ, mình không chịu “quán”. Mà mình không chịu “quán” thì đó là dấu hiệu mình không thích hợp với pháp môn này.

Nếu mình chịu “quán” mình sẽ nhận thấy một sự thương cảm sâu xa, vốn là tình người chân thành mà cuộc sống tranh dành xô bồ đã tước mất của chúng ta từ lâu. Đây là một khởi đầu tích cực trong pháp môn này rồi đấy. Và tình thương con người sẽ dần dần châm mồi cho ngọn lửa sáng bừng trí huệ.

QUÁN THẾ ÂM TRONG CAO ĐÀI

Trong Đạo Cao Đài, danh hiệu Quán Thế Âm được nhắc nhở trong bài kinh cầu siêu, và trong những bài thuyết đạo về Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống của Đức Hộ Pháp. Đặc biệt quan trọng, trong kỳ ba này Ngài là một trong Tam Trần Oai Nghiêm:

- Nhứt Trần Oai Nghiêm kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Đại Tiên Lý Thái Bạch thay mặt

cho Lão Giáo.

- Nhị Trấn Oai Nghiêm là Quán Thế Âm Bồ Tát thay mặt cho Phật Giáo.
- Tam Trấn Oai Nghiêm là Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân thay mặt cho Nho Giáo.

Xét về ý nghĩa thì **trấn** = *giữ gìn cho yên ổn*. **Oai nghiêm** = *đáng kính sợ và khắt khe*. Từ những định nghĩa này ta hiểu rằng Tam Trấn Oai Nghiêm là ba vị có quyền lực rất lớn để ngăn chặn người thế gian phạm luật trời (*Thiên điều*) trong Tam Kỳ Phổ Độ. Quyền lực của Tam Trấn giống như chức vụ Thường Trực hay Thường Vụ trong xã hội loài người. Một minh chứng là câu chuyện vui Đức Hộ Pháp kể trong bài thuyết đạo tại Báo Ân Từ ngày 15/9 Bính Tuất 1946. Vào khoảng năm 1927 có lệnh cấm cầu cơ của Thiêng Liêng, nhưng các vị tiên bối vẫn cầu cơ để nghe giáo huấn. Kết quả là những vị phạm luật gồm Đức Quyền Giáo Tông, Đức Hộ Pháp và Phối Sư Bính bị Đức Lý Giáo Tông phạt quỳ hương. Câu chuyện này cho thấy với quyền lực của mình, Tam Trấn không bỏ sót một chuyện nhỏ nào và cũng không nể mặt ai cả.

Trong bài thuyết đạo về Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống tại Đền Thánh đêm 29 tháng 9 năm Mậu Tý (31/10/1948), Đức Hộ Pháp cũng nói rõ chức năng của Quán Thế Âm Bồ Tát trên cõi Trời. Đó là vâng lệnh Đức Di Lặc Vương Phật, chèo thuyền Bát Nhã qua lại Ngân Hà và khổ hải để “độ sanh” thiên hạ.

Xin lưu ý những ngụ ý sau đây:

Đức Di Lặc là Chánh Chủ Khảo Hội Long Hoa.

“Độ sanh”, theo Cao Đài, là giúp phần tinh thần hoặc vật chất cho người còn đang sống và “độ tử” là giúp phần linh hồn cho người đã chết.

- **Thuyền Bát Nhã** tượng trưng trí huệ, sự sáng suốt tột đỉnh của người đắc đạo.
- **Ngân Hà** tượng trưng sự ngăn cách giữa đau khổ và hạnh phúc.
- **Khổ hải** là cuộc sống thế tục.

Vậy, câu chuyện Đức Hộ Pháp kể có ngụ ý là trong Tam Kỳ Phổ Độ này, Quán Thế Âm là pháp môn phổ biến nhất để đem lại sự sáng suốt cho những người còn đang sống. Ai đạt được sự sáng suốt này, người đó sẽ vượt qua mọi đau khổ tức là đắc đạo tại thế.

Thêm vào đó, trong bài thuyết đạo ngày 28/6 Mậu Dần (1938), Đức Hộ Pháp cũng dạy rằng Tam Trấn là tấm gương Bi, Trí, Dũng cho nhân loại học tập trong Kỳ Ba này, trong đó Đức Lý Đại Tiên dạy Trí, Đức Quan Thánh dạy Dũng, còn Quán Thế Âm Bồ Tát dạy chúng ta tâm từ bi. Ta phải biết thương xót vạn linh vì trong Đại Hội Long Hoa này, tiếng than van của con người sẽ vượt xa những lần trước đây. Như hiện nay (2021) nhân loại đang vướng vào dịch COVID-19 với số người chết kỷ lục so với những trận dịch trước đây và các nhà khoa học vẫn không thể biết chừng nào đại dịch mới chấm dứt. Còn khủng khiếp hơn, nếu virus này biến thể và thuốc ngừa không có tác dụng, thì lúc đó tình hình sẽ đúng theo câu sấm truyền đã có ở Việt Nam từ lâu, “*Mười người chết bảy còn ba, chết hai còn một mới ra thái bình*” đó vậy.

Vậy thì cuối cùng, vấn đề của tín đồ Cao Đài hiện nay, mà bất cứ lúc nào cũng vậy, là có sẵn sàng bước vào pháp môn của ngài hay chưa? Câu hỏi này dành cho những ai muốn thật lòng gác ngoài tai mọi lời xúi giục tranh chấp trần tục, mọi quyền rũ của chức danh, lợi lộc trong Đạo lẩn ngoài đời, và thật sự muốn tu học để

tự giải thoát ra ngoài vòng sanh tử luân hồi.

TỪ CHƠN

Sài Gòn, 25/1/2021

THAM KHẢO

- Wikipedia
- Britannica
- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh
- Bát Nhã Tâm Kinh
- Pháp Bửu Đàm Kinh
- Tự Điển Hán Nôm – Thiếu Chủ
- Bộ sách Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp – Ban Tốc Ký TTTN.
- Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống – Ban Tốc Ký TTTN.

7. SỨC MẠNH CỦA CẦU NGUYỆN



DẪN

NGAY LÚC NHỮNG HÀNG CHỮ NÀY LẦN LƯỢT HIỆN LÊN MÀN HÌNH VI TÍNH, SÀI GÒN ĐÃ ĐI VÀO CÁI gọi là giãn-cách-xã-hội được khoảng mươi tiếng đồng hồ. Thành phố khoác lên một chiếc áo vừa cũ rích vừa lạ lùng: người ta vẫn đi làm việc nhưng trong lòng mang nặng những lo âu. Không biết ở nơi làm việc có ai Fo, F1 gì không? Không biết chiều nay khi trở về nhà có thấy những trạm gác ngăn không cho vào khu phố mình không? Không riêng gì ở Sài Gòn, siêu vi Corona đã giết chết nhiều người và làm đảo lộn mọi hoạt động của nhân loại trên toàn thế giới.

Là một người dân bình thường, ngoài việc phải làm theo những qui định của chính quyền sở tại hiện hữu,

tôi chỉ còn biết làm một việc mà một người có niềm tin tôn giáo thực hiện khi bất lực hay tuyệt vọng: cầu nguyện. Đó là một động tác cổ xưa nhất trong buổi bình minh tôn giáo của nhân loại. Ngay cả đến bây giờ, cầu nguyện cũng không thể thiếu được trong bất cứ tôn giáo nào. Theo triết gia người Mỹ William James, không có cầu nguyện thì không có tôn giáo. Một ngạn ngữ Hồi Giáo cũng nói rằng tín đồ Hồi Giáo thì phải cầu nguyện. Sadhu Sundar Singh, một hành giả theo bí thuật của Ấn Độ còn nói cầu nguyện cũng quan trọng như hô hấp vậy. (*Britannica*).

SỨC MẠNH

Vậy cầu nguyện là gì và có sức mạnh ra sao?

Trước hết, theo Encyclopedia Britannica, cầu nguyện là sự giao tiếp (*trò chuyện*) của loài người với Đức Chí Tôn, với các Đấng Thiêng Liêng, hoặc với cõi giới siêu tự nhiên. Thông thường, người ta cầu nguyện để được khoẻ mạnh, hết bệnh tật, được sống lâu, được giàu có, hoặc thành công trong sự nghiệp.

Và sức mạnh của cầu nguyện theo lời dạy của Đức Chúa Jesus là: “*Truly, I say to you, whoever says to this mountain, ‘Be taken up and thrown into the sea,’ and does not doubt in his heart, but believes that what he says will come to pass, it will be done for him. Therefore I tell you, whatever you ask in prayer, believe that you have received it, and it will be yours*” (*Mark II:23–26*)

Tạm dịch: “Ta nói thật với các ngươi, người nào bảo ngọn núi này nhảy xuống biển, với niềm tin tuyệt đối trong lòng là nó sẽ nhảy, thì điều đó sẽ thật sự xảy ra. Vì vậy, khi cầu xin điều gì, hãy có niềm tin là đã nhận

được rồi, thì người sẽ nhận được”.

CÂU CHUYỆN TRONG KINH THÁNH

Nhân dịp nói về câu nguyệt, kính mời đồng đạo cùng ôn lại một câu chuyện trong Kinh Thánh Torah (*Cựu Ước*), quyển thứ hai (*Book of Exodus*). Năm 1956 chuyện này đã được chuyển thể thành bộ phim nổi tiếng *The Ten Commandments* (*Mười Điều Răn*).

Theo Kinh Thánh, vào thời đó, người Do Thái sống chung với người Ai Cập. Người Ai Cập có quân đội trang bị vũ khí hiện đại nên làm chủ, người Do Thái phải làm nô lệ, dùng sức lao động xây dựng đền đài cung điện xa hoa cho người Ai Cập. Tuy nhiên, người Do Thái sinh sản ra càng lúc càng nhiều khiến cho vua Ai Cập lo sợ một ngày kia sẽ bị lật đổ. Do đó, ông ta ra lệnh giết tất cả trẻ con Do Thái, quẳng xuống sông Nile. Thánh Moses (*tiếng Việt đọc là Mô-sét, Môi-se, Môi-xen hay Mô-sé*) sinh ra trong một gia đình Do Thái. Khi nghe lệnh vua, bà mẹ của Moses biết mình không thể giữ được đứa con mới sinh nên chỉ còn biết giấu bé Moses trong một bụi sậy ở bờ sông và cầu nguyệt.

May thay, một công chúa Ai Cập đi tắm sông bắt gặp đứa bé nén đem về hoàng cung nuôi dưỡng. Lớn lên Moses trở thành một hoàng tử Ai Cập và không biết gì về gia đình thật của mình. Thế rồi nhà vua cũng phát hiện ra nguồn gốc Do Thái của ông, nên trực xuất ông khỏi hoàng gia, đày ông vào sống ở sa mạc khô cằn. Ông đã lập gia đình và chăn chiên để sinh sống.

Chính lúc này Đức Chí Tôn đã giáng hạ cho ông nhìn thấy và bảo ông hãy trở lại Ai Cập để cứu dân tộc Do Thái của mình. Ngàn ngại vì sự chênh lệch quá lớn

giữa hai phía, một bên là lực lượng quân đội Ai Cập hùng mạnh, một bên là những người Do Thái nô lệ thiều ăn thiều mặc, ông xin được từ chối nhiệm vụ. Nhưng vì Đức Chí Tôn hứa sẽ giúp, nên ông một mình trở lại Ai Cập.

Khi ông vào gặp nhà vua, xin phép đưa người dân Do Thái rời khỏi đất nước Ai Cập thì dĩ nhiên ai cũng biết câu trả lời rồi. Làm sao mà người ăn trên ngòi trôc lại từ bỏ quyền lực đơn giản như vậy được! Mất hết nô lệ thì ai phục vụ cho gia đình và hoàng tộc của ông ta. May mắn là nhà vua không giết Moses vì ngày xưa lúc còn là hoàng tử thì hai người là anh em.

Thất bại nã nề, Moses trở về nhà và trong cơn tuyệt vọng ông đành phải cầu nguyện Đức Chí Tôn giúp sức. Đức Chí Tôn bảo ông hãy trở lại cung điện và nói với vua Ai Cập rằng nếu không đồng ý để người Do Thái ra đi thì sẽ bị trừng phạt.

Lần thứ hai ông lại đến gặp nhà vua và cũng lại bị từ chối phũ phàng như lần trước. Ngay sau đó sự trừng phạt đã lần lượt đến với người Ai Cập qua 10 hiện tượng:

1. Nước sông Nile biến thành máu.
2. Ếch nhái tràn ngập mọi nơi.
3. Muỗi xuất hiện dày đặc khắp đất nước.
4. Có quá nhiều ruồi mòng.
5. Dịch bệnh giết chết nhiều gia súc.
6. Tất cả người dân Ai Cập bị ghẻ chốc, ngứa ngáy không chịu nổi.
7. Khắp nơi bị mưa đá, sấm sét và lửa cháy.
8. Châu chấu xuất hiện tàn phá mùa màng.
9. Mặt trời bị che khuất trong ba ngày liền khiến mọi người phải sống trong bóng tối.

Dĩ nhiên, chỉ có người dân Ai Cập là chịu khổ sở thoi chør nhà vua, các quan chức cầm quyền và những người giàu có trong cung vàng điện ngọc thì chẳng hề hấn gì. Vua quan chẳng hề xót thương người dân Ai Cập của họ và không việc gì phải đổi ý cho người Do Thái được ra đi. Không những thế, vua ra lệnh gia tăng đòn áp người nô lệ Do Thái, bắt làm thêm giờ, tăng thuế má, đánh đập giam cầm những ai không nghe lệnh. Cuối cùng lần trừng phạt thứ 10 đã quyết định tất cả. Đó là tất cả con trai đầu lòng của mọi gia đình Ai Cập đều chết.

Trong tai họa thảm khốc này, con lớn của nhà vua cũng chết. Và chính điều này đã khiến nhà vua hoảng sợ. Ngai vàng, cung điện, vàng bạc ngọc ngà, kẻ hầu người hạ đều không ngăn được thần chết đem con ông ta đi. Hậu quả là vua đành miễn cưỡng chấp thuận cho người Do Thái ra đi. Trái lại, các gia đình Do Thái thì lại không bị trừng phạt. Vì vậy, cho đến nay hàng năm trong mỗi gia đình Do Thái đều kỷ niệm sự kiện này bằng lễ Vượt Qua, nhắc nhở rằng ngày đó năm xưa dân tộc Do Thái đã “vượt qua” sự trừng phạt.

Được tháo cùi sô lồng, tất cả người Do Thái bồng bé nhau băng qua sa mạc theo hướng dẫn của Moses. Cứ khi nào không biết đường đi thì Moses ra nơi vắng vẻ, cầu nguyện để Đức Chí Tôn chỉ đường. Nhưng khi đến bờ Biển Đỏ thì đoàn người nheo nhóc tạm dừng lại vì không biết phải làm gì nữa trong khi miền đất mà Đức Chí Tôn hứa là sẽ đưa họ tới vẫn chưa thấy đâu. Nhưng vận rủi vẫn đeo đuổi những con người xấu số này vì vua Ai Cập bây giờ lại đổi ý, nghĩ rằng nếu không “xài được thì hủy bỏ”, nên tự mình điều động binh hùng tướng mạnh đuổi theo với ý định tàn sát tất cả người Do Thái.

Trong tình thế cực kỳ nguy nan, trước mặt là Biển Đỏ cuồn cuộn sóng gào, sau lưng là đám bụi cát tung tròn báo hiệu một đoàn quân đang vù bão truy đuổi. Nhìn lại đoàn người nô lệ ôm đói, không một tấc sặc tự vệ, ai cũng thấy là tình hình tuyệt vọng và dân tộc Do Thái át là sẽ 100% xoá sổ kể từ đây. Trên bờ biển, trong khi mọi người đang run rẩy chờ chết, thậm chí có người còn rủa sả Moses vì đã đưa họ vào chỗ chết, thì Moses đứng lên, giơ cao chiếc gậy mà Đức Chí Tôn ban cho ông và cầu nguyện.

Huyền diệu thay, mây trên trời bắt đầu quay cuồng dữ dội và mặt biển đột nhiên tách làm đôi, bày ra con đường đi sang bờ bên kia. Tất cả mọi người đều vội vã theo đường đó băng qua biển. Khi những người cuối cùng lên được bờ, toán kỵ binh Ai Cập đầu tiên cũng đến nơi và theo lệnh của nhà vua, họ tràn xuống theo con đường đó để đuổi theo. Nhưng khi đoàn quân đằng đằng sát khí ra đến giữa biển, thì mặt biển khép lại, vùi chôn toàn bộ lực lượng truy đuổi. Lúc bấy giờ Moses và dân tộc Do Thái mới biết chắc một điều là mình đã thoát chết.

CẦU NGUYỆN THỜI HIỆN ĐẠI

Câu truyện “*10 Điều Răn*” cho thấy sức mạnh của lời cầu nguyện đã thành hiện thực giống như lời dạy của Đức Chúa Jesus vậy. Còn trong thế giới chúng ta ngày nay thì sao? Lời cầu nguyện có còn sức mạnh nghiêng trời lệch đất như vậy nữa không?

Trên thực tế, có một thanh niên nói với tôi rằng anh đã cầu nguyện với Đức Chí Tôn cho mình trúng số. Anh sẽ dùng một phần số tiền này lo cho gia đình,

phần còn lại sẽ hiến tặng cho Thánh Thất nghèo ở địa phương, còn bản thân thì sẽ vào đó làm công quả. Anh đã thành tâm cầu nguyện và mua vé số 10 năm rồi mà có thấy trúng tờ nào đâu!

Còn một bà khác cũng nói bà không tin vào cầu nguyện nữa vì khi chồng bà biết mình bị ung thư giai đoạn cuối, bà đã ăn chay trường, cầu nguyện mỗi ngày tại chùa 5 năm như vậy, nhưng ông vẫn không qua khỏi dù đã tận tâm tận lực chữa trị.

Một tu sĩ khác cũng cầu nguyện được nhìn thấy Phật và nói rằng nếu ngày rằm này mà không thấy thì sẽ hoàn tục. Kết quả là anh chẳng thấy gì nên đã ra đời, lập gia đình và làm ăn như mọi người.

Theo ý kiến của tôi, khi đọc truyện Thánh Moses kể trên, có lẽ ai cũng muốn lời cầu nguyện của mình được thiêng liêng đáp lại như vậy, nhưng không phải lúc nào cũng được như ý. Bởi vì, thứ nhất, có một điều quan trọng mà chúng ta không tính tới, đó là chúng ta không phải là chơn linh cao trọng như Thánh Moses và hoàn cảnh của chúng ta cũng khác xa. Thứ hai, Đức Chúa Jesus dạy là phải tin tưởng tuyệt đối thì lời cầu nguyện mới có kết quả. Cho nên có thể bản thân mình nghĩ là tuyệt đối nhưng so với chuẩn thiêng liêng là chưa đủ. Thứ ba, theo luật nhân quả, mình phải đền bù những tội lỗi ở kiếp trước. Có lẽ đền bù chưa xong, nên cầu nguyện không có kết quả chăng?

Trái lại, cũng có nhiều người cầu nguyện và đã được toại nguyện. Có lẽ những vị đó đã đáp ứng đủ ba điều kiện vừa kể. Chúng ta thường gặp những vị này đem lễ vật lên chùa, cúng tạ lễ, theo phong tục của người châu Á. Đặc biệt trong tình hình dịch bệnh Covid, theo CNN

(17/6/2020), Rob Kochon ở Florida có xét nghiệm dương tính với coronavirus và sau đó phát bệnh nặng. Ông ngừng tim đến 3 lần vì phổi bị đông đặc, không hoạt động được. Trong thời gian ông bị bệnh, vợ ông là Carol, cùng sự giúp đỡ của nhà thờ và gia đình đã cầu nguyện mỗi ngày. Nay ông đã khỏi bệnh và dần dần bình phục. Hai vợ chồng ông đều cho rằng cầu nguyện đã cứu ông thoát chết. Và cũng theo CNN, Trung Tâm Nghiên Cứu PEW cho biết có đến 55% người Mỹ trưởng thành cầu nguyện cho dịch Covid chóng qua.

Khoa học cũng đang ra sức nghiên cứu xem cầu nguyện đem lại điều gì cho con người. Giáo Sư Brad Bushman thuộc Đại Học Ohio nói rằng “*Người ta cầu nguyện khi cảm thấy không kiểm soát được tình hình, cần giúp đỡ của một Đáng-Ở-Trên-Cao. Do đó cầu nguyện trong đại dịch là chuyện bình thường*”.

Dù là vậy, nhưng kết quả nghiên cứu khoa học về việc cầu nguyện giúp lành bệnh vẫn còn rất khiêm tốn. Hiện nay khoa học chỉ chứng minh được rằng cầu nguyện có ảnh hưởng đến tâm lý như làm giảm căng thẳng, giảm cảm giác cô đơn và giảm nỗi sợ hãi. Mà theo Giáo Sư Kevin Masters, bộ môn Sức Khoẻ Tâm Lý Lâm Sàng, thuộc trường Đại Học Colorado, Denver, tâm lý có liên quan mật thiết với các tiến trình sinh học của cơ thể, kể cả chức năng của hệ miễn dịch. Do đó cầu nguyện có thể tác động đến sức khỏe con người.

Như vậy trong thời đại của chúng ta, lời cầu nguyện có thể mang lại kết quả như ý mà cũng có thể không vì còn rất nhiều điều kiện cần phải đáp ứng. Nhưng kết quả trước mắt là chắc chắn có ảnh hưởng tốt đến tâm lý con người.

KẾT

Riêng bản thân tôi, một tín đồ Cao Đài bình thường, thì cho rằng hiện nay có hai điều quan trọng cần phải để ý. Thứ nhất, những hiện tượng tai họa thiên nhiên khá giống như trong “10 Điều Răn” đã tái hiện ở nhiều nơi trên thế giới. Phải chăng loài người chúng ta đã vi phạm những quy luật thiên nhiên mà không hề muốn sửa chữa? Và những thiên tai này kể cả dịch Covid hiện nay là những trùng phạt của Mẹ thiên nhiên đồng thời là dấu hiệu của Hội Long Hoa?

Tuy nhiên, tôi chỉ là một con người trong số 7,825 tỉ dân cư của hành tinh này (2020), không có quyền lực, không có tài chính dồi dào, cũng không có năng lực gì đặc biệt, nên tôi cho rằng cầu nguyện là cách phù hợp nhất khi tôi bất lực và tuyệt vọng. Hơn nữa như đã dẫn ở trên, cầu nguyện giúp tôi giảm căng thẳng, giảm cảm giác cô đơn và giảm nỗi sợ hãi hay nói theo người xưa là “tâm bớt động”. Một khi “tâm không còn động” nữa thì chuyện sống chết tự nó giải quyết.

Nếu không biết phải cầu nguyện thế nào thì tôi xin đề nghị như sau: theo giáo lý Cao Đài, có năm lời cầu nguyện quan trọng tụng đọc mỗi ngày. Kính mời đồng đạo nào có cùng suy nghĩ với tôi tụng đọc Ngũ Nguyên.

1. Nam mô nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai,
2. Nam mô nhì nguyện phổ độ chúng sanh,
3. Nam mô tam nguyện xá tội đệ tử,
4. Nam mô tứ nguyện thiên hạ thái bình,
5. Nam mô ngũ nguyện thánh thát an ninh.

Từ Chợn
Sài Gòn, June 2021

8. THIỀN ĐÔNG THIỀN TÂY

GIỚI THIỆU

Hôm nọ, có một đọc giả trẻ tuổi email cho tôi, hỏi Thiền và mindfulness khác nhau như thế nào? Lúc đó tôi đang bận một việc khác, nên chỉ trả lời đơn giản, vừa đủ để hiểu vấn đề. Tôi biết rằng câu trả lời ngắn gọn này không làm cho đọc giả đó hài lòng. Giới trẻ bây giờ khi tìm hiểu điều gì thì luôn có yêu cầu cao hơn mây thập niên trước. Hơn nữa, nhiều thanh niên rất biết “*critical thinking*”, nghĩa là phải phán đoán một vấn đề thông qua phân tích khách quan. Đã hết rồi cái thời “*hết người đi trước nói là đúng*”. Mà như vậy mới là đáng mừng chớ! Thế hệ sau phải biết đứng trên vai thế hệ trước như lời Newton vậy. Vì vậy tôi tự hứa với mình, sẽ nghiên cứu, viết một bài về câu hỏi nói trên.

Trong thời đại ngày nay, muốn nghiên cứu có thể nhờ đến Internet. Đó là mạng lưới điện toán toàn cầu, thường trực cung cấp một lượng thông tin khổng lồ. Nhưng cũng chính vì quá nhiều thông tin mà chúng ta cần phải có kinh nghiệm cộng với một lượng kiến thức cơ bản tạm gọi là vững nếu muốn tìm hiểu một vấn đề. Đó là chưa kể những loại tin giả gây nhiễu vốn là tai họa trên Internet hiện nay. Bây giờ mà vào Google gõ “*Thiền*” thì có đến hơn 10 triệu kết quả. Chỉ riêng việc chọn bài nào để đọc cũng đã khó khăn rồi. Còn trên YouTube thì số thiền sư thuyết giảng về đủ mọi chủ đề còn nhiều hơn là cát sông Hằng nữa. Có lẽ suốt cuộc đời chúng ta chắc gì đã nghe hết tất cả những bài nói đó, nói chi tới thực hành. Vậy chìa khoá là phải biết chọn, ít thôi nhưng phải là tin thật, tránh tin giả.

Thế nên, khi viết bài này tôi định rút gọn thông tin của những Websites có uy tín nhất thế giới, như VOA, BBC, CNN, Reuters Encyclopedia Britannica, Webster, Stanford Encyclopedia, hoặc các Đại Học ở Mỹ. Đó là những nơi người ta thu thập thông tin nghiêm túc và có hệ thống. Các vấn đề tôn giáo được đề cập ở những trang này rất khách quan và dựa trên những lập luận khoa học hiện đại. Rồi tôi sẽ viết lại, bỏ bớt những từ Hán Việt truyền thống vẫn dùng khi nói về Thiền cho dễ hiểu. Hy vọng những thông tin ngắn gọn, dễ hiểu này sẽ giúp tín đồ Cao Đài, ít nhất, thấy được những nét chính của Thiền Học mà không bị lạc trong rừng kiến thức. Xa hơn nữa, tôi cầu nguyện cho có nhiều vị, tu học lên cao, “đắc đạo”, đạt được sự sáng suốt tột đỉnh, để dùi dắt mọi người tiến vào Thời Thượng Ngươn Thánh Đức.

CÁCH TIẾP CẬN

Gần đây ở Sài Gòn nghe nói có những lớp dạy Thiền do các thầy người nước ngoài, nhất là người Anh, Mỹ hướng dẫn. Rất nhiều người đã tìm đến đó để học tập. Có lẽ đây là nguồn của thắc mắc về từ mindfulness trong phần giới thiệu. Tôi cũng biết có một số tín đồ Cao Đài, thường là trẻ tuổi và có trình độ học vấn cao, là học viên rất siêng năng ở đó. Điều tréo ngoe là, mác “Thầy Tây” đã xoá mờ cái nghịch lý: người phương Tây dạy người phương Đông một pháp môn có nguồn gốc từ phương Đông!

Không ai có thể bác bỏ việc các xã hội Âu Mỹ (*Phương Tây*) tiến bộ hơn các quốc gia Châu Á (*Phương Đông*) về mặt khoa học và kỹ thuật. Khác với người Phương Đông, người Phương Tây tiến bộ như vũ bão

nhờ dùng phương pháp khoa học khi tiếp cận với bất cứ vấn đề gì. Nếu rảnh và đọc được tiếng Anh, kính mời xem thêm về Phương Pháp Khoa Học ở đây: https://en.wikipedia.org/wiki/Scientific_method

Người Phương Tây không ngại tìm kiếm những con đường đi mới miễn là đạt được mục đích. Nếu không thành công, thì đồng bào của họ chỉ đơn giản là quên đi, không nghe theo nữa, chứ không có ai gay gắt lên án họ là “mất gốc”, “điên” hay “sai chọn truyền” gì cả. Đó là nói tiến bộ về mặt vật chất, còn tinh thần thì sao? Họ tiếp cận các vấn đề tôn giáo, tâm linh của phương Đông như thế nào? Liệu tốc độ tiến bộ trong lĩnh vực này có nhanh như là trong khoa học kỹ thuật hay không? Liệu câu “Đạo xuất từ Đông” có sẽ được kết bằng câu “Quả kết từ Tây” không?

Rõ ràng, người phương Tây tiến bộ vượt bậc là do cách tiếp cận vấn đề. Trong xã hội trước đây của chúng ta, người ta chỉ “đi tu khi muốn...” “cắt đứt dây chuông”, trốn lánh cuộc đời đen bạc. Người phương Tây lại khác. Họ nghĩ rằng Thiền, một phương pháp có tuổi đời đến mấy ngàn năm như vậy, át phải có điều gì đó có ích, nên nghiêm túc nghiên cứu để áp dụng trong cuộc sống. Vậy thì quan trọng là chúng ta hãy tìm hiểu xem họ tiếp cận và thực hành Thiền như thế nào. Từ đó chúng ta có thể học được điều gì để áp dụng vào những pháp môn của chúng ta. Nhất là đối với tín đồ Cao Đài, một tôn giáo chưa quá 100 tuổi và cũng có pháp môn Tịnh Luyện, khá giống với Thiền.

PHÁT TRIỂN

Giới nghiên cứu vẫn cho rằng Giáo Sư người Nhật Daisetsu Teitaro Suzuki là người có công rất lớn trong việc đem Thiền Học vào thế giới Tây Phương qua bộ sách Thiền Luận (*Essays in Zen Buddhism*). Và trong nửa thế kỷ qua, nhiều học giả đã đến những quốc gia Phương Đông để nghiên cứu Thiền. Trước hết, họ đã choáng ngợp trước một rừng tông phái Thiền với đủ loại tên gọi và phương pháp. Từ Thiền của Ân Giáo, Thiền của Phật Giáo Ân Độ, Thiền của Phật Giáo Tây Tạng (*Mật Tông*), Thiền của Phật Giáo Trung Hoa (*Chan*), Thiền của Phật Giáo Nhật Bản (*Zen*), Thiền của Đạo Lão (*T'ai Chi*) v.v... Đó là chưa kể, cùng một nước thoi mà có thể có nhiều dòng Thiền, có khi đối chọi nhau chan chát. Từ ngồi theo tư thế Kiết Già, Bán Già, xếp bằng đến nằm dài. Từ nhắm mắt, mở mắt đến tập trung nhìn vào một biểu tượng nào đó. Từ thở theo cách này đến thở theo cách khác, nghe nói là đã tổng hợp được đến 8 cách, có thể hơn nữa. Từ suy nghĩ để trả lời một công án (*koan*) đến không suy nghĩ gì cả. Từ hình dung ra một hình tượng gì đó đến niệm những câu chú linh thiêng (*mantras*). Từ khai mở các “*luân xa*” đến đả thông các huyệt đạo, kinh mạch.

Trước sự cực kỳ phong phú về thể loại như vậy, trước hết, người phương Tây dùng từ *meditation*, nghĩa là trầm tư mặc tưởng, để gọi tất cả những phương pháp này, vì cơ bản thì tất cả đều đặt cơ sở trên tư tưởng hay “*tâm*”, nếu nói theo kiểu truyền thống. Từ *meditation* dịch ra từ tiếng Phạn là *Dhyana* (*tập trung suy nghĩ*), người Nhật đọc *Dhyana* thành *Zen*, người Hàn đọc thành *Seon*, người Hoa đọc thành *Chan*. Người Việt trước đây dùng

chữ viết của người Hoa và đọc Chan thành Thiền và hễ ai ngồi kiết già, nhắm mắt lim dim, đếm hơi thở, thì gọi là “ngồi Thiền”. Ở Việt Nam chưa nghe giới khoa học có công trình gì liên quan tới Thiền. Chỉ có các học viện Phật Giáo là có thu nhận thiền sinh và phát hành những chuyên san về Thiền Học.

Khoa học Phương Tây bắt đầu nghiên cứu Thiền vào khoảng thập niên 70 và đã công nhận các thiền giả có thể kiểm soát mạch và nhịp thở, tự làm giảm nhức đầu và áp huyết cao. Ở Mỹ từ đầu thập niên 80 người ta bắt đầu ưa chuộng một loại Thiền gọi là *mindfulness*. Đến thập niên 90 thì nhiều viện nghiên cứu đã dùng Thiền hỗ trợ điều trị các bệnh về tâm lý. Hiện nay càng lúc càng có nhiều người hành Thiền để nâng cao sức khỏe và tăng cường hệ miễn dịch.

Qua nghiên cứu, thực hành, so sánh các kết quả, người Phương Tây đưa ra những kết luận quan trọng như sau:

► Định nghĩa

Thiền (*meditation*) là điều khiển cơ thể và tâm trí tập trung vào những sự việc đang tức thì xảy ra nhằm có được nhận thức toàn vẹn. Thí dụ như khi tôi lái xe, thì tôi để ý sang số, đạp ga, bẻ tay lái v.v... chứ không vừa lái vừa nghe nhạc, vừa lái vừa nói chuyện, vừa lái vừa nghĩ tới lon bia lát nữa sẽ uống.

Không nhất thiết phải là tu sĩ mới thực hành Thiền vì đó là một phần của cuộc sống con người. (Ý kiến này có thể khó nghe đối với những tu sĩ truyền thống ở xứ ta, nhưng ở Phương Tây thì họ nghĩ như vậy đấy).

Khi xem xét một điều hay vật gì đó mà không có suy

nghĩ khác xen vào, không phê bình, không chỉnh sửa, không nhận xét, nghĩa là bình tĩnh chấp nhận vật đó hay điều đó, thì đó gọi là mindfulness. Thí dụ khi mình đọc trên Facebook có ai đó công kích mình, thì mình hiểu rõ đó là công kích, nhưng không trả lời, không phản ứng, không chê hoặc khen v.v...

(*Như vậy mindfulness là một cách Thiền mà người Phương Tây, nhất là Mỹ rất chuộng hiện nay. Xin lưu ý, tôi không dịch chữ mindfulness ra tiếng Việt bởi vì từ trước tới giờ tất cả những cách thức này người Việt chỉ dùng một tên gọi là Thiền. Cũng có người cố gắng dịch ra một danh từ tiếng Việt mới, như “giác sát” hay “thiền chính niệm”, chẳng hạn. Nhưng tôi nghĩ rằng những danh từ đó chỉ làm phức tạp, khó hiểu thêm, nên tôi tạm gọi là Thiền mindfulness. Giác Sát, Thiền Chính Niệm hay Thiền mindfulness thì đều phải mở tự điển Hán Nôm và Anh mới hiểu được mà).*

➤ Phân loại

Người Phương Tây tạm phân Thiền ra làm 4 loại cho dễ tìm hiểu.

- Người ngồi Thiền tập trung vào một vật hay sự việc gì đó.
- Người ngồi Thiền suy nghĩ theo hướng mở rộng tình thương đến tất cả mọi người, kể cả kẻ thù.
- Người ngồi Thiền tiếp nhận các cảm giác, suy nghĩ mà không phán đoán.
- Người ngồi Thiền suy tưởng theo một chủ đề, thường là do một đạo sư yêu cầu.

Trên thực tế, người thực hành có thể áp dụng nhiều loại Thiền một lúc trong khi tu tập, hoặc xen kẽ với nhau,

tuỳ theo thầy hướng dẫn.

► Tư thế

Tư thế truyền thống là ngồi kiết già (*hoa sen*), nhưng người tu tập cũng có thể ngồi bán già (*nửa hoa sen*), ngồi xếp bằng, quì, ngồi trên ghế dựa, nằm dài miễn sao giữ cột sống thẳng và cảm giác thoải mái là được.

► Thành quả

Có rất nhiều bài viết của giới khoa học công nhận thành quả của Thiên. Để cho dễ đọc, tôi xin tạm rút gọn bài của tác giả Jen Rose Smith của đài CNN (3/6/2021) như sau. Thiên có 5 lợi ích lớn:

1. Tập trung tốt hơn, do đó làm việc gì cũng sẽ hiệu quả hơn. (Theo Amishi Jha, Giáo Sư Tâm Lý Học thuộc Đại Học Miami).
2. Giảm những cơn đau mãn tính. Điều này sẽ giúp người bệnh tránh được việc lệ thuộc vào thuốc giảm đau. Chúng ta biết rằng tác dụng phụ của thuốc giảm đau (thường là chế phẩm của thuốc phiện) là gây nghiện. (Theo Eric Garland, Giáo Sư, Phó Trưởng Khoa Đại Học Utah College of Social Work).
3. Trị mất ngủ. Do đó sẽ được ít nhất là 35% người trưởng thành, vốn bị chứng mất ngủ hành hạ, ủng hộ. (Theo nghiên cứu của Mindful Awareness Research Center, Đại Học Los Angeles).
4. Giảm căng thẳng, một căn bệnh thời đại. Nếu bị căng thẳng lâu ngày con người sẽ rơi vào những tình trạng tâm lý tệ hại hơn. (Theo Giáo Sư Diana Winston thuộc Mindful Awareness Research Center, Đại Học Los Angeles)
5. Giảm lo âu, nhất là trong tình hình dịch bệnh Corona

hiện nay, khi mà con người hầu như bó tay, không biết đối phó ra sao. (Theo Susan Johnson, Giáo Sư Tâm Lý Học, Đại Học North Carolina).

➤ **Hãy thận trọng**

Theo Giáo Sư Susan Johnson, dù cho càng ngày càng có thêm nhiều nghiên cứu công nhận lợi ích của Thiền, nhưng đừng xem Thiền là thuộc “trị-bá-bình”. Đôi khi, vẫn còn vài nghiên cứu về Thiền mindfulness không đáp ứng được những qui định khắt khe của giới khoa học. Một phân tích năm 2021 ở Anh nói cần có thêm nghiên cứu trên nhiều đối tượng hơn và cần thực hiện lâu dài hơn. Tuy nhiên, dù khá nghi ngờ những nghiên cứu về Thiền, Giáo Sư Susan Johnson vẫn cho rằng Thiền có ích và chính bà cũng thực hành thường xuyên. Còn Giáo Sư Diana Winston thì nói không phải ai cũng Thiền mindfulness có hiệu quả. Có người được, có người không. Bà nói rằng những nghiên cứu về Thiền vẫn còn rất sơ đẳng dù có nhiều kết quả cho thấy là rất hấp dẫn.

NHỮNG KHÁC BIỆT

Từ những thông tin trên, chúng ta có thể nhận ra những khác biệt giữa Thiền Tây và Thiền Đông. Trước hết, vì khoa học Phương Tây vẫn chưa chứng minh được những phép lạ của các tôn giáo, nên họ loại yếu tố tôn giáo ra khỏi Thiền Học. Họ xem Thiền là một loại bài tập vận dụng cơ thể và tinh thần, nhưng những kết quả đạt được của họ, như đã nêu ở trên, được công nhận về mặt khoa học. Vì vậy người phương Tây nhập Thiền không bắt buộc phải ăn chay trường, không cần giữ các cấm kỵ, không mong cầu giác ngộ, không cầu nguyện để liên lạc với các Đấng Thiêng Liêng, không vái lạy

hay thực hiện các nghi thức tôn giáo v.v...

Trái lại, tư tưởng ở phương Đông đều bắt đầu bằng triết lý tôn giáo, nên đã từng có đề nghị, ở phương Tây mà gọi là triết lý thì ở phương Đông sẽ gọi là đạo học. Những kết quả của Thiền Phương Đông, mà chúng ta thường gọi là “*đắc đạo*”, thí dụ như đạt được mức hiểu biết sâu xa, giải thoát khỏi luân hồi, giao tiếp với Thần Thánh, trị những bệnh nan y cho người khác, biết trước những việc sắp xảy ra v.v... vẫn chưa được giới khoa học công nhận.

CẦN LÀM GÌ HIỆN NAY

Trên Facebook, gần đây tôi đã gặp một việc rất đáng suy nghĩ. Có người nêu câu hỏi “*Em đã nhập môn là tín đồ Cao Đài, vậy em có thể ngồi Thiền được hay không?*” Lập tức có rất nhiều người tham gia trả lời. Nói chung có thể chia câu trả lời thành ba nhóm: một nhóm trả lời là không nên với đầy đủ lý lẽ rất thuyết phục, nhóm thứ hai thì khuyến khích thực hiện cũng với những lý luận nghe rất thuận tai, nhóm thứ ba trả lời linh tinh không đáng kể. Vấn đề sẽ không thể giải quyết được bởi vì người hỏi thì mơ hồ không xác định ngồi Thiền để làm gì mà người trả lời cũng không quan tâm. Theo tôi nghĩ thì phải hỏi lại mục đích của người hỏi rồi mới giới thiệu loại Thiền dành cho người này. Như đã trình bày ở phần đầu, có rất nhiều loại và mỗi loại đều có mục đích riêng. Thiền không phải là một pháp môn tu tập toàn khoa.

Cũng tương tự như vậy, một bạn đạo đã gửi email cho tôi, hỏi rằng tại sao khi thì gọi là huyệt đạo khi thì gọi là luân xa. Tôi đã tạm trả lời thế này: đây là hai khái niệm của hai triết lý khác nhau, do đó chúng không

tương đương với nhau. Huyệt đạo là khái niệm của y học cổ truyền Trung Hoa và Đạo Lão dựa trên triết lý Âm Dương Ngũ Hành, còn luân xa là khái niệm dùng trong Yoga của Ấn Độ Giáo. Cả hai thuộc về hai hệ thống hoàn toàn khác nhau. Nếu tu tập theo một hệ thống nào thì phải hoàn toàn dựa vào đó cho tới khi thành công. Nếu muốn đổi sang pháp môn khác thì phải bắt đầu lại từ đầu. Không thể tuỳ tiện pha trộn hai pháp môn tu tập giống như pha trộn thức ăn vậy.

Hai câu chuyện trên đây làm nổi bật một vấn đề là nhiều tín đồ Cao Đài chỉ biết về Thiền qua loa qua vài câu Thánh Ngôn hoặc qua vài bài báo phổ thông, nhưng lại rất sốt sắng bàn luận, thậm chí là tranh luận về việc đó. Theo tôi nghĩ, có lẽ tốt hơn hết nên đọc qua Essays in Zen Buddhism (*Thiền Luận*) của Giáo Sư Suzuki trước khi có ý kiến. Nên tìm đọc bản dịch tiếng Việt của Trúc Thiền đã xuất bản trước 1975.

KẾT THÚC

Nói tóm lại, bây giờ mà muôn “*ngồi Thiền*” thì trước hết phải xác định mục đích rồi mới tìm được phương pháp Thiền thích hợp. Xin nhắc lại, “*thích hợp*” chứ không phải “*dễ thành công*”. Thí dụ, muốn giảm đau, giảm lo lắng, trị mất ngủ, tăng cường sức khoẻ mà không dính líu tới tôn giáo thì tham gia Thiền mindfulness, tạm gọi là Thiền Phương Tây. Sẽ có thắc mắc là ai dạy và trường nào? Nếu ở Mỹ hay các nước Châu Âu thì dễ, xin mời đến các trường Đại Học, nơi nào có Trung Tâm Thiền (*Meditation Center*) đều được vì chịu trách nhiệm thường là một Giáo Sư chính quy hẵn hoi và giáo viên hướng dẫn thực hành đều qua đào tạo rất chất lượng, không có

tự phong hay mua bằng. Người học sẽ phải đóng học phí, nhưng bài học thì bảo đảm tốt, an toàn về mặt sức khoẻ. Tuy nhiên như đã nêu ở trên “*có người chịu có người không*” nên không có ai bảo đảm thành công 100% đâu. Những nơi nào khác thì tôi không dám trả lời cho tới khi năm được thông tin cụ thể.

Nếu muốn hành Thiền theo một Tôn Giáo nào đó thì lại phải chia ra nhiều thể loại. Cần đạt mức hiểu biết sâu xa mọi vấn đề thì phải theo pháp môn Thiền của Phật Giáo; muốn liên lạc với các Đáng Thiêng Liêng để học hỏi thì theo Tịnh Luyện của Cao Đài Giáo; muốn có sức khoẻ thì Luyện Đan theo Đạo Lão; muốn sống thọ thì luyện Thái Cực cũng của Đạo Lão; muốn có những tác động kỳ diệu của cơ thể thì tập Yoga của Ấn Độ v.v... Và xin nhớ cho, không có một pháp môn tổng hợp cho tất cả các tôn giáo. Vậy điều tiên quyết ở đây là phải trở thành tín đồ của một tôn giáo nào đó, rồi tu học theo hệ thống của họ. Có người hỏi tôi là làm sao tìm được thầy giỏi trong các tôn giáo thì tôi xin trả lời “*tùy duyên*” thôi.

Riêng cá nhân tôi, một tín đồ Đạo Cao Đài bình thường, tôi được dạy rằng những pháp môn Cao Đài dành cho giai đoạn này (*gọi là Tam Kỳ*) đều được trình bày ở Toà Thánh Tây Ninh và qua Thánh Ngôn. Vấn đề là chúng ta phải tự quan sát, học hỏi để tìm pháp môn cho riêng mình. Đặc biệt pháp môn Tịnh Luyện, mà có người gọi là Thiền Cao Đài, vẫn còn là vấn đề tranh cãi gay gắt trong hàng tín đồ. Có lẽ đến khi có Thập Nhị Bảo Quân (*Hàn Lâm Viện Cao Đài*) đầy đủ, thì mới nghiên cứu, xây dựng và định hình được pháp môn Tịnh Luyện cho toàn thể tín đồ thực hành. Nói đến đây có lẽ sẽ có người nói “*Tôi già rồi, không chờ được. Bay*

giờ tôi muốn thực hành Tịnh Luyện ngay”. Tôi xin thưa là giai đoạn đầu của Tịnh Luyện vẫn là Lập Công, Lập Đức, Lập Ngôn. Vậy hãy bắt đầu ba việc đó trước, ở đâu cũng được hết. Nếu nhiệt tình tu tập, thì nội ba việc này, không chừng cũng đã đủ để “đắc đạo” rồi vậy.

Từ Chơn

Sài Gòn, mùa Covid, 16 June 2021

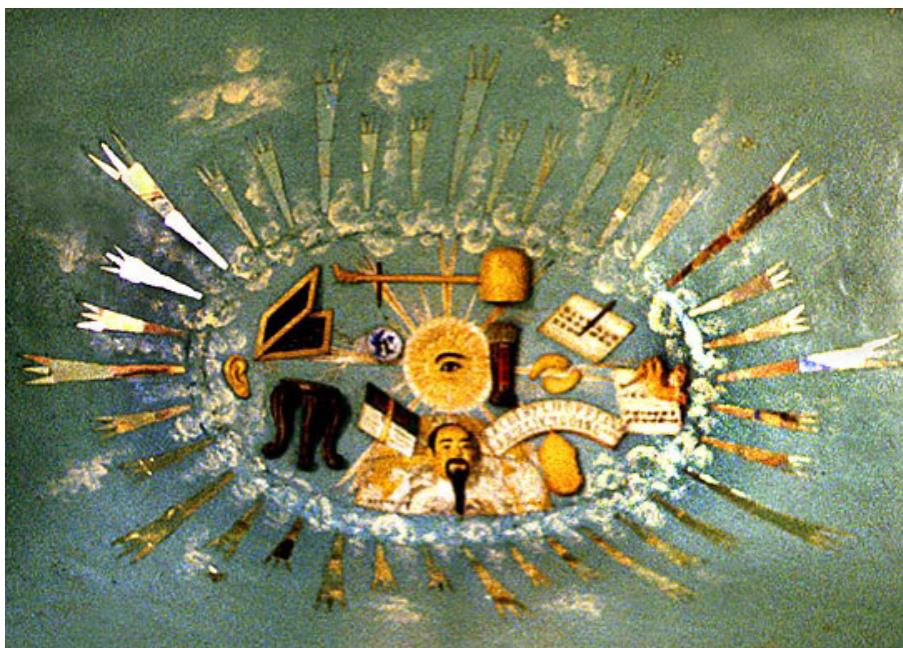
9. NHỮNG CÁCH THỨC THÔNG CÔNG TRONG ĐẠO CAO ĐÀI



GIỚI THIỆU

Dối với người có tôn giáo thì ngoài thế giới loài người đang sống còn ít ra là hai thế giới nữa sau khi chết. Một cho người tốt gọi là Thiên Đàng và một cho kẻ xấu gọi là Địa Ngục. Đối với tín đồ Cao Đài thì thậm chí có nhiều vũ trụ cùng tồn tại. Còn các nhà khoa học thì sao? Thuyết đa vũ trụ mà nổi bật là thuyết của Everett (1957) đã lôi cuốn nhiều nhà khoa học và chúng ta chờ xem nhiều thay đổi trong cách tiếp cận của con người với khoảng không gian bên ngoài trái đất mà Cao Đài gọi là Địa Cầu 68.

Do vậy loài người từ lâu đã tìm nhiều cách liên lạc với các thế giới đó. Đạo Cao Đài lập ra dựa trên nền tảng này và những cách liên lạc này được gọi là thông công. Thông công gồm nhiều cách như cầu nguyện, xây bàn, cầu cơ, chắp bút v.v... Trong Đạo Cao Đài, những phương pháp này đã được nâng lên hàng cao quý gọi là Bửu Pháp – nghĩa là những cách thực hiện tôn quý. Trong Tòa Thánh Tây Ninh, khoảng trống giữa bàn thờ Thượng Đế và các ngai của Giáo Tông, Chưởng Pháp và Đầu Sư được gọi là Cung Đạo. Đây là nơi các chức sắc cao cấp ngày trước cầu cơ giao tiếp với Cõi Thiêng Liêng. Đứng tại đây nhìn thẳng lên trần Đền Thánh, sẽ nhìn thấy biểu tượng của các Bửu Pháp này.



Hình ảnh trên Cung Đạo Đền-Thánh

Những cách thức thông công trên trần Cung Đạo

Đầu tiên chúng ta sẽ thấy một hình bầu dục toả ra những tia hào quang và bên trong là nhiều hình thể được đắp nổi. Không thấy có tài liệu chính thức nào của Hội Thánh giải thích rõ hình này, nên chúng tôi tự tìm hiểu bằng cách tổng hợp từ nhiều nguồn thông tin, kể cả phỏng vấn những tín đồ lớn tuổi để có được những giải thích như sau.

Chính giữa là hình Thiên Nhãn tượng trưng đáng quyền lực Tối Cao trong vũ trụ này mà tín đồ Cao Đài gọi là Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, Đức Chí Tôn, Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đại Từ Phụ, hay đơn giản là Thầy.

Dưới Thiên Nhãn là hình một người nam gốc Á Châu lớn tuổi, để râu dài rất tiên phong đạo cốt, trên nền của quả địa cầu. Chúng tôi nhận được nhiều giải thích khác nhau về hình này, như là Thượng Đế, Hồng Quân Lão Tổ, Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư và hình ảnh tượng trưng cho nhân loại.

Vậy chỗ này mời quý đọc giả cùng vận dụng chút suy luận để tìm hiểu đến nơi đến chốn. Trước hết hãy khẳng định chủ đề của bức phù điêu này. Rõ ràng bức tranh này nói về những dụng cụ mà loài người dùng để liên lạc với thế giới bên kia (*tín đồ Cao Đài gọi là Cõi Thiêng Liêng Hằng Sóng*). Vậy những ý đi ra ngoài chủ đề này ta sẽ loại ra. Suy ra, nếu cho tượng bán thân là Thượng Đế thì đã có biểu tượng Thiên Nhãn rồi, không hợp lý! Vả lại triết lý đạo dạy rằng Thượng Đế không có hình tướng. Nếu cho là Hồng Quân Lão Tổ, là vị Thần tối cao trong Đạo Giáo, xuất hiện đầu tiên sau khi vũ trụ hình thành, thì khái niệm này tương đương với Thượng Đế, cũng không hợp lý. Nếu cho là Đức Cao Thượng Phẩm,

thì chúng tôi không thấy tài liệu nào của đạo đề cập đến việc này. Chỉ có nữ soạn giả Nguyên Thuỷ nói Đức Hộ Pháp bảo ông Tá Lý Bùi Ái Thoại tạo hình Hồng Quân Lão Tổ theo hình ảnh của Đức Thượng Phẩm. Nhưng tại sao lại đắp theo hình ảnh Ngài Cao Quỳnh Cư? Xin mời quý đọc giả đọc phần 9 của bài này sẽ rõ. Rốt cuộc chỉ còn một giả thuyết mong manh, nhưng hợp với chủ đề, là ảnh này tượng trưng nhân loại. Nhân loại dùng những dụng cụ trong ảnh để liên lạc với Thượng Đế. Như vậy là tạm thời hợp với chủ đề của phù điêu cho đến khi nào có một văn bản giải thích chính thức của Hội Thánh.

Những vật thể còn lại chắc chắn là các dụng cụ để thông công và được xét lần lượt từ trên xuống dưới như sau:

1. Đại Ngọc Cơ: trước hết, phía trên Thiên Nhãn là một dụng cụ rất đặc trưng của Đạo Cao Đài được gọi là Đại Ngọc Cơ. Đây là một chiếc giỏ đan bằng tre, trên miệng giỏ có một thanh gỗ (*thường là bằng cây dâu*) gác ngang qua tâm. Một đầu thanh gỗ vươn dài ra bên ngoài, tận cùng được khắc thành hình đầu chim loan. Đây chính là bút để viết. Khi sử dụng, giỏ có tư thế úp miệng xuống và có hai người nâng miệng giỏ. Sau đó người ta cũng cầu nguyện xin được giao tiếp. Lúc cơ giáng, đầu chim loan sẽ viết xuống mặt bàn, hoặc có khi viết lên mặt giấy. Do các cách tiếp xúc như xây bàn hoặc dùng Tiểu Ngọc Cơ thường rất chậm, một bài văn có khi mất cả đêm, nên các Đấng Thiêng Liêng đã dạy các đệ tử Cao Đài tạo ra Đại Ngọc Cơ để nhận nhiều thông tin hơn và nhanh hơn. Hiện nay Đại Ngọc Cơ được giữ ở Nữ Đầu Sư Đường Toà Thánh Tây Ninh.

2. Xin xăm: phía bên trái của Thiên Nhãn là hình

đắp nổi của một ống xăm, và một đôi “keo” âm dương. Ông xăm thường là một ống tre hình trụ cao khoảng 0,15 m. Trong ống đựng những thẻ xăm cũng bằng tre. Mỗi thẻ này đều có đánh số thứ tự.

Nếu muốn hỏi các Đáng Thiêng Liêng điều gì thì người ta làm như sau: quì trước bàn thờ, hai tay cầm ống xăm đưa lên ngang mày, đọc thầm điều muốn hỏi. Sau đó người ta lắc ống xăm theo một cách qui định sẵn. Thường thì sau khoảng vài phút sẽ có một thẻ xăm rơi ra khỏi ống.

Bây giờ người ta mới tiến hành xin “keo”. Keo là hai mảnh gỗ đặt vừa lòng bàn tay người. Hai mảnh này có dạng một hạt đậu tách ra làm đôi. Người ta cũng nâng hai mảnh gỗ ngang mày cầu nguyện. Sau đó thả rơi xuống sàn. Nếu hai mảnh nằm trái chiều nhau, (*một sấp một ngửa*) điều đó có nghĩa là các Đáng Thiêng Liêng đã đồng ý trả lời bằng thẻ xăm đã rơi ra trước đó.

Cuối cùng người ta đọc số trên thẻ xăm, rồi đến nơi trữ sẵn các que xăm để nhận câu trả lời. Các que xăm thường là một mảnh giấy ghi một bài thơ ngắn kể về một điển tích trong sử ký Trung Hoa và lời bình luận ở dưới. Người ta liên hệ câu chuyện này với bản thân và đoán ra câu trả lời.

Xin xăm thường phổ biến ở các đền thờ, chùa Phật trên khắp đất nước Việt Nam. Trước năm 1975, tại đền thờ Phật Mẫu ở Tòa Thánh Tây Ninh cũng có tổ chức xin xăm. Nhưng sau 1975 thì việc này bị chính quyền cho là mê tín dị đoan và bị cấm chỉ. Tuy nhiên, ở Sài Gòn thì vẫn còn cho xin xăm ở Lăng Tả Quân Lê Văn Duyệt (*Lăng Ông Bà Chiểu*) và, mới đây theo mạng Internet, chùa Vạn Phật ở quận 5 có máy xin xăm nhập

từ Đài Loan.

3. Huyền Bút: Giữa đôi keo “âm dương” và đường biên của hình bầu dục là một cây viết đặt trên một xấp giấy. Đây là cách cầu cơ gọi là Huyền Bút. Theo Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng trong Khảo Luận Xây Bàn & Cơ Bút (2005), thì trong cách này người ta không cần đồng tử mà treo một cây viết dưới một nhánh trúc, đầu viết chạm vào giấy. Sau khi cầu nguyện thì viết di chuyển và tạo ra chữ trên mặt giấy. Trong bức phù điêu nói trên thì xấp giấy có ghi mấy câu thơ bằng Hán văn như sau:

Viết thủ Thiên-thơ với nét trần.

Hầu sau bền giữ nghiệp Hồng quân.

Chuyển luân thế sự...

Toàn văn bài thơ là của Đức Lý Thái Bạch, Giáo Tông Đạo Cao Đài giáng cho trong đàm cơ tại Báo Ân Từ, ngày 15-10-Đinh Sửu (17-11-1937) như sau:

Viết thủ Thiên-thơ với nét trần,

Hầu sau bền giữ nghiệp Hồng-quân.

Chuyển-luân thế sự đưa kinh Thánh,

Trù diệt tà-gian múa bút Thần.

Kìa lóng non Kỳ reo tiếng phùng,

Nầy xem nước Lỗ biến hình Lân.

Công-danh nước Việt tay đành nắm,

Mưa móc dân-sanh gắng gội nhuần.

4. Chắp Bút: Phía dưới hình cầu cơ bằng Huyền Bút là ảnh một bàn tay cầm bút lông viết trên một mặt phẳng mấy câu thơ bằng Hán văn:

Ký thành một cuốn gọi Thiên-thơ.

Khai Đạo muôn năm trước định giờ,

Mau bước phải gìn...

Toàn văn bài thơ là của Đức Chí Tôn ban cho Ông Nguyễn-văn-Ký (*tên ông này là từ đầu tiên của bài thơ*) trong một đàm cơ ngày 29 tháng 10 năm Bính-Dần (3-12-1926), như sau:

*Ký thành một cuốn gọi Thiên-thơ.
Khai Đạo muôn năm trước định giờ,
Mau bước phải gìn cho mạnh trí.
Năm đuôi phuớn phụng đến dương bờ.*

Đây là một cách thông công dành cho các chúc sắc cao cấp trong Đạo Cao Đài gọi là Chấp Bút. Theo Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng trong Khảo Luận Xây Bàn & Cơ Bút (2005), thì chỉ có một vài vị đệ tử đầu tiên là được Thiêng Liêng cho phép áp dụng cách này như Đức Quyền Giáo Tông, Đức Hộ Pháp, Đức Thượng Phẩm, Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức, Ngài Khai Đạo Phạm Tân Đãi và Ngài Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh.

Sau này, theo quyển Bí Pháp Luyện Đạo của Bát Nương Diêu Trì Cung (1979) thì Hiền Tài Nguyễn Văn Mới (*cựu Tốc Ký Viên của Đức Hộ Pháp*) cũng được Bát Nương dạy cách chấp bút.

Theo cách này, người sử dụng lấy một xấp giấy, đánh số thứ tự vào các mặt giấy rồi đặt ngay trước mặt mình. Sau đó quì trước bàn thờ, dùng tay thuận của mình nâng một cây viết (*không bắt buộc phải là loại gì*) ngang mày và cầu nguyện. Nếu có hiện tượng giáng bút, tay cầm viết sẽ bị tê rần lên và sẽ tự động hạ xuống viết lên mặt giấy. Lúc này người viết rơi vào trạng thái nửa tỉnh thức, nửa mê man. Khi viết hết một mặt giấy, tay kia sẽ tự động lật giấy sang trang để viết tiếp. Chính vì thế mà phải đánh số trang trước, để khi viết xong, người viết

tỉnh lại, nhặt giấy lên ghép lại thành văn bản.

5. Tiếu Ngọc Cơ: Ngay phía dưới đồi keo “âm dương” là một bảng mẫu tự Latin. Đây là cách câu cơ rất phổ biến ở các nước phương Tây. Người ta dùng một miếng gỗ nhỏ có hình quả tim, có thể lắp thêm bi lăn ở dưới để cho dễ di chuyển. Đó là cơ. Cơ được đặt lên một bảng chữ cái. Khi câu cơ, cần có hai người đặt ngón trỏ lên trên cơ. Sau đó người ta câu nguyện giống như khi xây bàn. Khi có một linh hồn nào nhập vào, cơ sẽ di chuyển vòng tròn (*thường là ngược chiều kim đồng hồ* nếu ở Việt Nam). Mũi nhọn của trái tim (cơ) chỉ vào mẫu tự nào thì người ta sẽ ghi chép mẫu tự đó để ghép lại thành văn bản. Nhiều đệ tử khác trong Đạo Cao Đài đã dùng cách này và gọi đó là Tiếu Ngọc Cơ.

6. Bói Dịch: Ở bên phải Thiên Nhã là một chiếc dĩa nhỏ, phía dưới là một quyển sách được thắt dây, có ghi chữ Tứ Kinh. Đây là cách thông công theo truyền thống Trung Hoa. Trong năm bộ kinh điển của Khổng Giáo gọi là Ngũ Kinh có bộ Kinh Dịch, giải thích quan niệm của cổ nhân Trung Quốc về những biến đổi trong vũ trụ. Theo cách thông công này, khi có thắc mắc gì muốn hỏi các Đấng Thiêng Liêng, người ta gieo mấy đồng xu hoặc hột xúc xác lên cái dĩa. Từ đó thu được một con số. Số này sẽ chỉ ra một trong 64 que ghi trong quyển Kinh Dịch và nhờ đó người ta suy ra giải đáp cho thắc mắc của mình. Như vậy thì cách này cũng giống như xin xăm hay như ở Việt Nam có bói Kiều vậy.

7. Huyền Cơ: Ngang với chiếc dĩa là hình một vật giống như hai tấm bảng hoặc một cái hộp có nắp đậy. Đây là vật rất khó xác định, nên chúng tôi đành phải suy đoán. Nếu là hai tấm bảng, thì chưa thấy hoặc nghe vật

dụng gì dùng để thông công giống như vậy. Nếu là cái hộp có nắp đậy, thì giống cách cầu cơ gọi là Huyền Cơ. Theo Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng trong Khảo Luận Xây Bàn & Cơ Bút (2005), cách này không cần đồng tử cầm viết, người ta cho giấy trắng vào trong hộc bàn (*giống cái hộp trong hình*) hoặc phong bì rồi cầu nguyện. Ít lâu sau lấy giấy ra thì thấy đã có chữ viết trên đó. Hy vọng là suy đoán này hợp lý. Nếu không thì đành chờ khi nào có đủ Thập Nhị Bảo Quân túc Hàn Lâm Viện Cao Đài quyết định vậy.

Trên bề mặt của vật thể này cũng có ghi những Hán tự như sau:

*Muôn kiếp có ta nắm chủ quyền,
Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên.
Đạo mầu rưới khắp....*

Đây là bài tú tuyệt của Đức Chí Tôn giáng cho trong buổi cầu cơ đêm Noel 1925, nguyên văn như sau:

*Muôn kiếp có ta nắm chủ quyền,
Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên.
Đạo mầu rưới khắp nơi trần thế,
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biển.*

8. Xây bàn: (*Có người gọi là sai bàn*) Ngay dưới cách cầu theo Huyền Cơ này, người ta sẽ nhìn thấy một chiếc bàn ba chân tượng trưng cho phương pháp xây bàn. Đây là một chiếc bàn được thiết kế sao cho một chân ngắn hơn những chân còn lại. Do đó bàn bị gập ghènh và có thể gõ chân xuống sàn tạo ra tiếng động. Khi cần giao tiếp với thế giới siêu tự nhiên, sẽ có nhiều người (*số người không giới hạn*) ngồi xung quanh bàn, úp bàn tay lên bàn rồi cùng cầu nguyện, hoặc đọc một bài thơ có nội dung xin được tiếp xúc với các linh hồn ở cõi thiêng

liêng. Khi có một linh hồn nào đó muốn giao tiếp, thì bàn chuyển động và gỗ chân xuống nền nhà. Theo qui ước truyền thống ở Việt Nam, bàn gỗ một nhịp là muốn nói mẫu tự A, hai nhịp là Ă, ba là Â v.v... Cứ như thế, các mẫu tự sẽ ghép lại thành từng chữ rồi thành bài văn hay thơ. Trong số các đệ tử đầu tiên của Đạo Cao Đài thì ba vị Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang và Phạm Công Tắc đã dùng cách này để liên lạc với thế giới Thiêng Liêng. Hiện nay ở Nữ Đầu Sư Đường Toà Thánh Tây Ninh còn giữ một chiếc bàn bốn chân và ở Thảo Xá Hiền Cung (*Thánh Thát Châu Thành Tây Ninh*) giữ một chiếc bàn ba chân. Ngày xưa bàn bốn chân này dùng để xây bàn ở nhà của Ngài Cao Quỳnh Cư còn bàn ba chân dùng ở nhà Ngài Cao Hoài Sang.

9. Sóng âm: Phía bên phải của cái bàn ba chân, sát với đường biên là hình chiếc lỗ tai. Đây là biểu tượng cho cách liên lạc bằng sóng âm, nghĩa là nghe các đấng nói chuyện trực tiếp. Tuy nhiên, chỉ có người nào được cho phép liên lạc mới nghe thấy thôi. Những người khác sẽ không nghe được cho dù cùng có mặt tại chỗ với người đó. Đối với các tín đồ Thiên Chúa Giáo thì hiện tượng này không phải là lạ. Đức Mẹ đã tiếp xúc và nói chuyện với nhiều tín đồ ở Fatima, La Vang, Mexico v.v... Hiện nay Đức Mẹ đang nói chuyện với nhiều thị nhân (*tức là người nhìn thấy được Đức Mẹ*) mà nổi bật là bà Mirjana ở làng Medjugorie thuộc nước Bosnia-Herzegovina. Hiện tượng này bây giờ quý đọc giả có thể dễ dàng xem qua YouTube.

10. Xuất Chơn Thần: Bây giờ xin quay lại phần tượng Đức Cao Thượng Phẩm, theo lý giải của nữ soạn giả Nguyễn Thuỷ. Như đã trình bày ở phần giới thiệu, đê

hợp với chủ đề của phù điêu thì chúng tôi giải thích hình này kèm theo quả địa cầu sau lưng là tượng trưng cho loài người. Vì chủ đề tranh là “*Loài người và các cách thông công với cõi thiêng liêng hằng sống*”. Nhưng lý giải sao khi Đức Hộ Pháp bảo ông Tá Lý Bùi Ái Thoại lấy Đức Cao Thượng Phẩm làm mẫu? Chúng tôi mạnh dạn suy đoán đây là biểu tượng của cách thông công cao cấp nhất trong Đạo Cao Đài: Xuất Chơn Thần.

Lý do là vì, thứ nhất, xuất Chơn Thần cũng là một cách thông công của Cao Đài, nhưng trong bức phù điêu này chưa có nhắc tới.

Thứ hai, do thánh ngôn dạy cấm uống rượu năm Mậu Thìn (1928) có đoạn: “*Thầy nói cái Chơn Thần là nhị xác thân các con, là khí chất (le sperme évaporé). Nó bao bọc thân thể các con như khuôn bọc vậy. Nơi trung tim của nó là óc; nơi cửa xuất nhập của nó là mồ ác, gọi tiếng chữ là vi hộ, nơi ấy Hộ Pháp hằng đứng mà gìn giữ chơn linh các con, khi luyện thành đạo, đặng hiệp một với Khí, rồi mới đưa thấu đến Chơn Thần hiệp một mà siêu phàm nhập Thánh*”. Vậy, do Chơn Thần xuất ra từ mồ ác trên đỉnh đầu nên hình ảnh đầu người đúng là để tượng trưng cho cách thông công này.

Thứ ba, xuất Chơn Thần thường là kết quả của pháp môn tịnh luyện trong Tịnh Thất Cao Đài. Theo Tân Luật Pháp Chánh Truyền thì Đức Thượng Phẩm chủ quản các Tịnh Thất. Lại nữa, trong Bí Pháp Luyện Đạo (1979), sau khi người luyện đạo xuất Chơn Thần ra được, Bát Nương Diêu Trì Cung dạy rằng: “*Còn việc ta muốn đi đâu và gặp ai thì lại phải cầu xin với Đức Thượng Phẩm. Nếu được thì Đức Thượng Phẩm điều khiển cây Long Tu Phiến giúp Chơn Thần ta đến nơi mà ta muốn đến, gặp*

người mà ta muốn gặp”. Rõ ràng Đức Thượng Phẩm rất quan trọng trong cách thông công này. Điều này lý giải tại sao Đức Hộ Pháp bảo lấy hình ảnh Thượng Phẩm để tượng trưng cho cách thông công xuất Chơn Thần.

Trong cách này, con người tiếp xúc trực tiếp với Thế Giới Thiêng Liêng bằng tư tưởng. Chưa thấy có tài liệu chính thức nào của Đạo Cao Đài nói rõ về cách thức này. Qua Thánh Ngôn, chỉ thấy nói là có cách luyện Tam Bửu và sẽ dạy cho các tín đồ khi vào Tịnh Thất để luyện đạo.

Để tham khảo thêm về Tịnh Luyện Cao Đài, kính mời quý đọc giả đọc Bí Pháp Luyện Đạo của Bát Nương Diêu Trì Cung do Từ Huệ chấp bút trên internet. Hiện giờ, đây là tài liệu rõ ràng và dễ hiểu nhất. Theo thiển ý, vài trăm năm nữa, khi Hội Thánh có đủ Thập Nhị Bảo Quân (*Hàn Lâm Viện Cao Đài*) sẽ nghiên cứu mọi tài liệu để thảo ra chương trình tịnh luyện phù hợp nhất cho các tín đồ.

NHỮNG ĐỒNG TỬ

Dù là cách nào đi nữa, thì yếu tố quan trọng nhất vẫn là người thực hiện. Trong Cao Đài Giáo, những người thực hiện được các cách giao tiếp nói trên thường được gọi là các đồng tử (*psychics*) và không phải ai cũng có thể là đồng tử.

Đặc biệt chỉ có một số đồng tử nhất định có thể nhận lời truyền dạy từ Thượng Đế, những vị này được gọi là Ngự Mã Quân. Lúc mới mở đạo, Thượng Đế đã giáng cơ chỉ định 7 đôi đồng tử:

1. Quý ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc.
2. Cao Hoài Sang và Cao Quỳnh Diêu.

3. Trương Hữu Đức và Nguyễn Trung Hậu.
4. Trần Duy Nghĩa và Trương Văn Tràng.
5. Ca Minh Chương và Phạm Văn Tươi.
6. Phạm Tấn Đãi và Nguyễn Thiêng Kim.
7. Huỳnh Văn Mai và Võ Văn Nguyên.

Các vị này đem Đại Ngọc Cơ đi đến nhiều nơi ở Việt Nam để các Đáng Thiêng Liêng giáng cơ thu nhận tín đồ. Sau đó, vì phương pháp thông công bị lạm dụng quá nhiều, nên đã có lệnh ngưng cầu cơ rộng rãi ngoài các tín đồ. Riêng Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh vẫn thực hiện cầu cơ cho đến năm 1975. Sau đó, chính quyền đã cấm hoạt động này.

PHÂN LOẠI CƠ

Theo Thánh Ngôn, những cách thông công nói trên thường tạo ra những bài văn hoặc thơ và được phân loại thành Tiên Cơ, Tà Cơ và Nhơn Cơ. Ranh giới giữa ba loại rất mong manh, rất khó phân biệt. Nói chung, tìm được một đồng tử đã khó, tìm được một bài cơ có giá trị còn khó hơn nữa.

► 1. Tiên Cơ

Khi cầu cơ và nhận được những bài văn, thơ hay, hoặc lời giảng đạo uyên thâm, thì những bài cơ này được xem là có nguồn gốc Tiên Cơ.

► 2. Tà Cơ

Khi những bài cơ ẩn chứa những ý đồ xấu, hoặc có lời lẽ không đạo đức xúi giục người ta tranh chấp với nhau, đó là kết quả của Tà Cơ.

► 3. Nhơn Cơ

Khi không có Đáng Thiêng Liêng nào giáng mà đồng tử điều khiển cơ nói ra ý nghĩ của chính mình, đó là Nhơn Cơ. Điều này thường xảy ra ở những người ham danh tiếng hay chức tước. Thường mình ham chức gì thì cơ sẽ phong chức đó cũng như mình muốn đắng nào phong chức cho mình, cũng sẽ được như ý muốn.

KẾT LUẬN

Do rất khó phân biệt đâu là Tiên Cơ, Tà Cơ hoặc Nhơn Cơ, nên trong Đạo Cao Đài không có khuyến khích tín đồ dùng các phương pháp thông công này. Các tín đồ nào muốn tìm hiểu giáo lý thì, trước hết, hãy đọc Quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyên I và II. Đây là tài liệu quan trọng ghi lại các bài cơ trong thời kỳ mở Đạo. Hiện nay đây là quyển sách được Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh chính thức phát hành.

Tù Chon

Sài Gòn, 12/4/2007
Sửa chữa bổ sung 10/12/ 2020

NHỮNG BÀI VIẾT VỀ TRIẾT LÝ ĐẠO CAO-ĐÀI

Biên Soạn: TỪ CHƠN